

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

-----o0o-----

**TỔNG QUAN KHOA HỌC
ĐỀ TÀI CẤP BỘ**

**KHAI THÁC TIỀM NĂNG
KINH TẾ DU LỊCH Ở CÁC TỈNH
DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG**

Chủ nhiệm đề tài : TS. Đỗ Thanh Phương
Thư ký đề tài : ThS. Trần Đình Chín
Cơ quan chủ trì : Học viện Chính trị khu vực III

Đà Nẵng, 2007

6749
10/3/08

TẬP THỂ TÁC GIẢ

1. TS. Đỗ Thanh Phương (Chủ nhiệm đề tài) Học viện Chính trị Khu vực 3
2. PGS.TS Phạm Hảo Học viện Chính trị Khu vực 3
3. Th.S Phạm Tiến Lực Học viện Chính trị Khu vực 3
4. PGS.TS Phạm Thanh Khiết Học viện Chính trị Khu vực 3
5. TS.Trần Thị Bích Hạnh Học viện Chính trị Khu vực 3
6. ThS. Nguyễn Văn Hùng Học viện Chính trị Khu vực 3
7. Th.S Lê Văn Hải Học viện Chính trị Khu vực 3
8. TS.Nguyễn Thế Trâm Học viện Chính trị Khu vực 3
9. ThS.Phạm Quốc Tuấn Học viện Chính trị Khu vực 3
10. TS.Nguyễn Ngọc Hoà Học viện Chính trị Khu vực 3
11. Nguyễn Thị Kim Hoa Học viện Chính trị Khu vực 3
12. Th.S Trần Đình Chín Học viện Chính trị Khu vực 3

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	01
CHƯƠNG 1: KINH TẾ DU LỊCH VÀ VIỆC KHAI THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở NƯỚC TA.	06
1.1.Kinh tế du lịch và vai trò của du lịch trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.	06
1.2.Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở nước ta hiện nay.	15
1.3.Nguyên nhân khách quan của việc khai thác tiềm năng phát triển du lịch.	18
1.4.Du lịch Việt Nam trong sự phát triển của du lịch thế giới.	20
CHƯƠNG 2: KHAI THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG - THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG.	24
2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội và tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.	24
2.2.Tình hình khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung và những vấn đề đặt ra.	39
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ KHAI THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG.	70
3.1.Quan điểm và phương hướng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.	70
3.2.Những giải pháp để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.	75
KẾT LUẬN	105
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Duyên hải miền Trung (DHMT) Việt Nam có tiềm năng du lịch đa dạng và phong phú, đặc biệt là nơi có nhiều di sản văn hóa thế giới như Thánh địa Mỹ Sơn, phố cổ Hội An, cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế và Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận. Đây là tiềm năng to lớn và quý giá để du lịch vùng DHMT phát triển, nhưng hậu quả nặng nề của các cuộc chiến tranh, hằng năm luôn bị thiên tai, cùng với việc duy trì cơ chế tập trung, bao cấp khá lâu nên kinh tế - xã hội của các tỉnh DHMT nói chung và kinh tế du lịch nói riêng còn chậm phát triển.

Kinh tế du lịch là ngành kinh doanh năng động và hiệu quả, là ngành công nghiệp không khói, góp phần quan trọng vào tổng sản phẩm xã hội, vừa thực hiện xuất khẩu tại chỗ, vừa có khả năng mở rộng quy mô về việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Đồng thời cũng là một ngành quảng bá một cách hữu hiệu hình ảnh, bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam với bè bạn trên khắp thế giới. Mặt khác, ngành du lịch còn mang tính xã hội hóa cao, khi phát triển sẽ kéo theo nhiều ngành nghề khác phát triển, thúc đẩy nền kinh tế khu vực phát triển nhanh, toàn diện.

Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở Việt Nam nói chung và tiềm năng du lịch ở các tỉnh DHMT nói riêng trong những năm qua còn đang ở trình độ thấp, chất lượng chưa cao, cơ sở vật chất kỹ thuật (kết cấu hạ tầng, hệ thống khách sạn) còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được đòi hỏi nhu cầu ngày càng cao của du khách. Vấn đề đặt ra cho ngành du lịch ở các tỉnh DHMT hiện nay là phải hiện đại hóa hệ thống khách sạn, có kế hoạch bảo tồn, trùng tu các di tích lịch sử, văn hóa, các danh lam thắng cảnh. Do đó, các địa phương cần có chiến lược phát triển ổn định để tương lai du lịch các tỉnh DHMT trở thành ngành công nghiệp

không khói, tạo điều kiện cho du lịch miền Trung tiến kịp, hòa nhập với trình độ phát triển của du lịch cả nước và các nước trong khu vực.

Thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch trong những năm qua ở nước ta cho thấy, muốn thúc đẩy du lịch phát triển và đạt hiệu quả kinh tế - xã hội như mong muốn cần phải có một chiến lược phát triển du lịch, đồng thời phải có chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động và khai thác tiềm năng kinh tế du lịch hợp lý, trong một quy hoạch tổng thể, chi tiết, đồng bộ và bền vững. Bên cạnh đó, để đưa ngành kinh tế du lịch phát triển tương xứng với tiềm năng, việc xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân lành nghề được đào tạo chính quy là một đòi hỏi bức bách cần được các địa phương nhanh chóng triển khai thực hiện, mới có thể đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế du lịch trong điều kiện mới. Mặt khác cần phải có một cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng đảm bảo cho hoạt động du lịch, cơ sở vật chất đó phải phù hợp với thị hiếu, đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của du khách. Có như thế hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực du lịch mới có thể mang lại những lợi ích to lớn hơn, khai thác hiệu quả hơn các tiềm năng vốn được đánh giá là nhiều lợi thế của du lịch Việt Nam nói chung, Duyên hải miền Trung nói riêng.

Xuất phát từ lý do đó, tập thể nhóm nghiên cứu khoa học chúng tôi chọn vấn đề **“Khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh duyên hải miền Trung”** để làm đề tài nghiên cứu.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài.

Nghiên cứu tình hình khai thác, phát triển kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT đã có nhiều đề tài, công trình, bài báo, song đáng chú ý là tập trung ở các công trình sau:

-Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch tại Bắc Trung Bộ bằng tour du lịch con đường di sản văn hóa thế giới. Đề

tài này nghiên cứu các giải pháp nhằm làm rõ việc khai thác tiềm năng du lịch ở các tỉnh Thừa Thiên- Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Đặc biệt là định hướng phát triển bằng tour du lịch con đường di sản văn hóa thế giới (của Tổng cục du lịch năm 2003).

-Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch Tây Nguyên bằng tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên”. Đề tài tập trung phân tích thực trạng và đưa ra hệ thống giải pháp sát thực tế, phản ánh rõ nét cảnh quan thiên tạo đa dạng ở Tây Nguyên, đã đưa ra một số luận giải khoa học về giá trị kinh tế, văn hóa đầy hứa hẹn của tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên” cần được bảo vệ và khai thác thật sự có hiệu quả.

Bên cạnh đó các đề tài tiêu biểu nêu trên, có một số công trình liên quan khác như các kế hoạch khai thác và phát triển ngành kinh tế du lịch được ngành cũng như các địa phương rất quan tâm. Cụ thể như: Phát triển du lịch tỉnh Thừa Thiên -Huế; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thành phố Đà Nẵng; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Nam; Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam (2001-2010) -Tổng cục Du lịch; Con đường lịch sử Kan Sai- Nhật Bản; Tài liệu ban điều hành “Con đường di sản” Paul Stoll; Non nước xứ Quảng (tập 1-2) Lê Quốc Minh; Du lịch văn hóa Chăm - Đề tài nghiên cứu khoa học năm 2001; Du lịch sinh thái Thừa Thiên -Huế -Đề tài nghiên cứu khoa học năm 2001; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch miền Trung Việt Nam Jica; Kinh nghiệm trên xa lộ lịch sử - Fumiaki Gendo; Phát triển vùng kinh tế động lực miền Trung năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Viện nghiên cứu phát triển du lịch; Phong Nha Kẻ Bàng với sự phát triển du lịch bền vững...

Tuy nhiên, các công trình trên chỉ mới được tập trung nghiên cứu chủ yếu dưới giác độ tìm kiếm và phát hiện các nhân tố có tính kỹ thuật để

thúc đẩy phát triển du lịch ở DHMT là chủ yếu, việc xây dựng một hệ thống các giải pháp có tính tổng thể, làm cơ sở định hướng phát triển cho cả vùng thì chưa có công trình nào đề cập một cách sâu sắc. Ví dụ như, mỗi một địa phương khi xây dựng quy hoạch khai thác và phát triển tiềm năng du lịch của địa phương mình thường chủ yếu tập trung nghiên cứu các nhân tố có tính nội tại, ổn định, việc tìm hiểu sự liên kết, mối quan hệ giữa các địa phương trong việc phối hợp hoạt động khai thác du lịch hầu như rất lỏng lẻo, nhiều khi không được đặt ra. Chính vì vậy, nhiều năm qua, ngành du lịch các tỉnh DHMT còn lúng túng trong việc tạo dựng một chiến lược khai thác, kinh doanh có tính liên hoàn, tạo tiền đề cho nhau để cùng phát triển. Có thể nói đây là một trong những nguyên nhân chính làm cho hiệu quả, tính bền vững, sự năng động của kinh tế du lịch DHMT phát triển chưa tương xứng với tiềm năng vốn có của mình.

Xuất phát từ tình hình nghiên cứu trên, trong kế hoạch nghiên cứu khoa học 2006 chúng tôi chọn đề tài “**Khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT**” với hy vọng góp phần làm sáng tỏ hơn nữa những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong việc khai thác và phát triển ngành kinh tế du lịch, một ngành kinh tế có nhiều triển vọng để thúc đẩy kinh tế - xã hội của vùng DHMT phát triển.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài.

3.1. Mục tiêu nghiên cứu.

-Phân tích thực trạng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở tỉnh DHMT những năm qua.

-Đề xuất hệ thống giải pháp để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT trong tiến trình CNH, HĐH, trong xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ của đề tài.

-Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của quá trình khai thác, phát triển tiềm năng kinh tế du lịch và vai trò của kinh tế du lịch trong việc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

- Đánh giá đúng thực trạng của việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT trong thời gian qua, tìm kiếm giới thiệu những mô hình hoạt động du lịch có hiệu quả và những hạn chế của nó. .

- Nêu lên phương hướng và những giải pháp hợp lý để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT hiện nay một cách có hiệu quả.

4. Nội dung nghiên cứu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo đề tài được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Kinh tế du lịch và việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở nước ta.

Chương 2: Khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT - Thực trạng và triển vọng.

Chương 3: Phương hướng và những giải pháp chủ yếu để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh DHMT.

CHƯƠNG 1

KINH TẾ DU LỊCH VÀ VIỆC KHAI THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở NƯỚC TA

1.1. Kinh tế du lịch và vai trò của du lịch trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

1.1.1. Sự hình thành và phát triển.

Du lịch xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử xã hội loài người. Hơn 4000 năm trước đây con người đã có những cuộc vi hành từ nơi này đến nơi khác để tham quan hoặc nghỉ ngơi. Năm 776 trước công nguyên, người Hy Lạp đã tổ chức các đại hội Olympic, người đi xem đông có nhu cầu nghỉ lại, từ đó các nhà nghỉ, nhà trọ cho vận động viên và cho khán giả ra đời.

Thời kỳ La Mã cổ đại, người ta thường tổ chức đi tham quan các ngôi đền và những danh lam thắng cảnh ở Ai Cập, ở Địa Trung Hải. Nhu cầu đi lại tăng lên nhiều cho nên kinh doanh du lịch cũng được ra đời từ đó.

Thời Trung cận đại kinh tế, xã hội phát triển, nhất là giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt mở rộng, nối liền nhiều nước, nhiều khu vực khác nhau, du lịch cũng phát triển mạnh và trở thành phổ biến ở nhiều nước trên thế giới.

Đến thế kỷ XX, du lịch được xem như là một hiện tượng nhân văn làm phong phú thêm đời sống văn hóa và nhận thức của con người về tự nhiên, về xã hội. Ngày nay du lịch phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, du lịch là ngành công nghiệp không có ống khói kích thích kinh tế,

văn hóa, xã hội phát triển, làm tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc, đem lại thu nhập và sự phồn vinh cho nhiều quốc gia.

Vậy, du lịch được cắt nghĩa như thế nào? Cho đến nay còn có những ý kiến khác nhau về du lịch. Theo tổ chức thương mại, du lịch là tổng thể những hiện tượng và những mối quan hệ phát sinh từ sự tác động qua lại lẫn nhau giữa khách du lịch, những nhà kinh doanh du lịch, chính quyền sở tại và cộng đồng dân cư địa phương trong quá trình thu hút và lưu giữ khách du lịch.

Đối với khách du lịch, du lịch mang lại cho họ một sự hài lòng do đáp ứng được các yêu cầu về giải trí, nghỉ ngơi, tham quan, tìm hiểu, thăm viếng.

Đối với các đơn vị kinh doanh, đây là cơ hội để họ cung ứng hàng hóa, dịch vụ cho du khách và thu được lợi nhuận. Khách du lịch càng nhiều, cơ hội kinh doanh càng lớn.

Đối với chính quyền địa phương, du lịch được xem là nhân tố thuận lợi, là môi trường để tạo việc làm, tăng thu nhập cho dân cư, tăng thu ngân sách cho nhà nước.

Khách du lịch là một khái niệm tương đối phức tạp. Năm 1937, Ủy ban thống kê của Hội Quốc liên, nay là Liên Hiệp Quốc đã đưa ra khái niệm: "*Khách du lịch Quốc tế là người viếng thăm một quốc gia ngoài quốc gia cư trú thường xuyên của mình trong thời gian ít nhất 24 giờ*".

Theo định nghĩa của tổ chức Du lịch thế giới (World tourist organization), một tổ chức của Liên Hiệp Quốc thì: Du lịch là hành động rời khỏi nơi thường trú để đi đến một nơi khác, một môi trường khác trong một thời gian ngắn nhằm mục đích tìm hiểu, khám phá, vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng.

Du lịch bao gồm tất cả mọi hoạt động của những người du hành tạm trú trong mục đích tham quan, khám phá và tìm hiểu, trải nghiệm hoặc trong mục đích nghỉ ngơi, giải trí, thư giãn, cũng như mục đích hành nghề và những mục đích khác nữa, trong thời gian liên tục nhưng không quá một năm, ở bên ngoài môi trường sống định cư; nhưng ngoại trừ các du hành mà có mục đích chính là làm tiền. Du lịch cũng là một dạng nghỉ ngơi năng động trong môi trường sống khác hẳn nơi định cư.

Để thống nhất khái niệm du khách và khách tham quan, năm 1963 Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về du lịch tổ chức tại Rome (Italia) đã đưa ra khái niệm Visitor – khách du lịch như sau: *“Khách du lịch Quốc tế là những người đi thăm viếng một số nước khác ngoài nước cư trú của mình cho bất kỳ lý do nào ngoài mục đích hành nghề để thu nhập từ trong nước viếng thăm”*.

Về mặt kinh doanh du lịch, sự khác biệt giữa du khách và khách tham quan ở chỗ là việc họ có lưu lại qua đêm hay không. Theo khái niệm Visitor được nêu tại Rome năm 1963 thì khách Quốc tế là những người sau đây:

Trên đường đi thăm một nước khác với nước mà họ cư trú thường xuyên, lâu dài.

Mục đích chuyến đi là tham quan, nghỉ dưỡng, thăm viếng, tìm hiểu với thời gian không quá 3 tháng, trên 3 tháng phải được gia hạn.

Không được làm bất cứ việc gì để được trả thù lao ở nước đến do ý muốn của khách hay do yêu cầu của nước sở tại. Sau khi kết thúc đợt tham quan phải rời khỏi nước đến tham quan để về nước thường trú của mình hoặc đến một nước khác. Những người không được coi là khách du lịch Quốc tế là những người không thỏa mãn những điều kiện trên.

Cùng với khái niệm khách du lịch Quốc tế thì khái niệm khách du lịch nội địa cũng được quan niệm không giống nhau ở các nước khác nhau. Nhìn chung, khách du lịch nội địa được phân biệt với khách quốc tế ở chỗ, nơi họ đến cũng chính là nơi cư trú thường xuyên. Ở nước ta, khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam đã tham quan, thăm viếng và lưu lại qua đêm tại một địa điểm lưu trú của cơ sở du lịch trong nước.

Tiềm năng kinh tế du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, nhân văn công trình sáng tạo của con người để thỏa mãn nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm du lịch, khu du lịch nhằm tạo sự hấp dẫn cho du khách thông qua khai thác các nguồn tiềm năng của hoạt động du lịch để đưa lại nguồn thu cho địa phương, cho nhà nước nhằm góp phần cải thiện dân sinh. Sản phẩm du lịch là sự kết hợp những dịch vụ và phương tiện vật chất trên cơ sở khai thác các tiềm năng kinh tế du lịch nhằm cung cấp cho du khách một thời gian nghỉ ngơi, khám phá, thưởng thức thú vị, tìm hiểu cơ hội đầu tư, hợp tác kinh tế giữa các quốc gia, một kinh nghiệm du lịch trọn vẹn và sự hài lòng về một chuyến đi.

Sản phẩm du lịch được hình thành bởi các bộ phận như: dịch vụ lưu trú, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ giải trí, dịch vụ mua sắm. Sản phẩm du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu đặc biệt như tìm hiểu kiến thức lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, nghệ thuật, thưởng thức những danh lam thắng cảnh của tự nhiên... Vì vậy các nhà kinh doanh phải căn cứ nhu cầu của du khách để xây dựng chiến lược khai thác tiềm năng hoặc các phương thức kinh doanh cho phù hợp.

Kinh tế du lịch là một hoạt động kinh doanh tổng hợp bao gồm việc tổ chức, hướng dẫn khách du lịch, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ lưu trú, dịch vụ ăn uống, dịch vụ giải trí, sản xuất các loại sản phẩm phục vụ du

lich, trao đổi hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị khác nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, lưu trú, ăn uống, tham quan, giải trí nghỉ ngơi của du khách. Kinh tế du lịch có những đặc điểm là:

-Kinh doanh du lịch tổng hợp đòi hỏi phải khai thác, sử dụng kiến thức của nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

-Du lịch là một ngành kinh tế đặc biệt, kinh doanh du lịch thể hiện tập trung ở các loại sản phẩm du lịch và thu nhập trong du lịch.

-Hình thức và phương tiện phục vụ du lịch phong phú, đa dạng; do đó, kinh doanh du lịch phải bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời.

-Kinh doanh du lịch là hoạt động kinh tế có ưu thế và hiệu quả hơn so với các ngành khác, nó tiết kiệm được chi phí đóng gói, lưu thông, thuế xuất nhập khẩu.

-Kinh doanh du lịch có thể thực hiện được tất cả các khâu hoặc một số công đoạn của hoạt động du lịch nhằm mục đích sinh lợi như kinh doanh nhà hàng, kinh doanh khách sạn, kinh doanh vận chuyển, bán hàng lưu niệm, các dịch vụ vui chơi giải trí, tham quan ...

-Kinh doanh du lịch có thể thực hiện trong các thành phần kinh tế, nó có khả năng lôi cuốn mọi người dân tham gia tùy thuộc vào khả năng, lợi thế của mỗi người.

Tóm lại, du lịch là ngành kinh tế quan trọng dựa trên lợi thế tiềm năng và mức độ hiệu quả của việc khai thác ở khu vực III cùng với các ngành dịch vụ khác như thương mại, các ngành vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng... Ngày nay du lịch được mệnh danh là ngành "*Công nghiệp không có ống khói*" phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, tạo ra thu nhập cao. Kinh doanh du lịch là thể hiện sự văn minh, hấp dẫn trong việc khai thác tiềm năng nhằm thu được nhiều lợi nhuận của các quốc gia. Ở nước ta

ngành du lịch có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, góp phần đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1.1.2.Vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta.

-Du lịch thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ.

Du lịch phát triển tạo thu nhập làm tăng GDP trong cơ cấu kinh tế. Ở các nước có ngành du lịch phát triển mạnh như Pháp, Anh doanh thu ngành du lịch chiếm từ 17-19% GDP; Singapore 15%, Trung Quốc 10%, Thái Lan 7%. Ở Việt Nam, từ 1995-2005 riêng lĩnh vực khách sạn, nhà hàng đóng góp từ 3-4% GDP. Riêng Đà Nẵng năm 1993 kinh doanh du lịch đóng góp 3,47% GDP, năm 2005 đạt 10,52% GDP và trong chiến lược phát triển của mình, từ năm 2010 cơ cấu ngành kinh tế thành phố Đà Nẵng là du lịch dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Có thể nói du lịch đã đóng góp vào thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước ta đáng kể, theo điều tra của Tổng cục Du lịch năm 2005 thì chỉ tiêu bình quân của một khách du lịch quốc tế khi đến Việt Nam là 76,4 USD/ngày và khách nội địa là 506.200đồng/ngày.

Du lịch phát triển còn tác động đến sự phát triển và mở rộng nhiều ngành nghề, tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp, phá vỡ sự khép kín làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, miền núi; làm cho nông nghiệp chuyển từ trạng thái thuần nông sang nền nông nghiệp thương phẩm, nông nghiệp sinh thái đa ngành nghề; như hiện nay ở Thừa Thiên - Huế đã xây dựng 315 nhà vườn, mỗi vườn có từ 3-5 sào phục vụ du lịch. Ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa đều có những mô hình làng rau sạch, vườn hoa cây cảnh thu hút khách tham quan ngày càng đông.

Bảng 1: Cơ cấu GDP phân theo ngành ở nước ta giai đoạn 1990-2005 (%)

	1990	1995	2000	2005
Tổng số	100	100	100	100
Nông lâm ngư	38,74	27,20	24,50	20,50
Công nghiệp xây dựng	22,67	28,80	36,70	41,00
Dịch vụ	38,59	44,00	38,80	38,50

Như vậy, ngành du lịch phát triển có tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nông nghiệp, công nghiệp, ngành nghề dịch vụ phát triển, làm cho tỷ trọng GDP trong nông nghiệp giảm, GDP trong công nghiệp, dịch vụ tăng.

-Du lịch thúc đẩy phát triển ngành nghề góp phần tạo việc làm cho người lao động.

Sự phát triển mạnh du lịch sẽ làm gia tăng nhu cầu các sản phẩm truyền thống, tạo cơ hội cho ngành nghề truyền thống khôi phục, phát triển nhiều ngành nghề mới. Đến năm 2006, cả nước có 2017 làng nghề với 1,4 triệu hộ sản xuất, thu hút 11 triệu người lao động, tăng 10% so với năm 2001¹. Theo đánh giá của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (Jaac) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, nước ta có 11 nghề thủ công có lợi thế cạnh tranh xuất khẩu là:

+Nghề dệt cói có 281 làng nghề ở 39 tỉnh, tạo việc làm cho 233.000 người.

+Nghề mây tre đan ở 713 làng của 50 tỉnh, tạo việc làm cho 342.000 người.

¹ Nguồn, Báo Đầu tư, ngày 13/1/2006, tr.3

+Nghề sơn mài ở 31 làng của 8 tỉnh, tạo việc làm cho 11.000 người.

+Nghề gốm ở 61 làng của 23 tỉnh, tạo việc làm cho 35.000 người.

+Nghề thêu ren ở 431 làng của 12 tỉnh, tạo việc làm cho 130.000 người.

+Nghề dệt vải ở 432 làng của 31 tỉnh, tạo việc làm cho 130.000 người.

+Nghề sản xuất đồ gỗ, đồ mỹ nghệ ở 432 làng của 35 tỉnh, tạo việc làm cho 100.000 người.

+Nghề đá mỹ nghệ

+Nghề giấy thủ công

+Nghề in tranh gỗ

+Nghề kim khí.

Những nghề trên có thể tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài và xuất khẩu tại chỗ, phục vụ cho khách du lịch. Du lịch là một ngành có thể thu hút và sử dụng nhiều lao động, do đặc điểm không thể tự động hóa các quy trình phục vụ du khách. Theo tiêu chuẩn quy định quốc tế và tính toán của các nhà kinh tế thì một phòng của khách sạn từ 3-5 sao phải có 1,3 -1,5 lao động trực tiếp và 5 lao động gián tiếp khác trong nhiều lĩnh vực. Mỗi phòng của khách sạn cấp thấp phải có 0,7 lao động trực tiếp và 2 lao động gián tiếp.

Ở Việt Nam, lao động trực tiếp và gián tiếp trong ngành du lịch năm 1995 là 205.000 người, năm 2000 là 580.000 người. Đến nay lao động trong ngành du lịch còn cao hơn, mỗi năm lao động tăng 34%, riêng lao động trực tiếp trong ngành du lịch là 230.000 người.

- Du lịch đóng góp nguồn ngân sách, tăng thu nhập góp phần cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân.

Theo thống kê của tổ chức du lịch thế giới, du lịch đã đóng góp từ 7-10% tiền chi tiêu của người tiêu dùng trên thế giới, từ 4-7% việc làm và từ 4-6% giá trị gia tăng tổng sản lượng thế giới. Năm 2005 các nước có ngành kinh tế du lịch phát triển mạnh đã thu hút khá nhiều khách du lịch đã góp phần không nhỏ vào nguồn thu ngân sách quốc gia như nước Pháp thu hút 75 triệu lượt khách du lịch, doanh thu 34 tỷ Euro, tăng 3,5% so với năm 2004; Thái Lan thu hút 11,5 triệu lượt khách du lịch thu 11 tỷ USD, tăng 10% so với năm 2000. Ở nước ta từ những năm 1990 đến nay, nhờ tác động tích cực từ công cuộc đổi mới, mở cửa phát triển nền kinh tế, kinh tế du lịch có bước phát triển mới là tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch luôn ở mức 2 chữ số, có năm trên 20%, khách du lịch đến Việt Nam ngày càng tăng. Năm 2005 Việt Nam đã đón được 3,43 triệu khách du lịch quốc tế, 16 triệu lượt khách du lịch nội địa, doanh thu đạt 1,96 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2004. Năm 2006 lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 3.583.456 lượt, tăng 3% so với cùng kỳ 2005.

-Phát triển du lịch góp phần mở rộng quan hệ kinh tế với các nước. Với chính sách rộng mở của Đảng và Nhà nước trong những năm qua nước ta có quan hệ với 167 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, do đó, lượng khách du lịch đến Việt Nam ngày càng nhiều, năm 2000: 2.140.100 lượt khách; 2004: 2.927.876 lượt khách; 2005: 3.437.757 lượt khách. Khách du lịch ở các nước châu Á đến ngày càng nhiều, riêng quý I năm 2006 khách du lịch ở các nước châu Á chiếm 60%. Theo khảo sát của Hội đồng du lịch và lữ hành thế giới (WTTC) năm 2005 và phân tích 174 quốc gia đã đưa ra dự báo; mức phát triển trung bình du lịch thế giới sẽ đạt 4%. Hiện các quốc gia đứng đầu danh sách phát triển là Montenegro (9,9%),

Án Độ (9,2%), Trung Quốc (8,6%), ngành du lịch Việt Nam cũng được dự báo sẽ duy trì ở mức 7,7%, cao đứng thứ 7 thế giới.

-Du lịch là chiếc cầu nối tình hữu nghị, hòa bình và hợp tác với các quốc gia dân tộc trên thế giới.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tác động trực tiếp đến phát triển thương mại, dịch vụ luôn tìm đến cái mới, phục vụ cho nhu cầu cuộc sống đa dạng của con người để thu được nhiều lợi nhuận, nó hoàn toàn đối lập với cái xấu, cái ác luôn hướng tới các chân- thiện – mỹ, du lịch là bức tranh muôn vẻ phản ánh cái đẹp của thiên nhiên và con người, gắn bó hợp tác giữa các quốc gia dân tộc trên thế giới yêu hòa bình, ngăn chặn chiến tranh, sản phẩm cụ thể của du lịch là đời sống vật chất và tinh thần của mọi người là cầu nối giữa các quốc gia trên trái đất.

1.2. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở nước ta hiện nay.

Ở các nước có nền kinh tế phát triển, thu nhập và mức sống cao, tham quan du lịch là nhu cầu thiết yếu, ở nhiều nước đã xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân, gọi du lịch là ngành “*công nghiệp sạch*”, “*công nghiệp không ống khói*”, ví ngành kinh tế du lịch là “*con gà đẻ trứng vàng*”... Ở nước ta, du lịch và khai thác tiềm năng kinh tế du lịch để phát triển kinh tế-xã hội được hình thành khá sớm trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhưng vì chiến tranh nên du lịch được xúc tiến vào những năm 70 của thế kỷ XX. Lúc bấy giờ đất nước vẫn còn chiến tranh ác liệt, nên mọi nguồn lực và sức dân đều tập trung cho kháng chiến chống Mỹ. Sau khi thống nhất đất nước cùng với việc phục hồi và phát triển toàn bộ nền kinh tế nói chung, phát triển du lịch cũng bước đầu được đặt ra. Tuy nhiên, sự bao vây cấm vận kinh tế của Mỹ kéo dài, cùng với sự trì trệ và bảo thủ trong nhận thức về con đường đi

lên của cách mạng Việt Nam, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đã làm cho các cấp, các ngành, các địa phương chưa thấy được hết những tiềm năng và triển vọng của nền kinh tế du lịch, nên chưa tạo điều kiện cho kinh tế du lịch phát triển. Vì vậy, mọi hoạt động du lịch vào thời kỳ đầu những năm 90 chủ yếu tập trung phục vụ các đoàn ngoại giao, khách quốc tế; và các khoản thu, chi đều mang tính bao cấp. Du lịch chưa được quan tâm, đề cập đúng mức trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đến năm 1992 du lịch mới được ghi vào Hiến pháp của nước ta. Điều 42, Hiến pháp năm 1992 ghi rõ: Nhà nước và xã hội phát triển du lịch, mở rộng hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch trong nước và du lịch quốc tế. Nghị quyết 45/CP ngày 23/6/1993 của Chính phủ về đổi mới và phát triển ngành du lịch đã nhấn mạnh: Du lịch là ngành kinh tế mang tính tổng hợp có tác dụng góp phần tích cực thực hiện chính sách mở cửa thúc đẩy sự đổi mới và phát triển của ngành kinh tế khác, tạo công ăn việc làm, mở rộng giao lưu văn hóa và xã hội giữa các vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài, tạo điều kiện tăng cường tình hữu nghị, hòa bình và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Và đến Đại hội lần thứ VIII, trong đường lối phát triển kinh tế của mình Đảng ta đề ra chủ trương: Phát triển du lịch, dịch vụ... từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch, thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

Tại Quyết định số 1018/1997/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: *“Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trọng điểm miền Trung giai đoạn đến năm 2010”* chỉ rõ: *“Phát triển du lịch gắn kết với việc bảo vệ, tôn trọng các di tích lịch sử văn hóa, khu bảo tồn, bảo tàng... Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, phát triển tài nguyên du lịch, phát huy truyền thống và bảo tồn bản sắc dân tộc. Bằng nhiều hình thức và biện pháp nhằm thu hút đầu tư, liên doanh, liên*

kết tạo sức mạnh tổng hợp, đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của cả vùng”.

Ngày 11/11/1998 Bộ Chính trị ra Thông báo số 179/TB-TW, chỉ đạo việc thực hiện đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong tình hình mới. Trên cơ sở chính trị về du lịch của Đảng, Tổng cục Du lịch đã xây dựng chương trình hành động quốc gia về du lịch và các sự kiện du lịch Việt Nam năm 2000 với tiêu đề “*Việt Nam- điểm đến của thiên nhiên kỳ mới*”. Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 406/CP-KTTH, ngày 20/4/1999. Như vậy, về đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã thực sự xác định và tạo điều kiện, môi trường pháp lý cho ngành du lịch nước ta phát triển .

Ngày 8/12/1999 tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa X đã thông qua Pháp lệnh du lịch do Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh ký, được Chủ tịch nước công bố và có hiệu lực phát triển. Pháp lệnh du lịch gồm 9 chương, 56 điều. Trong đó đã xác định rõ tiềm năng du lịch là: Cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình sáng tạo của con người có thể sử dụng nhằm làm thỏa mãn nhu cầu du lịch là yếu tố cơ bản để hình thành các khu, điểm du lịch. Do vậy, các cấp, các ngành phải có kế hoạch gìn giữ, bảo vệ, khai thác để phát triển kinh tế - xã hội.

Báo cáo chính trị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX đã chỉ rõ: Phải phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế và điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa du lịch. Xây dựng và nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh hợp tác liên kết với các nước trong khu vực đẩy mạnh hoạt động du lịch. Như vậy Đảng và Nhà nước đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao hơn đối với du lịch, đồng thời quan tâm nhiều hơn đến việc

lãnh đạo hoạt động khai thác tiềm năng lợi thế du lịch. Đại hội Đảng lần thứ X tiếp tục khẳng định trong điều kiện mới là cần phải: Tiếp tục phát triển mạnh thương mại trong nước trên tất cả các vùng và gia tăng nhanh xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động du lịch, đa dạng hóa sản phẩm và các loại hình du lịch. Hiện đại hóa và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán theo kịp yêu cầu phát triển thị trường tài chính, tiền tệ và hội nhập quốc tế.

Nhận thức và đánh giá đúng tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung, trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội vùng đối với khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã xác định: *Phát huy lợi thế biển và ven biển, khai thác có hiệu quả các tuyến đường trục Bắc Nam, các tuyến ngang, các tuyến đường xuyên Á, các cảng biển... phát triển mạnh du lịch biển và ven biển, gắn liền với các khu di tích, danh lam thắng cảnh của cả vùng, đặc biệt là tuyến Huế- Đà Nẵng - Hội An -Nha Trang và Khai thác thế mạnh du lịch văn hóa, lịch sử và du lịch biển, ven biển; khai thác các trung tâm du lịch ở từng tỉnh trong vùng và các điểm du lịch hấp dẫn như: cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn, Phong Nha, Cảnh Dương, Lăng Cô, Non nước, Văn Phong, Đại Lãnh, Vũng Rô... phối hợp sự phát triển của các đô thị, khu, cụm công nghiệp với phát triển du lịch, nhất là du lịch ven biển. Phát huy vai trò trung tâm văn hóa vùng của cụm đô thị Đà Nẵng-Huế.*

1.3. Nguyên nhân khách quan của việc khai thác tiềm năng phát triển du lịch.

Cho đến nay du lịch đã trở thành một ngành kinh tế lớn trên thế giới, hoạt động du lịch ngày càng trở nên phổ biến với tốc độ phát triển nhanh chóng. Qua các số liệu khảo sát cho thấy, số lượng người đi du lịch (ra

khỏi nước mình cư trú) trên thế giới liên tục tăng trưởng hằng năm, từ 6% vào thập kỷ 60 và 80 thì những năm 2000 đã tăng đến 9-10% (riêng 2004 đã có tới 760 triệu lượt người đi du lịch ra ngoài nước mà mình cư trú, tăng 10% so với năm 2003). Trong đó khu vực Châu Á - Thái Bình Dương được đánh giá là có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất so với mức tăng 37%.

Việc phát triển du lịch với tốc độ ngày càng mạnh là do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, đời sống của người dân luôn được cải thiện, ở nhiều nước phát triển thu nhập bình quân đầu người hằng năm đã lên đến 20-30 nghìn USD. Ngay cả nhiều nước đang phát triển, thu nhập của người dân cũng được vài nghìn USD một năm. Ngoài ra do năng suất lao động xã hội ngày càng tăng, các chế độ phúc lợi xã hội ngày càng được cải thiện, du lịch trở thành một trong những cách thức tốt nhất để người lao động nghỉ ngơi, thư giãn sau một thời gian lao động vất vả. Bên cạnh đó, thời gian làm việc ngày càng có xu hướng giảm xuống, thời gian nghỉ lễ, tết tăng lên thì điều kiện đi du lịch lại càng thuận lợi hơn.

Thứ hai, có sự thay đổi trong cơ cấu chi tiêu của người dân. Khi đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn thì điều kiện quan tâm cơ bản của họ “*com, áo, gạo, tiền*”, ngay cả việc mua sắm đồ sinh hoạt gia đình cũng được quán triệt theo hướng “*ăn chắc mặc bền*”, còn việc đi thăm quan du lịch đây đó ít được đặt ra đối với họ. Khi đất nước phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện ở mức cao thì văn hóa du lịch cũng được mọi người dân nhìn nhận và tiếp thu một cách thoải mái để thông qua du lịch đi tham quan, biết được danh lam thắng cảnh của đất nước.

Thứ ba, các phương tiện giao thông ngày càng đầy đủ và hiện đại làm cho việc đi lại ngày càng thuận tiện, lịch sự và nhanh chóng, an toàn tác động đáng kể đến việc phát triển du lịch.

Thứ tư, các sản phẩm du lịch ngày càng đa dạng, phong phú, độc đáo đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu, thị hiếu của du khách với nhiều hình thức vui chơi, thư giãn, giải trí làm cho cuộc sống con người ngày càng tốt hơn, thân thiện hơn trong mái nhà cộng đồng quốc tế.

Thứ năm, xu thế hội nhập, mở cửa ngày càng tăng, các thủ tục đi lại giữa các quốc gia ngày càng giảm làm cho các khách đi du lịch không phải bận tâm, mất nhiều thời gian cho việc thủ tục, tất cả của một chuyến đi được hãng du lịch giải quyết trọn gói từ A đến Z. Hiện nay nhiều nước yêu cầu khách đi du lịch chỉ cần có căn cước (chứng minh nhân dân) và thẻ rút tiền tự động là tự do đi du lịch thoải mái giữa nước này với nước khác.

Thứ sáu, trình độ dân trí trong xã hội ngày càng cao đã tạo ra tâm lý ham muốn hiểu biết về đất nước, muốn khám phá thế giới mới lạ, tìm hiểu nền văn hóa của các quốc gia... đi du lịch vừa là hình thức thư giãn, vừa tiếp thu những nét tinh hoa độc đáo của nhân loại, vừa khám phá những tiềm năng mới lạ.

1.4. Du lịch Việt Nam trong sự phát triển của du lịch thế giới.

-Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển, tốc độ tăng trưởng cao như năm 2004 là 5,1% mức cao nhất trong vòng 30 năm, năm 2006 là 5% đã ảnh hưởng tích cực và tạo ra những thách thức mới cho việc khai thác tiềm năng du lịch ở các nước chậm phát triển. Trong những năm tới do tận dụng được những ưu thế về công nghệ và ưu thế trong quá trình toàn cầu hóa, kinh tế thế giới vẫn có tốc độ tăng trưởng cao, tạo điều kiện cho du lịch phát triển. Với những thuận lợi như trên đã tác động mạnh đến việc phát triển du lịch thế giới, tiềm năng du lịch các nước ngày càng

khai thác có hiệu quả, hiện nay du lịch được xác định là ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế của nhiều nước và được coi là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn hàng đầu trong nền kinh tế thế giới. Ở nhiều nước du lịch chiếm tới 10% GDP, có nhiều nước chiếm tới 20%, thu nhập du lịch hàng năm lên tới hàng trăm tỷ USD. Kinh tế phát triển số người đi du lịch ngày càng nhiều. Số lượng khách du lịch hàng năm gần 1 tỷ lượt người, theo dự đoán của tổ chức du lịch thế giới đến năm 2010 số khách du lịch lên đến 1,1 tỷ lượt người. Theo thống kê của tổ chức Du lịch thế giới, khách du lịch đến khu vực Đông Nam Á tăng từ 37 triệu lượt người năm 2000 lên 40,1 triệu lượt người năm 2001 và 41,7 triệu người năm 2002, năm 2003 giảm do bệnh dịch SARS, nhưng năm 2004 và 2005 tăng nhanh và đạt khoảng 43 triệu lượt người, doanh thu từ du lịch hàng năm chiếm 4-6% GDP của khu vực, Việt Nam những năm trước đây vào thời điểm cao nhất đã đón nhận 2,7 triệu lượt khách quốc tế đứng thứ 5 sau Malaysia 12 triệu lượt, Thái Lan 10 triệu, Singapore 7 triệu, Indonexia hơn 5 triệu. Những địa chỉ nổi tiếng của ASEAN như Angkorwat (Campuchia), Bali, Borobudur (Indonexia); Jar (Lào); Chiêng Mai, Puket (Thái Lan); Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, Hội An, Mỹ Sơn, Huế... (Việt Nam); Sente Sa (Singapore)... đã là những kỳ quan thu hút du khách. Trong 10 năm qua, hợp tác trong khối ASEAN đã dần dần tạo ra điều kiện cho Việt Nam xuất hiện trên các diễn đàn quốc tế. Đặc biệt trong Hội nghị Bộ trưởng du lịch các nước APEC tại Hội An tháng 10/2006 là một minh chứng cho khả năng liên kết về lĩnh vực du lịch ở nước ta. Nhân Hội nghị này và Hội nghị APEC lần thứ XIV Việt Nam đã đưa ra nhiều sáng kiến và quảng bá mạnh mẽ cho du lịch nước ta nói chung và du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung nói riêng.

-Đối với nước ta, trong những năm qua tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển ổn định, tạo cho nước ta những thế và lực mới trên trường

quốc tế, trong 5 năm (2000-2005) tốc độ tăng trưởng bình quân 7,51%. Xuất nhập khẩu tăng bình quân 17,5%/năm, trong 5 năm đạt 111 tỷ USD, năm 2005 năm tăng gấp đôi năm 2000, đưa kim ngạch xuất khẩu chiếm 50% GDP. Năm 2006 tăng trưởng kinh tế đạt 8,17% thu nhập bình quân đầu người 723USD.

Chính trị xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả 3 lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp; sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc được phát huy. Quan hệ kinh tế đối ngoại được mở rộng, hiện nay ta đã chính thức quan hệ ngoại giao với 167 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, đang tích cực và hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Việt Nam là thành viên tích cực đóng góp vào tổ chức quốc tế, khu vực, như Liên hiệp Quốc, ASEAN, APEC, ASEM, tham gia cam kết xây dựng thị trường tự do khu vực ASEAN (APTA). Điều này đã tạo cơ hội cho Việt Nam tăng cường hợp tác đầu tư, đây cũng là cơ hội vàng cho du lịch cả nước nói chung và các tỉnh Duyên hải miền Trung nói riêng, là thời cơ để nguyên thủ của 21 nền kinh tế mạnh nhất hành tinh (thông qua Hội nghị APEC 14 ở nước ta) thấy được tiềm năng lợi thế du lịch của chúng ta và tăng cường hợp tác.

Những thuận lợi nêu trên đã và đang tạo điều kiện cho du lịch nước ta phát triển. Cùng với sự đi lên cả nước, những năm qua hoạt động du lịch của nước ta ngày càng phát triển và từng bước vươn lên để trở thành ngành “công nghiệp không khói” đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2005 ta đã ký song phương với 06 quốc gia là thị trường du lịch trọng điểm, ký hiệp định đa phương với 10 nước trong khối ASEAN, quan hệ bạn hàng với hàng nghìn hãng du lịch của 60 nước và vùng lãnh thổ, nhờ đó số khách du lịch ngày càng tăng, năm 1990 tổng số khách du lịch chỉ có 1,25 triệu lượt người, trong đó khách quốc tế có 250 nghìn lượt thì đến năm 2000 con số này đã lên đến 13,34 triệu và 2,14

triệu gấp 10,7 lần và 8,6 lần. Năm 2004 tổng số khách lên tới 17,43 triệu gấp 14 lần năm 1990, riêng khách quốc tế lên 2,93 triệu lượt gấp 11,7 lần năm 1990. Riêng năm 2006 lượng khách du lịch nước ngoài đến Việt Nam 3,43 triệu người, đây là một thành tựu du lịch quan trọng của du lịch Việt Nam trong du lịch thế giới. Số khách du lịch đến từ Mỹ, Canada, Pháp, Đức ngày càng đông, lưu trú thời gian dài hơn, mua sắm nhiều hơn; năm 2005 cả nước đã có 6 nghìn cơ sở kinh doanh du lịch lưu trú, 399 doanh nghiệp lữ hành quốc tế và 10 nghìn doanh nghiệp lữ hành nội địa. Hiện có 6 nghìn cơ sở lưu trú với 130 nghìn buồng, 18 khách sạn 5 sao, 48 khách sạn 4 sao. Từ năm 1995 đến năm 2005, đã xây dựng và nâng cấp 50 nghìn phòng khách sạn tăng gấp 2 lần sau 1975. Những thành tựu trên đã tác động mạnh mẽ và tạo nhiều cơ hội đến việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

CHƯƠNG 2:

KHAI THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG - THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

2.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội và tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

2.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội.

Các tỉnh Duyên hải miền Trung thuộc đối tượng nghiên cứu đề tài này gồm 9 tỉnh – thành phố ven biển từ Quảng Bình đến Khánh Hòa; có diện tích tự nhiên 50.920,5km², dân số tính đến năm 2005 có 9,65 triệu người, trong đó số người trong độ tuổi lao động chiếm xấp xỉ 52,3% dân số. Đây là một khu vực được ví như đoạn giữa của “*chiếc đòn gánh*” gánh 2 vùng kinh tế phát triển nhất của đất nước là vùng Đông Nam Bộ và Bắc Bộ.

Thứ nhất: Đặc điểm tự nhiên

Ở vào trung lộ của cả nước, các tỉnh DHMT nằm án ngữ trên các trục giao thông chính quan trọng Bắc Nam và Đông Tây về đường sắt, đường bộ, đường thủy và đường hàng không. Đây còn là cửa ngõ ra biển Đông để các vùng Đông - Bắc Campuchia, Thái Lan, Trung-Hạ Lào giao lưu với thế giới qua biển Đông.

Duyên hải miền Trung có bờ biển dài 1172km, bao gồm các vùng lãnh hải rộng lớn, nhiều vịnh, đảo, quần đảo, hải cảng quan trọng như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh, Dung Quất... Đặc biệt ở đây có nhiều đảo, quần đảo rất có giá trị cho việc phát triển kinh tế du lịch, riêng 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là những khu vực chứa đựng nhiều tiềm năng kinh tế lớn, nhất là về dầu khí. Hiện nay, riêng dầu khí khai thác ở Trường Sa

đã mang lại cho ngân sách nhà nước hàng tỷ USD mỗi năm, là nguồn thu quan trọng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

** Về địa hình:*

Duyên hải miền Trung là một dải đất hẹp, chạy dọc từ Bắc đến Nam kẹp giữa một bên là biển Đông ở phía Đông và một bên là dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây. Chính vì địa hình như vậy nên đồi núi, đồng bằng, bờ biển ở đây luôn xâm nhập lẫn nhau, tạo nên nhiều vũng, vịnh, đầm phá, sông suối với mật độ tương đối dày đặc..., ẩn chứa nhiều tiềm năng kinh tế du lịch chưa được khai thác.

Bề mặt địa hình bị chia cắt nhiều bởi những sườn núi kéo dài từ dãy Trường Sơn ra đến biển, tạo nên những thung lũng rộng hẹp khác nhau. Địa giới từng tỉnh trong khu vực được xác định theo lưu vực sông, đèo và núi. Tất cả địa hình bao bọc bằng những dãy núi song song xuất phát từ dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây chạy thấp dần theo hướng Tây Bắc xuống Đông Nam, ôm lấy các tỉnh. Đồng bằng của các tỉnh Duyên hải miền Trung có đặc điểm giống nhau về hình thái, được hình thành không tách rời với một bên là dãy Trường Sơn và bên kia là biển Đông. Các đồng bằng đó lại chia theo từng vệt, tiếp đồi núi là vùng gò đồi, thềm phù sa cổ (trung du) rồi đến đồng bằng.

Với địa hình và sự phân chia địa giới hành chính như vậy, từng tỉnh tạo nên sự thống nhất về địa lý, tự nhiên, có mối liên hệ chặt chẽ về kinh tế, xã hội môi trường sinh thái, là điều kiện để phát triển một nền kinh tế tổng hợp, toàn diện tác động tương hỗ lẫn nhau giữa các vùng miền núi, đồng bằng, ven biển.

** Về khí hậu thời tiết.*

Duyên hải miền Trung nằm trong một vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với các đặc trưng chủ yếu như nhiệt độ cao, nóng ẩm, cường độ ánh

sáng mạnh, lượng mưa nhiều và tập trung vào một số tháng trong năm, do vậy hằng năm thường xuyên xảy ra hạn hán và mưa bão, gây thiệt hại rất lớn về người và của. Tổng nhiệt hàng năm từ 8500- 9000°C, tổng bức xạ đạt 100-160kcal/cm², tăng dần từ Bắc vào Nam, tổng số giờ nắng khoảng 2000-3000 giờ/năm.

Bảng 2: Tình hình khí hậu thời tiết vùng Duyên hải miền Trung

Năm	2001	2002	2003	2004	2005
Nhiệt độ trung bình (°C)	25.9	26.1	25.9	25.6	25.9
Số giờ nắng (giờ)	2126	2340	2582	2525	2557
Lượng mưa trung bình (mm)	3423	2583	2063	2641	2222
Số ngày có mưa (ngày)	225	213	188	176	178
Độ ẩm trung bình (%)	83	83	83	82	82

Nhìn chung, khí hậu thời tiết vùng Duyên hải miền Trung khá phức tạp, ngay trong một địa phương sự diễn biến thời tiết hàng năm của từng vùng, từng khu vực cũng không giống nhau. Sự khác nhau đó làm cho các hoạt động kinh tế ở từng địa bàn cụ thể cũng khác nhau với những đặc điểm riêng, đồng thời cũng đã tạo ra cho thiên nhiên của khu vực thêm phong phú. Nếu biết tận dụng và khai thác tốt sẽ là một trong những điều kiện để các tỉnh trong khu vực phát triển một nền kinh tế đa dạng và bền vững.

** Về tài nguyên.*

Thứ nhất, diện tích tự nhiên của các tỉnh Duyên hải miền Trung có 50.920,5km², trong đó đồi núi và cát trắng chiếm khoảng 16%, đất lâm nghiệp có rừng khoảng 36,6%, đất chuyên dùng khoảng 6,6%, đất ở khoảng 1,3%. Đất đai của Duyên hải miền Trung được phân thành nhiều nhóm, có thể chia thành 2 hệ nhóm chính: hệ phù sa do sông ngòi bồi đắp ở các vùng đồng bằng và hệ Feralit – bazan trên nền địa chất đa dạng của các vùng đồi núi.

Nhờ tính đa dạng của các loại hình thổ nhưỡng, hầu như tất cả các loại cây trái trên đất nước đều có sự xuất hiện ở Duyên hải miền Trung. Từ Sầu riêng, Mãng cụt, Chôm chôm... (những đặc sản đặc trưng của Nam Bộ), hay như cà phê, cao su, hồ tiêu... đều được trồng và phát triển trên các nền đất ở khu vực Duyên hải miền Trung, đây là điều kiện thuận lợi để các loại kinh tế trang trại phát triển tạo ra mô hình kinh tế mới phục vụ khách du lịch.

Thứ hai, rừng Duyên hải miền Trung không chỉ là nơi cung cấp các loại lâm thổ sản, mà còn là đầu nguồn của các hệ thống sông suối, các công trình thủy lợi, thủy điện, thác nước thẳng cánh phục vụ sinh kế cho dân chúng trong vùng và là nơi hấp dẫn khám phá lý thú của khách du lịch.

Bảng 3: Diện tích rừng hiện có và sản lượng gỗ khai thác của các tỉnh Duyên hải miền Trung năm 2005- phân theo tỉnh

	Diện tích rừng (nghìn ha)			Sản lượng khai thác (nghìn ha)
	Tổng diện tích	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
Quảng Bình	509,5	452,2	57,3	38,3
Quảng Trị	183,9	110,4	73,5	37,5
Thừa Thiên -Huế	247,7	179	68,7	51,0
Đà Nẵng	52,5	37,1	15,4	23,5
Quảng Nam	448,1	388,5	59,6	128,7
Quảng Ngãi	169,6	103,5	66,1	151,4
Bình Định	210,3	154,4	55,9	135,3
Phú Yên	156,1	130,3	25,8	11,7
Khánh Hòa	196,6	163,8	32,8	39,9
Tổng cộng	2174,3	1719,2	455,1	617,3

Đến năm 2005, diện tích rừng các tỉnh Duyên hải miền Trung có 2,174 triệu ha, trong đó rừng tự nhiên 1,72 triệu ha, rừng trồng 0,4 triệu ha, với trữ lượng gỗ tròn khoảng 150 triệu m³. Rừng các tỉnh Duyên hải miền Trung có nhiều loại gỗ quý, chủ yếu như trầm, gụ, dẻ, ngát, chò đen, kiền kiền, lim, sao đen; ngoài ra rừng Duyên hải miền Trung còn có nhiều loại

cây dược liệu quý hiếm, có giá trị xuất khẩu cao như: quế, kỳ nam, trầm hương, sâm, hoàng đằng, sa nhân và nhiều động vật quý hiếm...

Thứ ba, khoáng sản: tuy các tỉnh Duyên hải miền Trung nguồn trữ lượng khoáng sản không lớn, nhưng rất phong phú, đa dạng, phân bố đều khắp. Như: Titan có trữ lượng 2 tỷ tấn nằm dọc vùng ven biển các tỉnh; cát thủy tinh có trữ lượng hơn 1 tỷ tấn, chất lượng tốt nhất Việt Nam và thế giới, tập trung ở vùng Nam Ô (Đà Nẵng), Cam Ranh (Khánh Hòa); đá vôi có trữ lượng khoảng 1 tỷ tấn có chất lượng cao, tập trung nhiều nhất ở Phước Sơn Quảng Nam; than đá có trữ lượng và chất lượng thấp tập trung ở Quảng Nam, nhưng có lượng lưu huỳnh cao thích hợp làm nguyên liệu của ngành công nghiệp hóa chất; vàng sa khoáng có rải rác ở tất cả các tỉnh, nhiều nhất là ở Bồng Miêu (Quảng Nam). Ngoài ra còn có cao lanh, dầu khí, thiếc, vonfram, zircon... góp phần làm phong phú thêm sự đa dạng của khoáng sản các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Nhìn chung khoáng sản ở Duyên hải miền Trung tương đối phong phú và đa dạng nhưng phân tán, trữ lượng nhỏ, khó cho khai thác công nghiệp.

Thứ tư, Duyên hải miền Trung là một trong những vùng biển đẹp nhất của Việt Nam cũng như trên thế giới, mặc dù không giàu về trữ lượng các nguồn hải sản, nhưng rất phong phú về chủng loại, trữ lượng cá khoảng 80 vạn tấn, khả năng khai thác 25-30 vạn tấn/năm (năm 2005 khai thác được 26,5 vạn tấn). Nơi đây có nhiều loại hải sản quý như hải sâm, cá ngừ đại dương, tôm, mực, đặc biệt là yến sào - một đặc sản duy nhất ở vùng này, tập trung ở Cù Lao Chàm (Quảng Nam) và Khánh Hòa.

Bảng 4: Sản lượng thủy sản khai thác và xuất khẩu năm 2005 của Duyên hải miền Trung (ĐVT: tấn)

Địa phương	Sản lượng khai thác (tấn)	Kim ngạch xuất khẩu
		ĐVT: 1000USD
Quảng Bình	27.598	1.727
Quảng Trị	14.014	2.200
Thừa Thiên-Huế	21.959	5.402
Đà Nẵng	380.454	86.271
Quảng Nam	37.665	8.146
Quảng Ngãi	48.590	2.336
Bình Định	105.451	14.294
Phú Yên	35.455	5.089
Khánh Hoà	65.075	249.693

(Nguồn: Báo cáo Tổng kết năm 2006 của Bộ Thủy sản)

Ven biển Duyên hải miền Trung có nhiều đầm phá nhất so với các vùng biển trong cả nước, nước biển có nồng độ mặn cao (>3,5%) thuận lợi cho nuôi trồng các loại thủy hải sản, số giờ nắng nhiều là lợi thế cho sản xuất muối (muối Sa Huỳnh có chất lượng cao). Bên cạnh đó ven biển Duyên hải miền Trung là nơi có điều kiện phát triển biển và cảng biển quốc tế như Chân Mây, Đà Nẵng, Dung Quất, Quy Nhơn, Vũng Rô, Cam Ranh.

Ven biển Duyên hải miền Trung còn có những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa nổi tiếng như Lăng Cô (Thừa Thiên -Huế), bán đảo Sơn Trà, Mỹ Khê, Bắc Mỹ An, Non Nước, Bãi Bụt (Đà Nẵng), Hà My, Cửa Đại, Bãi Rạng, Tam Thanh (Quảng Nam), Quy Nhơn (Bình Định),

Vân Phong, Nha Trang (Khánh Hòa) và rất nhiều nơi khác hấp dẫn du khách. Các bãi tắm ở vùng biển Duyên hải miền Trung đều sạch và đẹp, du khách đến không những tận hưởng cái mát lạnh, trong lành đến không ngờ của trời, biển, núi, sông mà họ còn tận hưởng cái êm dịu của những bãi cát vàng, trắng mịn. Hằng năm các bãi biển trong vùng thu hút hàng triệu du khách trong và ngoài nước đến vui chơi, tắm biển và giải trí; mặt khác, nhiều dãy núi chạy sát biển đã tạo nên những eo, vịnh với cảnh quan vừa kỳ vĩ đầy quyến rũ, vừa nên thơ trong một môi trường khí hậu trong lành, tạo cơ sở tốt cho việc phát triển mạnh mẽ các hoạt động dịch vụ du lịch.

Thứ năm, sông ngòi Duyên hải miền Trung có hệ thống sông ngòi tương đối ngắn và có độ dốc cao, đổ trực tiếp ra biển. Do phân bố không đều về không gian và thời gian nên có nơi, có mùa thiếu nước, có nơi có mùa thừa nước. Hơn nữa do ngắn, dốc nên thường gây ra lũ trong mùa mưa và khô hạn trong mùa nắng, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động, sản xuất và đời sống của dân cư; nhưng do độ dốc và ngắn nên thuận lợi cho phát triển thủy năng, theo lý thuyết khảo sát, trữ lượng của hệ thống sông suối ở khu vực khoảng 22 tỷ kwh với tổng công suất khoảng 5 triệu kw, đây cũng là tiềm năng quan trọng cho phát triển kinh doanh du lịch.

Thứ hai: Đặc điểm kinh tế.

Nói một cách vắn tắt kinh tế Duyên hải miền Trung là một hình ảnh thu nhỏ của nền kinh tế cả nước.

Trên lĩnh vực nông nghiệp: đến nay, sản xuất nông nghiệp vẫn là một ngành kinh tế quan trọng nhất của đại bộ phận người dân trong vùng. Đến năm 2005, giá trị sản xuất nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, trên 30% trong cơ cấu GDP của khu vực và đang sử dụng gần 70% lao động xã hội, cơ cấu này dần thay đổi theo sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh Duyên hải miền Trung lúa nước là cây trồng chủ lực, chăn nuôi có quy mô nhỏ, chủ yếu hộ gia đình đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản còn nhiều hạn chế, nhưng có chiều hướng phát triển tốt đang được các tỉnh tập trung.

Đối với công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Đây là ngành kinh tế quan trọng hỗ trợ cho nông nghiệp và du lịch phát triển nhưng mới phát triển mạnh trong 10 năm lại đây; các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phổ biến còn nhỏ lẻ, tập trung ở các vùng đô và ven đô thị.

Bảng 5: Giá trị sản xuất công nghiệp các địa phương (giá so sánh 1994)

ĐVT: tỷ đồng

Các địa phương	1995	1998	2000	2004	2005
Quảng Bình	278.7	364	579	1100.3	1.303,6
Quảng Trị	143.5	205	247.3	459.2	569,9
TT-Huế	574.7	930	1187.2	2038.3	2.357,8
Đà Nẵng	1.452,0	2.059,0	2.879,2	5.754,2	6.886,0
Quảng Nam	469,0	687,0	931,9	2.073,9	2.474,8
Quảng Ngãi	579,0	853,0	968,6	1.500,8	1.792,9
Bình Định	503,0	808,0	1.305,9	2.070,5	2.423,9
Phú Yên	297	576,8	759,3	1282,1	1470,1
Khánh Hòa	1684,0	2.277,0	2876,6	6.007,0	7.081,4

Nhìn tổng thể ngành sản xuất công nghiệp các tỉnh Duyên hải miền Trung trong thời gian qua có thể khái quát một số đặc điểm sau:

-Tốc độ tăng trưởng nhanh cả về quy mô lẫn giá trị sản phẩm, nhưng không đồng đều.

-Cơ cấu trong nội bộ ngành có những chuyển biến đáng kể theo hướng hiện đại.

-Quy mô sản xuất chủ yếu là nhỏ và vừa.

-Thị trường sản phẩm hàng hóa hạn hẹp, sức cạnh tranh yếu.

-Điều kiện sản xuất, kinh doanh không thuận lợi do điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng còn nhiều khó khăn nên sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư còn hạn chế.

Thứ ba: Đặc điểm xã hội.

Duyên hải miền Trung là nơi sinh sống của nhiều thành phần dân tộc khác nhau, trong đó người Kinh chiếm khoảng 90%. Các dân tộc thiểu số tuy có số lượng ít nhưng cư trú trên một địa bàn rất rộng ở các vùng miền núi, nằm dọc theo dãy Trường Sơn kéo dài từ Quảng Bình đến Khánh Hòa. Từ khi đổi mới đến nay, trong quá trình cơ cấu lại dân cư, sự cư trú của người Kinh trên các vùng miền núi ngày một đông, đã đóng góp một phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng miền núi, đặc biệt góp phần nâng cao dân trí đối với đồng bào các dân tộc thiểu số.

Con người Duyên hải miền Trung có truyền thống dũng cảm, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh; cần cù, thông minh, sáng tạo, ham học hỏi trong xây dựng và phát triển, đây là một tố chất quan trọng để giúp họ bao đời nay luôn trụ vững trước mọi thiên tai, địch họa để tồn tại, vươn lên. Truyền thống đó đang được phát huy một cách mạnh mẽ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, và ngày nay trong cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá hiện nay, nếu được phát huy tốt sẽ là một sức mạnh có thể tạo nên một nguồn lực vô tận, phục vụ hữu hiệu sự nghiệp xây dựng và phát triển.

Bên cạnh đó, điều kiện tự nhiên, lịch sử cũng đã tạo nên cho con người Duyên hải miền Trung một cách sống có sự chuẩn mực theo lối nguyên tắc, nhiều khi rất cứng nhắc. Luôn xem nguyên tắc là cơ sở để thực hiện các mối quan hệ, các nhiệm vụ công tác, đây là một yếu tố tích cực, song nếu nó được nhìn nhận theo cách bảo thủ sẽ là một sự trì trệ trong phát triển nhận thức của tư duy, sẽ không thể tạo nên những nhạy cảm, năng động trong việc phát hiện, đón bắt thời cơ để phát triển.

Một nét có tính nổi bật trong đời sống xã hội của con người Duyên hải miền Trung là tính mở của nhân tố làng ngày càng thể hiện rõ nét trong đời sống hằng ngày, hệ thống cấu trúc làng nước theo một diện mạo mở, tính nội làng của các thiết chế cộng đồng rất thấp. Và nổi trội lên tính khu vực của văn hoá làng¹.

Trong quan hệ giao tiếp, càng đi vào phương Nam, thái độ cởi mở, quý trọng khách, tính thật thà của con người Duyên hải miền Trung càng thể hiện rõ nét. Một số nơi ở nông thôn, người dân thường xem khách một người như khách của cả nhà, của cả làng, mọi ứng xử đều tỏ ra thân thiện. Đặc biệt, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, rất coi trọng lòng tốt và chữ tín. Điều này thể hiện tính cộng đồng cao, tinh thần đoàn kết tương thân, tương ái trong kết cấu cộng đồng làng, truyền thống tốt đẹp này cần phải được giữ gìn và phát huy, nhất là trong công tác tự giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

2.1.2. Tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Qua khảo sát thực tế ở các tỉnh Duyên hải miền Trung trên cơ sở nhận diện tiềm năng du lịch, chúng tôi trình bày những tiềm năng hiện có, từ đó phân tích, phát hiện những lợi thế của nó về loại hình du lịch, dịch vụ để có hướng xây dựng các giải pháp phát triển du lịch, dịch vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của các tỉnh Duyên hải miền Trung.

****Danh lam thắng cảnh:***

Xét về tiềm năng, đây là một khu vực có đầy đủ những điều kiện để phát triển một ngành kinh tế du lịch tổng hợp với tất cả các loại hình du lịch từ tham quan, nghỉ dưỡng đến du lịch sinh thái, khám phá... có nhiều ưu thế hơn hẳn các khu vực khác trong nước. Ở đây có cả núi, sông, biển,

¹ Dựa theo kết quả công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Khắc Thái, công bố tại cuộc hội thảo “Bảo tồn và phát huy văn hoá truyền thống Quảng Bình”, Đồng Hới, 1995”.

đảo, đèo, vịnh, các di tích lịch sử, văn hóa, lễ hội, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng không chỉ trong nước mà cả trên thế giới. Đến nay các tỉnh DHMT đã có 5 di sản lịch sử, văn hóa - thiên nhiên thế giới được UNESCO công nhận đó là: Động Phong Nha, Cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn. Bên cạnh đó, Duyên hải miền Trung còn là một vùng biển đảo trải dài trên 1172km, có nhiều điều kiện để khai thác và xây dựng một ngành kinh tế du lịch dịch vụ tổng hợp hiện đại.

Đi dọc ven biển từ Quảng Bình đến Khánh Hòa là du khách đang đi qua những vùng, miền văn hóa đặc trưng đa tiềm năng du lịch, mang đậm bản sắc Việt Nam. Mỗi vùng đất có những nét văn hóa riêng, từ văn hóa ẩm thực đến văn hóa ứng xử, từ văn hóa vật thể đến phi vật thể. Chính những nét vừa có tính chung lại vừa có những nét riêng biệt đặc trưng đó của văn hóa, đã tạo cho đất và người các tỉnh Duyên hải miền Trung có sức hút dẫn cho sự khám phá của du khách.

Sự hoang sơ, hùng vĩ và đầy kỳ bí của những cánh rừng nhiệt đới nguyên sinh với nhiều sông suối, nhiều núi đá lởm chởm khô cằn; những dòng suối len lỏi qua những thác ghềnh dựng đứng vừa như thách thức, vừa như mời gọi, đến những nét dịu dàng vừa quyến rũ vừa như hờ hững của ánh nắng chiều dịu mát trên những bãi cát ven sông, ven biển; hay những bức tượng cổ có tuổi thọ đến hàng ngàn năm với những cái nhìn bí ẩn thách thức thời gian ở những ngôi đền, ngôi chùa... đã và đang là sức hút mãnh liệt không những đối với du khách nước ngoài, mà còn đối với những người Việt Nam yêu thương đất nước, lịch sử và giống nòi của mình. Bởi lẽ, du lịch không chỉ là tham quan, khám phá một hiện tại vật chất hoành tráng mà nó còn là sự tìm kiếm những cái gì đó vừa hoang sơ, vừa mới lạ, nhưng cũng lại vừa rất gần gũi, có khi đối với ta thấy rất bình thường nhưng đối với người khác là rất mới mẻ, hấp dẫn, thú vị. Chính vì

lẽ đó mà các nhà kinh doanh trên lĩnh vực du lịch đã đánh giá, cái quý và là hấp dẫn, lôi cuốn nhất của du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung là quà tặng của thiên nhiên và lịch sử.

Đó là biển và bờ biển có nhiều vịnh đảo đẹp, là sự hoang sơ của núi rừng vừa ngút ngàn vừa khắc nghiệt của những núi đá cuội dựng đứng (như Hầm Hô ở Bình Tường huyện Tây Sơn Bình Định, hay thác Zang Bay ở Khánh Hòa; suối Tiên, Khe Lim ở Quảng Nam ...). Đó là cái đẹp tự nhiên trời phú, không chỉ hấp dẫn du khách bởi cái vẻ đẹp quyến rũ mà nó còn hấp dẫn du khách bởi cả những thách thức khám phá đó là: đường Trường Sơn, A Lưới, rừng quốc gia Bạch Mã, khu danh thắng Đakông, cửa khẩu Lao Bảo, nhà tù Lao Bảo, Khe Sanh, Động Phong Nha- Kẻ Bàng, sông Hương núi Ngự, Hải Vân, Hầm Hô, Suối Tiên, Zang Bay, núi Thiên Bút, núi Thiên Ân, sông Trà, Thạch Bích Tà Dương, cổ lũy cô thôn, Long đầu Hí Thủy... đây là nguồn tiềm năng quan trọng khai thác chưa được nhiều, nguồn tiềm năng này rất thích hợp cho việc phát triển loại hình du lịch tổng hợp, như du lịch tham quan thưởng ngoạn, du lịch sinh thái, du lịch thám hiểm, du lịch chuyên đề.

**Về di tích:*

Lịch sử đấu tranh để tồn tại, xây dựng và phát triển đã tạo nên cho vùng đất này một bề dày lịch sử hào hùng, một bề dày thể hiện rõ nét sức vươn lên, sự trường tồn và chiến thắng trước mọi thiên tai, địch họa bảo vệ và đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần, tín ngưỡng của cộng đồng, những thành quách, đền đài, chùa chiền được xây dựng cách đây hàng trăm năm vẫn còn hiện diện ở khắp nơi, đã ghi lại một cách sinh động nhất về quá trình chiến đấu xây dựng, phát triển của đất và người ở khu vực. Đặc biệt, vào đầu Công nguyên, trên dải đất này đã nảy sinh và phát triển rực rỡ một nền văn hóa Champa độc đáo. Trong đó, Quảng Nam được các bia cổ nhắc

đến như là trái tim của vương quốc Champa trong một giai đoạn khá dài. Và các di sản của nền văn hóa Champa để lại cho đến ngày nay cho thấy, các công trình kiến trúc Chăm có một giá trị lịch sử và nghệ thuật.

Du khách khi tham quan các di tích có điều kiện chứng kiến một quá trình lịch sử được thể hiện bằng những hiện vật và được xem các nghệ nhân, nghệ sĩ tái hiện lại những thời điểm lịch sử hình thành nên các di tích đó, hoặc trực tiếp tham gia vào các trò chơi được tổ chức ở địa điểm tham quan.

Có thể nói rằng, Duyên hải miền Trung là một miền đất của di tích lịch sử văn hóa, với hằng trăm dấu tích còn lưu lại, phản ánh những mốc lịch sử phát triển đầy hào hùng nhưng cũng không kém phần sâu lắng của đất và người trên dải đất này. Đến Duyên hải miền Trung, du khách sẽ có điều kiện chứng kiến những chứng tích lịch sử một thời của các triều đại phong kiến tồn tại và phát triển ở phương Nam. Ở đó, du khách có thể chiêm ngưỡng các tác phẩm văn hóa - nghệ thuật độc đáo, đặc sắc của những bàn tay tài hoa do những cư dân đã từng sinh sống trên vùng đất này sáng tạo nên. Từ những ngôi đền, mái chùa, những căn nhà gỗ cổ có tuổi thọ hằng trăm năm đến những đền đài uy nghi, những công trình đồ sộ với một nét kiến trúc độc đáo, hoành tráng (như phố cổ Hội An, thánh địa Mỹ Sơn...), hay những thành quách nhằm che chở, bao bọc, bảo vệ cuộc sống yên bình cho cộng đồng... Tất cả dù chỉ còn là những dấu tích, nhưng cũng tạo cho du khách một sự ngưỡng mộ về một thời khắc lịch sử phát triển của con người đất Việt trên vùng đất đầy bão tố và nắng gió. Mỗi một đài đền, thành quách luôn gắn liền với một huyền thoại hoặc chiến công nào đó của con người trước thiên tai, địch họa, do vậy việc tham quan di tích du khách không những tham quan các công trình kiến trúc, các chứng tích lịch sử mà sâu xa hơn du khách đã đi về cội nguồn của một vùng văn hóa với bề dày lịch sử phong phú, kỳ bí không kém phần hào hùng.

Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện đã có hàng trăm di tích đã có tuổi thọ trên một trăm năm đang được bảo quản, trùng tu, nâng cấp và đưa vào hoạt động tham quan, đây là điều kiện tốt cho các nhà kinh doanh du lịch lữ hành hình thành và tổ chức các tour du lịch khám phá một cách hiệu quả.

**Về văn hóa, lễ hội:*

Duyên hải miền Trung còn được mệnh danh là vùng đất của lễ hội. Sự phong phú của đời sống văn hóa, tinh thần, sức vươn lên trước những thử thách khắc nghiệt của thiên tai, địch họa đã tạo cho lễ hội ở Duyên hải miền Trung vượt qua các thông lệ của đời sống tâm linh, tín ngưỡng, để phản ánh một cách toàn diện cái hiện tồn trong một mối quan hệ mở rộng, đan xen, giao lưu và hội tụ. Chính tính mở của các lễ hội ở dải đất này đã có sức cuốn hút rất lớn đối với du khách thập phương. Trong những năm gần đây, khi ngành du lịch có những bước phát triển mới, các nhà tổ chức lễ hội ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc thu hút khách tham quan. Việc tổ chức lễ hội giờ đây không chỉ giới hạn ở đời sống tín ngưỡng của cộng đồng dân cư, mà nó còn là dịp để quảng bá hình ảnh con người, truyền thống và những nét đẹp văn hóa độc đáo của từng vùng, từng địa phương hay từng lĩnh vực cụ thể.

Có thể nói rằng, lễ hội là hoạt động không thể thiếu được trong đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt trên dải đất Duyên hải miền Trung là một phần của cuộc sống và phát triển. Qua các lễ hội, con người Duyên hải miền Trung muốn gửi gắm đến du khách, muốn truyền thụ lại cho các thế hệ kế tiếp những nét tinh tế trong hoạt động xây dựng và đấu tranh, trong sáng tạo và hưởng thụ được bảo lưu và phát triển đến ngày nay. Ở trong mỗi một giá trị ấy hàm chứa tất cả những nét tinh tế, phản ánh một cách mạnh mẽ sự hiện tồn vĩnh hằng của các giá trị văn hóa Việt ở dải đất miền Trung.

Nhờ những cái độc đáo, tinh thần bất khuất, quật cường, óc sáng tạo không mệt mỏi, đặc biệt là biết gìn giữ và lưu truyền..., các giá trị văn hóa, lễ hội đã được mãi lưu tồn trong dân gian, tạo nên những phong thái thể hiện ngày càng độc đáo hơn, đó là sự thể hiện rất cổ xưa nhưng không hề lạc hậu, rất hiện đại nhưng không xa rời truyền thống; đây chính là sự lôi cuốn của văn hóa, lễ hội vùng Duyên hải miền Trung có sức hấp dẫn du khách.

Bên cạnh đó, tiềm năng to lớn của du lịch còn thể hiện qua những nét tinh tế trong ứng xử, trong các giá trị văn hóa, và trong cả quan hệ đối xử với thiên nhiên của con người ở khu vực. Qua các lễ hội được tổ chức cho thấy, các giá trị văn hóa mang đậm những nét tinh tế vừa nhẹ nhàng - quyết rũ nhưng cũng rất mạnh mẽ - dữ dội, vừa dân dã - đơn giản nhưng cũng rất cầu kỳ - phô trương..., đã thực sự thu hút du khách thập phương. Điều này cho thấy, sự phong phú trong các giá trị văn hóa đang hiện tồn và phát triển ở Duyên hải miền Trung thực sự là một nguồn tài nguyên quý giá để phục vụ sự nghiệp phát triển. Và nó hiện được lãnh đạo các tỉnh nghiên cứu khai thác ngày một hiệu quả hơn...

2.2. Tình hình khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung và những vấn đề đặt ra

2.2.1. Những kết quả đạt được:

Sau những năm đổi mới, mà nhất là 5 năm thực hiện chương trình phát triển du lịch 2001-2005, với sự quan tâm của Tổng cục du lịch, của tỉnh ủy, UBND các tỉnh Duyên hải miền Trung đã chỉ đạo với Sở du lịch tập trung khai thác tiềm năng kinh tế du lịch và đã đạt được những thành tựu quan trọng. Công tác quản lý Nhà nước về du lịch được tăng cường, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển năng lực kinh doanh, công tác thông tin, quảng bá tiếp thị và xúc tiến du lịch được chú ý, công tác an ninh trật tự và vệ sinh môi trường, công tác tổ chức cán bộ, đào tạo nguồn

nhân lực... có bước phát triển mới. Nhờ vậy, hoạt động du lịch đã có bước chuyển biến đáng kể, GDP của ngành du lịch trong cơ cấu kinh tế chiếm tỷ trọng ngày càng cao như tỉnh Khánh Hoà năm 2005 thu nhập từ 41,1% tăng gần 5% so với kế hoạch, tỉnh phần đầu đưa du lịch dịch vụ lên 43,5% vào năm 2010, thể hiện từng tỉnh như sau:

Bảng 6: Cơ cấu kinh tế giai đoạn 2000-2005 và định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế các tỉnh Duyên hải miền Trung giai đoạn 2006-2010.

Các địa phương	2000			2005			2010		
	NN	CN-XD	DL DV	NN	CN-XD	DL DV	NN	CN-XD	DL DV
Quảng Bình	37	24.8	38	30	32	38	20.10	39.40	39.40
Quảng Trị	44.9	51.1	40.0	36.8	23.7	39.5	25.27	33.35	38.40
Đà Nẵng	10.13	68.08	21.19	5.71	48.82	46.09	3.2	48.8	48.0
Quảng Nam	40.1	26.89	33.01	31.0	34.0	35.0	18.19	40.42	29.41
Quảng Ngãi	34.07	37.87	28.06	30.0	34.8	30.0	15.16	62.63	22.23
Bình Định	42.2	22.8	35.0	36.9	28.2	34.9	27.28	37.38	34.35
Phú Yên	41.1	24.4	34.5	37.8	28.8	34.3	21.5	41.0	37.5
Khánh Hòa	26.9	35.3	37.8	18	40.9	41.1	13.0	43.5	43.5

Nguồn: Tổng hợp từ các Văn kiện Đại hội của các địa phương Duyên hải miền Trung giai đoạn 2005-2010.

Trong những năm qua, việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung có những bước đi phù hợp, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế chung của vùng. Thị trường khách du lịch Duyên hải miền Trung trong những năm gần đây có sự chuyển biến về chất, việc cho phép khách du lịch bằng ô tô tay lái nghịch qua đường bộ

các nước Đông Nam Á đã góp phần thu hút khách trong các nước ASEAN đi du lịch làm tăng lượng khách của toàn ngành.

Trong 5 năm (2001-2005) tổng lượt du khách đến Quảng Bình đạt 2.300.000 lượt, tăng 4 lần so với giai đoạn 1996-2000, trong đó có 34.400 lượt khách quốc tế. Nếu năm 2004 Quảng Bình có 6.575 lượt khách thì năm 2005 đón được 12.228 lượt khách, tăng gấp đôi so với 2004, tổng doanh thu thương mại du lịch dịch vụ là 1500 tỷ. Nếu tính riêng du lịch đạt 221 tỷ đồng (tăng 3,5 lần), nộp ngân sách 35 tỷ đồng, tạo thêm nhiều việc làm ổn định cho hàng ngàn lao động.

Ở Huế du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn, trong những năm qua cũng được khai thác có hiệu quả và phát triển tốt, năm 2005 khách du lịch tăng cao (tăng 20% so với cùng kỳ), trong đó khách quốc tế (tăng 22% so với cùng kỳ 2004), thị trường chính của khách du lịch quốc tế ở Thừa Thiên - Huế là Pháp chiếm 19,56% tăng 0,50% (so với cùng kỳ), Đức chiếm 8,26% (so với cùng kỳ), du khách Mỹ chiếm 6,83% (giảm 0,17%) và Nhật chiếm 5,6% (giảm 1,4% so với cùng kỳ). Thông qua khách du lịch và các hoạt động dịch vụ đã góp phần phát triển mạnh ngành thương mại, giải quyết được nhiều việc làm cho xã hội. Huế nói riêng, Duyên hải miền Trung nói chung ngày càng trở thành điểm đến lý thú của du khách. Năm 2005 nhiều lễ hội do ngành du lịch Huế tổ chức với nhiều chương trình đặc sắc như kỷ niệm 115 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kỷ niệm ngày du lịch Việt Nam, Festival nghề truyền thống Huế, Lăng Cô... đã thu hút lượng khách du lịch khá lớn đến tham dự, đưa tổng lượng khách du lịch Huế tăng cao. Năm 2005 ngành đón và phục vụ 1.505.000 lượt khách (bằng 110% so với kế hoạch năm, tăng 38% so với cùng kỳ).

Bảng 7: Thống kê cơ cấu thị trường khách quốc tế qua 2 năm hoạt động du lịch Thừa Thiên - Huế

Quốc tịch	2004	Tỷ lệ (%)	2005	Tỷ lệ (%)
Việt kiều	30.680	11,80	34.843	9,44
Pháp	49.556	19,06	72.176	19,56
Anh	18.272	7,03	25.609	6,94
Đức	19.474	7,49	30.479	8,26
Trung Quốc	2.652	1,02	3.653	0,99
Nhật	18.278	7,03	20.664	5,60
Đài Loan	4.160	1,60	2.140	0,58
Mỹ	18.200	7,00	25.203	6,83
Canada	5.52	2,12	8.376	2,27
Úc	24.726	9,51	35.978	9,75
Nước khác	68.484	26,34	109.888	29,78
Tổng		100		100

Đà Nẵng là một trong những trung tâm lớn về hoạt động và khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của miền Trung và cả nước, trong những năm qua ngành du lịch phát triển năng động, riêng Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng trong năm 2005 đã thực hiện, phục vụ khách lưu trú và lữ hành đạt hiệu quả cao, thể hiện qua các bảng biểu sau:

Bảng 8: Lượng khách đến Đà Nẵng

Nội dung	Năm 2004	Kế hoạch năm 2005	Thực hiện năm 2005	So sánh %	
				% so với kế hoạch năm 2005	So với cùng kỳ năm trước
Tổng số	72.757	74.000	78.170	105,64	107,44
Khách quốc tế	19.599	20.000	22.648	113,24	115,56
Khách nội địa	53.158	54.000	55.522	102,82	104,45
Tổng ngày khách	162.243	165.000	181.731	110,14	112,01
Ngày quốc tế	55.385	59.000	70.152	118,90	126,66
Ngày khách nội địa	160.858	106.000	111.580	105,26	104,42

Bảng 9: Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh ngành du lịch Đà Nẵng năm 2005.

Nội dung	Năm 2004	Kế hoạch năm 2005	Thực hiện năm 2005	So sánh %	
				Thực hiện năm 2005 so với KH năm 2005	Thực hiện cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	65.685	70.000	85.000	121,43	129,41
Nộp ngân sách	3990	4.270	44.73	104,75	111,85
Lợi nhuận trước thuế	320	302	500	156,25	165,56
Thu nhập bình quân	1,96	1,88	2,00	106,38	102,04

Như vậy tổng doanh thu thực hiện năm 2005 của Công ty du lịch Việt Nam tại Đà Nẵng đạt 85.000 triệu đồng, trong đó có 58.300 triệu đồng thu từ lữ khách, 26.000 triệu đồng thu từ khách sạn.

Nếu tính tổng hợp hoạt động du lịch do Sở Du lịch của thành phố Đà Nẵng thực hiện thì năm 2006 doanh thu du lịch đạt 435,7 tỷ đồng bằng 101,8% kế hoạch với 774 nghìn lượt khách tham quan, bằng 101,2% kế hoạch tăng 17,4% so với năm 2005, trong đó khách quốc tế chiếm 33,3% tăng 13,2% và đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ như: Nhật Bản, Nga, EU, ASEAN ... công suất sử dụng buồng phòng đạt bình quân 60-65%, tăng 3,4% so với năm 2005 (báo cáo Tổng kết của UBND thành phố về thực hiện chiến lược kinh tế biển ngày 9/2/2007).

Ở Quảng Nam, nơi có tiềm năng du lịch rất lớn, trong những năm qua tỉnh đã đầu tư đáng kể cho việc khai thác nguồn tiềm năng du lịch này, kết quả đem lại cụ thể như sau:

Bảng 10: Tình hình kinh doanh du lịch Quảng Nam giai đoạn 1997-2005

Chi tiêu	Lượt khách	Trong đó		Khách lưu trú	Trong đó	Khách tham quan	Trong đó	Doanh thu du lịch	Thu nhập xã hội
		Quốc tế	Nội địa						
DVT	Lượt khách							Tỷ VNĐ	
1997	227.016	144.820	82.196	69.607	54.520	157.409	90.300	20,3	
1998	296.020	155.662	140.358	79.590	60.232	261.430	95.430	26,9	
1999	312.719	167.400	145.319	92.781	68.790	216.938	98.610	28,1	
2000	402.973	226.838	176.135	122.694	95.362	280.279	131.479	43,5	
2001	543.479	314.219	229.260	164.838	134.399	378.641	17.982	79,0	240
2002	659.578	400.411	259.137	230.857	190.479	428.721	209.462	121,0	300
2003	826.000	402.239	423.771	525.220	164.518	573.780	237.711	123,0	350
2004	1.024.412	493.277	531.195	320.184	214.171	704.228	279.046	178,0	450
2005	1.362.126	712.529	649.597	394.751	286.342	967.375	426.187	290,0	900
Tốc độ tăng bq	25.1	22.0	29.5	24.2	23.0	25.5	21.4	39.7	39.2

Riêng doanh thu xã hội toàn ngành thương mại du lịch- dịch vụ năm 2005 đạt 1.568.002 triệu đồng, tăng 21,16% so với cùng kỳ năm 2004. Trong đó: thương mại 792.035 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 50,51% tăng 14,32% so với cùng kỳ năm 2004; du lịch 403.127 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 25,71% tăng 34,67% so với cùng kỳ 2004; dịch vụ 372.840 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 23,71% tăng 23,45% so với cùng kỳ 2004. Tổng GDP ngành thương mại, du lịch – dịch vụ năm 2005 đạt 561.426 triệu đồng tăng 20,85% so với cùng kỳ năm 2004.

Ở Bình Định, cùng với các địa phương Duyên hải miền Trung trong thời gian qua du lịch Bình Định cũng có kế hoạch khai thác nguồn tiềm năng đạt hiệu quả cao, trong năm 2005 lượng khách du lịch đến nhiều đạt 380.000 lượt khách, tăng 38% so với năm 2004, trong đó có 32.000 khách quốc tế, doanh thu du lịch đạt 90 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2004; số ngày lưu trú bình quân 2 ngày /khách, tăng 0,2 ngày khách (năm 2004 là 1,8 ngày/khách).

Cùng với các tỉnh trong vùng, những năm gần đây ngành du lịch tỉnh Phú Yên biết phát huy những tiềm năng hiện có và khai thác có hiệu quả, góp phần vào phát triển kinh tế-xã hội đáng kể, năm 2005 tổng lượt khách do các cơ sở lưu trú du lịch tiếp đón 80.000 lượt, tăng 13,5%, trong đó có 2.700 lượt khách quốc tế, tăng 28,2%. Khách quốc tế đến Phú Yên chủ yếu là Việt kiều chiếm 44,7%, Hàn Quốc 20%, Mỹ 14%, còn lại là các nước: Trung Quốc, Singapore, Malaixia, Nhật Bản, Đài Loan, Úc, Canada... Thời gian lưu trú trung bình của khách quốc tế là 2,06 ngày, khách nội địa là 1,28 ngày. Doanh thu du lịch 20 tỷ đồng, tăng 35,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu lưu trú chiếm 35%, ăn uống 50%, lữ hành 2,2%.

Tính đến ngày 31/12/2005 toàn tỉnh Khánh Hòa có 701 doanh nghiệp dịch vụ du lịch đã khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế du lịch

góp phần đáng kể cho việc phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; trong đó có 26 doanh nghiệp nhà nước, 50 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 42 chi nhánh, 75 công ty cổ phần, 230 công ty TNHH, 350 doanh nghiệp tư nhân và 18 đơn vị tổ chức tham gia kinh doanh du lịch, tăng 4,7lần. Trong năm 2001-2005 Khánh Hòa đã thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế đạt hiệu quả cao trong kinh doanh du lịch và du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Bảng 11: Tình hình kinh doanh của ngành du lịch Khánh Hoà giai đoạn 2001-2005

T	Chỉ tiêu	ĐVT	2001	2002	2003	2004	2005	Bình quân tăng (%)
1	Doanh thu	Trđ	297.273	297.275	260.202	456.000	645.738	27,20
2	Lượt khách lưu trú.	Người	495.000	194.993	183.471	210.150	248.578	15,10
	Trong đó khách quốc tế.	Người	141.650					
3	Ngày lưu trú	Ngày	183.450	1.033.196	1.115.857	475.970	2.100.000	16,7
	Trong đó: Khách quốc tế	Ngày	341.823	426.679	400.888	1.800.000	2.102.000	14,7
4	Khách VCGT	Người		1.035.594	1.500.000	1.800.000	2.100.000	27,1
5	Cơ sở lưu trú	Cơ sở	202	233	246	273	301	10,50
6	Tổng số phòng	Phòng	3.548	3.630	4.260	5410	6.714	17,30
	Cơ sở sử dụng phòng	%	50,62	51,48	47,84	45,65	52,00	49,52
	Tổng số CBCNV	Người	2.800	3.800	3.354	5.660	5.200	16,22
	Tỷ trọng GDP (gồm cả dịch vụ)	%	38,89	39,40	39,40	40,13	40,95	1,30

-Tổng lượt khách du lịch tàu biển 42 chuyến gồm 19.000 lượt khách (kể cả khách mua tour và tham quan tự do).

-Tổng lượt khách đến các khu vực vui chơi giải trí khoảng 6000000 lượt.

Qua 5 năm cùng với cả nước và khu vực, tiềm năng kinh tế du lịch Khánh Hòa được khai thác có hiệu quả góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội, đến năm 2005 tỷ trọng GDP du lịch – dịch vụ chiếm 41,1% tăng gần 5% so với kế hoạch.

Việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch để phát triển kinh tế-xã hội ở các tỉnh Duyên hải miền Trung trong những năm qua có bước phát triển tích cực và đúng hướng, hoạt động du lịch tiếp tục phát triển ở mức cao. Các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đã có nhiều cải tiến, chú trọng công tác quảng cáo, tiếp thị, nâng cao chất lượng dịch vụ, chỉnh trang nâng cấp cơ sở lưu trú, khu, điểm du lịch, tổ chức và khai thác có hiệu quả các loại hình du lịch như du lịch sinh thái biển, du lịch văn hóa, du lịch lịch sử, du lịch danh lam thắng cảnh, du lịch làng quê... Đặc biệt vào dịp lễ, tết, các doanh nghiệp đã tăng cường tổ chức các chương trình hợp tác, liên kết tour như chương trình du lịch về nguồn đi thăm các căn cứ cách mạng, về lại chiến trường xưa, chương trình du lịch lễ hội, ... nhiều hội nghị, hội thảo của các bộ, ngành TW, các giải thi đấu thể thao toàn quốc, Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao... được tổ chức ở Bình Định, Nha Trang, Đắk Lắk, chợ cà phê ở Buôn Ma Thuột, chợ hoa Đà Lạt, tổ chức khu phố mua sắm phục vụ khách du lịch về ban đêm (Đà Nẵng), Festival 2006 (Huế)... đã thu hút du khách đến các tỉnh Duyên hải miền Trung ngày càng đông.

Trên cơ sở phân tích từng tỉnh, đề tài còn tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện thành công các mặt khác như sau:

Thứ nhất: Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước và thu hút đầu tư các tỉnh Duyên hải miền Trung đã triển khai và tiến hành cổ phần hóa 45 doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực du lịch do Trung ương và địa phương quản lý, những doanh nghiệp này sau khi cổ

phần hóa đã làm ăn có hiệu quả hơn trước, đời sống của người lao động được cải thiện, nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ, máy móc phương tiện hoạt động phục vụ khai thác tiềm năng du lịch được bổ sung, thay mới và hiện đại. Riêng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực khai thác tiềm năng du lịch cũng được quan tâm đáng kể, đến tháng 10/2005 các tỉnh Duyên hải miền Trung đã có 29 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng số vốn đăng ký là 1.332,79 triệu USD chiếm 18,5% số dự án và 21,6% vốn đăng ký đầu tư vào lĩnh vực khai thác phát triển du lịch của cả nước. Quảng Nam, Đà Nẵng, Khánh Hòa là những địa phương đi đầu trong việc thu hút đầu tư phát triển khai thác tiềm năng kinh tế du lịch với khoảng 68% tổng số dự án và 36% tổng số vốn đăng ký của khu vực.

Thứ hai: Đi đôi với hoạt động khai thác tiềm năng du lịch các tỉnh đã coi trọng lành mạnh hóa các hoạt động văn hóa thông qua việc tổ chức quản lý các cơ sở kinh doanh du lịch có hiệu quả ngày càng cao như: Khánh Hòa đã có 100% cơ sở kinh doanh lưu trú đã cam kết phối hợp với công an đấu tranh ngăn chặn tội phạm, mở lớp tập huấn cho hơn 700 nhân viên thuộc các doanh nghiệp du lịch. Quảng Nam coi trọng khai thác giá trị văn hóa, di tích lịch sử để phát triển du lịch, nhấn mạnh văn hóa du lịch là mục tiêu, động lực phát triển kinh tế xã hội, Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi đã đề ra chủ trương: phát triển du lịch gắn với văn hóa, dựa vào sức mạnh cộng đồng để quản lý, bảo vệ các di tích. Xuất phát từ văn hóa truyền thống như Quảng Nam, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Bình, Đà Nẵng mà khu vực đã có kế hoạch tốt trong xây dựng, khai thác tiềm năng kinh tế du lịch gắn liền với xây dựng và bảo vệ bản sắc truyền thống văn hóa của khu vực nhất là bảo vệ những di tích đã được xếp hạng quốc gia.

Bảng 12: Danh sách di tích xếp hạng quốc gia ở các tỉnh Duyên hải miền Trung (số liệu đến năm 2003)

TT	Tỉnh, thành phố	Lịch sử	Khảo cổ	TC	Kiến trúc nghệ thuật	Lịch sử cách mạng	lịch sử K.trúc nghệ thuật	LS TC	Kiến trúc nghệ thuật TC	Tổng số
1	Quảng Bình	18	1			12	2	2		35
2	Quảng Trị	10				7	1			18
3	Thừa Thiên-Huế	31			9	4	14			58
4	Đà Nẵng	2		1	4	2				9
5	Quảng Nam	3			6	5				14
6	Quảng Ngãi	9	1	1	3	6	1	1	1	23
7	Bình Định	15	1	1	8		1	1		27
8	Phú Yên	6		2	1		1			10
9	Khánh	7		1	3					11

Hoà										
Toàn vùng	101	3	6	34	36	20	4	1	205	
Cả nước	797	35	67	1100	144	228	28	4	2403	

Nguồn: Cục Bảo tồn bảo tàng - Bộ Văn hoá Thông tin

Thứ ba: Các tỉnh tập trung đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại phục vụ ngành du lịch đạt hiệu quả cao, như: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Phú Yên đã có nhiều nỗ lực trong việc đầu tư cho các hoạt động khai thác tiềm năng du lịch. Chẳng hạn từ năm 2001 đến nay Khánh Hòa đã có hơn 100 khách sạn với hơn 2.400 phòng xây dựng mới, trang bị trên 200 tàu du lịch với số vốn trên 50 tỷ đồng. Mạng lưới taxi có 6 doanh nghiệp đăng ký hoạt động với 250 đầu xe (vốn đầu tư 50 tỷ đồng). Mạng lưới xe buýt với 44 đầu xe (tổng vốn đầu tư 35 tỷ đồng). Quảng Bình Công ty Trường Thịnh đã xây dựng khu nghỉ mát cao cấp Bảo Ninh với trang thiết bị hiện đại. Nha Trang cũng đầu tư hiện đại hóa các hoạt động du lịch Hòn Ngọc Việt, Quảng Nam tập trung tôn tạo nâng cấp 2 khu du lịch thế giới là: Hội An và Mỹ Sơn, tỉnh đã tập trung đầu tư để Hội An sớm trở thành đô thị du lịch sinh thái.

Thứ tư: Tăng cường có hiệu quả vai trò quản lý của Nhà nước các hoạt động về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của vùng đúng hướng: Cùng với việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương về quản lý các hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, ủy ban nhân dân các tỉnh, sở du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung đã chủ động xây dựng các quy chế để điều chỉnh, quản lý các hoạt động thể thao giải trí của khách du lịch trên biển, quy chế phối hợp quản lý hoạt động

và kinh doanh đón khách du lịch bằng tàu biển quốc tế tại cảng Nha Trang, cảng Đà Nẵng, quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư trong nước tại địa bàn tỉnh, trong đó thể chế hóa các văn bản quy phạm pháp luật; các quy chế, quy định về quản lý thuế, an ninh trật tự, vận chuyển khách, giải quyết vệ sinh ô nhiễm môi trường... Ở Quảng Ngãi xây dựng quy chế các khu du lịch, thể chế hóa các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý cơ sở lưu trú, quản lý hoạt động lữ hành, vận chuyển khách du lịch. Tỉnh Quảng Nam, Thường vụ tỉnh ủy đã có Nghị quyết về định hướng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch để phát triển du lịch đến năm 2015. Cụ thể hóa Nghị quyết này, ủy ban nhân dân tỉnh đã có đề án phát triển du lịch, đồng thời ban hành những cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư theo Quy định 91/2003/QĐ-UB. Bên cạnh đề ra những quy chế hoạt động, các tỉnh Duyên hải miền Trung còn tăng cường việc kiểm tra, thanh tra để thiết lập duy trì kỷ cương trong hoạt động khai thác du lịch. Trong nhiều năm qua công tác thanh tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch đã tập trung vào thanh tra các cơ sở lưu trú, các cơ sở kinh doanh du lịch. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn như công an, thuế vụ, văn hóa thông tin ở các quận, huyện; hướng dẫn các doanh nghiệp, nhà hàng, khách sạn, các cơ sở du lịch kinh doanh đúng pháp luật, đồng thời xử lý nghiêm các sai phạm nhằm lành mạnh hóa các hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch.

Ở Thừa Thiên - Huế, Sở du lịch đã phối hợp với công an tiến hành kiểm tra 5 đơn vị hoạt động du lịch trên địa bàn, 50 trường hợp hướng dẫn viên du lịch các đoàn khách quốc tế tham quan, qua kiểm tra tiến hành lập biên bản 13 trường hợp, cảnh cáo 5 trường hợp, xử lý vi phạm 8 trường hợp với số tiền là 5.700.000 đồng. Đặc biệt UBND tỉnh thành lập đoàn kiểm tra liên ngành để chống thất thu thuế tại khách sạn, nhà nghỉ với tổng số 258 lượt trong đó có 163 lượt khách sạn, nhà nghỉ có hành vi vi phạm

không đăng ký tạm trú, tạm vắng, không niêm yết giá, không bán đúng giá, không kê khai thuế GTGT.

Ở thành phố Đà Nẵng năm 2004, 2005 tỉnh chỉ đạo tập trung kiểm tra 25 đơn vị kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa nhằm hướng dẫn các đơn vị tuân thủ quy định của Nghị định 27 về kinh doanh lữ hành như đóng tiền ký quỹ, chế độ thống kê báo cáo sử dụng hướng dẫn viên du lịch, kiểm tra đeo biển hạng sao, tình hình khách sạn lưu trú và kinh doanh hoạt động massage ở 18 khách sạn.

Như vậy công tác quản lý Nhà nước về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung đã được chính quyền, các ngành, các cấp quan tâm, nhờ đó những năm qua việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của vùng phát triển đúng hướng và ổn định.

2.2.2.Những hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung trong thời gian qua cũng bộc lộ nhiều hạn chế, yếu kém. Thể hiện:

Một là, điểm xuất phát về kinh tế cũng như hoạt động du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung còn thấp so với hai đầu của đất nước, cụ thể là nội dung và chất lượng chiến lược hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch chưa cao, hoạt động còn mang tính khép kín, việc đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực còn nhiều hạn chế, việc tổ chức thực hiện chưa đồng bộ giữa các địa phương.

Bảng 14: Chất lượng của chiến lược phát triển du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung trong 5 năm (2001-2005)

Xây dựng chiến lược	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên - Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Khánh Hòa
Yếu kém						
Trung bình	x	x		x		
Khá			x		x	
Tốt						x

(Tài liệu của Tổng cục du lịch Việt Nam tháng 6/2005)

Qua bảng trên cho thấy, chất lượng của chiến lược phát triển du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung phần lớn đạt mức trung bình. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu để chiến lược phát triển ngành du lịch có chất lượng cao hơn.

Bảng 15: Chất lượng thực hiện chiến lược phát triển du lịch

Chất lượng thực hiện chiến lược	Quảng Bình	Quảng Trị	Thừa Thiên - Huế	Đà Nẵng	Quảng Nam	Khánh Hòa
Yếu kém						
Trung bình		x	x	x		x
Khá	x				x	
Tốt						

(Tài liệu của tổng cục du lịch Việt Nam tháng 6/2005)

Một thực tế là tiềm năng du lịch dồi dào, phong phú nhưng lượng vốn huy động từ nội bộ nền kinh tế của các tỉnh, nhất là huy động vốn trong nhân dân để khai thác các tiềm năng kinh tế du lịch còn nhiều khó

khăn, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch tuy có bước phát triển nhưng chưa thật sự mạnh (kể cả về quy mô, năng lực hành chính, kinh nghiệm trong kinh doanh, năng lực cạnh tranh...).

Việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung hiện nay chưa có tính chuyên nghiệp cao, thiếu lao động có tay nghề chuyên sâu, yếu về khả năng quản lý; thiếu chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch lâu dài. Có thể nói đây là những khó khăn, thách thức lớn trong bước đường khai thác tiềm năng kinh tế du lịch để phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh Duyên hải miền Trung hiện nay.

Mặt khác, các doanh nghiệp hoạt động du lịch cơ sở vật chất kỹ thuật rất lạc hậu, kết cấu hạ tầng còn nhiều bất cập (theo số liệu điều tra đến tháng 10/2005 cho thấy có khoảng 36% kết cấu hạ tầng ở các tỉnh Duyên hải miền Trung đang bị xuống cấp nghiêm trọng), chất lượng các dịch vụ còn nhiều hạn chế nên việc khai thác tiềm năng để kinh doanh du lịch đạt hiệu quả thấp, khó có khả năng phát triển nhanh, một số doanh nghiệp thua lỗ hàng chục tỷ đồng dẫn đến việc trả lương cho nhân viên thấp, đời sống người lao động gặp nhiều khó khăn.

Hai là, tốc độ và quy mô tăng trưởng của ngành kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, chi phí đầu vào tăng cao giảm khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, công tác xúc tiến du lịch, việc xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm du lịch chưa được các doanh nghiệp quan tâm đúng mức. Khách du lịch quốc tế tăng, doanh thu từ khách du lịch quốc tế tăng nhưng lợi nhuận thấp vì chi phí cao; đầu tư các khu vui chơi, giải trí phục vụ du lịch, làng nghề truyền thống, sản xuất hàng lưu niệm chưa được các nhà đầu tư quan tâm. Việc xây dựng và triển khai một số dự án, chương trình còn chậm, nhất là một số dự án phục vụ sản xuất, xuất khẩu

và dịch vụ du lịch; công tác quản lý thị trường còn nhiều sơ hở, hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch còn nhiều lúng túng.

Ba là, việc quản lý kinh doanh đối với hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực du lịch còn nhiều lỏng lẻo. Nhiều doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lữ hành nội địa, nhưng thực chất là hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế không có giấy phép do Tổng cục du lịch cấp, do vậy hiện nay hướng dẫn viên của các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đa số đều không có hướng dẫn viên theo quy định khi hướng dẫn các đoàn khách du lịch quốc tế. Một số tour mới như tour Sông Cái, tour du lịch vịnh Vân Phong, Đảo Khi, hồ cá Trí Nguyên (ở Khánh Hòa); Hội An, Mỹ Sơn (ở Quảng Nam), Bà Nà, Ngũ Hành Sơn (ở Đà Nẵng); hệ thống Lăng Tầm, vườn quốc gia Bạch Mã (ở Huế), vịnh Mốc, Thành cổ (ở Quảng Trị), Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình); nhìn chung các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển chưa đảm bảo. Ở Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh lặn biển, tàu du lịch biển chưa thực sự bảo đảm an toàn theo quy định cho du khách nhất là khi có thời tiết xấu, điều này ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ và triển vọng phát triển loại hình du lịch sông, biển.

2.2.3. Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra.

Thứ nhất: Nguyên nhân

Những hạn chế, yếu kém trên do những nguyên nhân chính sau đây:

-Việc quán triệt và vận dụng chủ trương, chính sách của Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trong việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các sở thương mại du lịch thiếu tính nhất quán, còn nhiều lúng túng nên hoạt động nhiều nhưng hiệu quả chưa cao.

-Kết cấu hạ tầng phục vụ cho việc khai thác tiềm năng, cho phát triển du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu, môi trường kinh doanh hoạt động khai thác tiềm năng, lợi thế du lịch của vùng chưa thuận lợi.

-Công tác phối hợp giữa các sở ban ngành của địa phương và các sở du lịch giữa các tỉnh còn rời rạc, thiếu tính liên kết, hợp tác dẫn đến việc triển khai các chương trình công tác liên ngành chưa chặt chẽ và đồng bộ.

-Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, quản lý kinh doanh về hoạt động du lịch còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới.

-Việc tuyên truyền quảng bá, tổ chức xúc tiến khai thác tiềm năng du lịch của các địa phương chưa thật tốt như thông tin chưa cập nhật, thiếu nhạy bén còn nặng về thủ tục, nguyên tắc, thiếu tập trung nên chưa thu hút được các nguồn vốn đầu tư; chưa xây dựng được cơ chế hoạt động ổn định trong khai thác tiềm năng kinh tế du lịch; các chính sách khuyến khích đầu tư chưa ổn định và thiếu minh bạch. Việc thu hút các chuyên gia, các nhà quản lý có tay nghề giỏi về kinh doanh du lịch làm việc tại các tỉnh Duyên hải miền Trung còn nhiều hạn chế.

Thứ hai: Mâu thuẫn và những vấn đề đặt ra ảnh hưởng đến việc khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Nhìn chung nước ta đã có sự phát triển kinh tế- xã hội mạnh hơn nhiều so với các thập niên trước, nhưng so với các nước láng giềng thì ta còn phát triển vừa chậm, vừa thấp. Theo đánh giá của WB với số liệu năm 2004, thì GDP của Việt Nam bằng 1/37 của Trung Quốc, chưa bằng 1/3 của Thái Lan và Malaysia. GDP bình quân đầu người chưa bằng 1/2 của Trung Quốc, 1/3 của Thái Lan, 1/8 của Malaysia, 1/2 Philipin. Về thu nhập bình quân đầu người chúng ta đạt mức của nước đang phát triển có mức thu nhập thấp, về kết cấu hạ tầng, quản lý, mức độ xuất khẩu theo đầu

người thì nước ta cũng còn đang ở tình trạng kém phát triển. Theo báo cáo Phát triển của Ngân hàng thế giới, năm 2004 xuất khẩu bình quân theo đầu người của nước ta bằng 20% của Thái Lan, 6% của Malaysia, 70% của Trung Quốc và 20% mức bình quân của Thế giới.

Việc khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế du lịch trong những năm gần đây của cả nước nói chung, Duyên hải miền Trung nói riêng có nhiều tiến bộ, song vẫn còn nhiều yếu kém, nhiều vấn đề đặt ra trong điều kiện mới khá bức xúc như việc quản bá du lịch, tính chuyên nghiệp trong kinh doanh du lịch, môi trường văn hóa và bảo vệ môi trường sinh thái, thị trường du lịch, cơ chế vận hành và hội nhập... đang đặt ra nhiều câu hỏi lớn cần có lời giải đáp. Kết quả du lịch so với tiềm năng là chưa khai thác tương xứng và hiệu quả thấp. Du lịch nước ta đang thua xa các nước trong khu vực như Malaysia là nước có nguồn tiềm năng du lịch thấp thua chúng ta nhiều lần, nhưng họ khai thác hiệu quả cao, lượng khách quốc tế đến với Malaysia năm 2005 lên tới 16 triệu lượt người, gấp 4,6 lần so với Việt Nam. Tương tự Singapore, Thái Lan, Philipin số du khách quốc tế cũng gấp nhiều lần so với Việt Nam. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải xây dựng hệ thống giải pháp đồng bộ cho việc khai thác tiềm năng để phát triển kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung như công tác tuyên truyền quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch ở nước ngoài, nhất là các thị trường trọng điểm. Trong khi các nước chi hàng tỷ đô la cho khai thác tiềm năng du lịch, thì Việt Nam năm 2005 chỉ 1 triệu USD (các tỉnh Duyên hải miền Trung còn hạn chế hơn), khoảng chi tiêu này chỉ bằng một hợp đồng quảng cáo của hãng BBC với du lịch Malaysia năm 2004, hoặc chỉ đủ đăng 9 lần quảng cáo với kích cỡ nửa trang trên tờ US today của Mỹ. Dịch vụ văn hóa, thể thao, giải trí kém phát triển cũng là một trong những yếu điểm làm giảm tính hấp dẫn của du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung... Do vậy, các tỉnh Duyên hải miền Trung cần phải nhận thức đúng đắn những

khó khăn, hạn chế để có hướng khắc phục, có tầm nhìn và tiếp tục đổi mới để khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế du lịch của vùng, làm cho du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của vùng. Sau đây là **những mâu thuẫn** và **những vấn đề** đặt ra cụ thể:

Những mâu thuẫn:

Trong quá trình khai thác tiềm năng kinh tế du lịch hiện nay trên địa bàn Duyên hải miền Trung đã nảy sinh những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa ngành du lịch và một số ngành kinh tế khác như sau:

Một là: Mối quan hệ giữa ngành du lịch và ngành văn hoá thể hiện rõ trong tổ chức khai thác các điểm di tích lịch sử- văn hoá phục vụ hoạt động du lịch. Hiện nay Bộ Văn hoá Thông tin được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý các điểm di tích lịch sử để phục vụ khách đến tham quan. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa có được sự phối hợp có hiệu quả giữa ngành văn hoá và ngành du lịch trong việc quản lý, bảo vệ, tôn tạo và khai thác các di tích phục vụ cho mục đích du lịch. Việc phối hợp này không chỉ đơn giản phục vụ việc tôn tạo, bảo vệ... mà còn cả trong việc nghiên cứu xây dựng nội dung chương trình giới thiệu phục vụ khách du lịch. Những việc trên đòi hỏi phải có một cơ chế hợp tác cùng có lợi giữa ngành văn hoá và ngành Du lịch, giữa các cơ quan quản lý và cộng đồng địa phương.

Hai là: Mối quan hệ ngành du lịch và ngành lâm nghiệp trong việc khai thác các tài nguyên sinh vật, đặc biệt tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Điều này được thể hiện rõ trong hoạt động du lịch tại vườn quốc gia Bạch Mã, khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha, Cù Lao Chàm... nơi chưa có được những thống nhất chung trong việc khai thác các tiềm năng kinh tế du lịch, quy hoạch rõ ràng những khu vực có thể khai thác phục vụ cho hoạt động du lịch để phối hợp trong công tác bảo vệ đầu tư và cải tạo.

Ba là: Mối quan hệ giữa ngành du lịch và ngành giao thông vận tải trong việc khai thác những lợi thế bờ biển để phát triển những khu nghỉ dưỡng, bãi tắm biển và phát triển giao thông vận tải biển. Vùng du lịch Bắc Trung bộ là vùng có nhiều điều kiện lý tưởng để phát triển giao thông biển với hệ thống các cảng nước sâu. Tuy nhiên bên cạnh đó, đây cũng là vùng tập trung nhiều bãi tắm đẹp lý tưởng, có thể lấy khu vực Thuận An, Cảnh Dương làm ví dụ. Hiện nay ở khu vực bãi tắm Thuận An đang xây dựng dự án phát triển khu du lịch biển với tổng số vốn đầu tư lên đến 300 triệu USD. Tuy nhiên một trong những mâu thuẫn cần giải quyết là mối quan hệ giữa quy mô hoạt động của cảng Thuận An với khu du lịch. Hay Cảnh Dương khu du lịch của Thừa Thiên -Huế là một cực quan trọng của tam giác tăng trưởng du lịch Cảnh Dương- Bạch Mã - Lăng Cô. Cảnh Dương là khu vực có bãi biển sạch và đẹp vào loại nhất ở vùng du lịch Duyên hải miền Trung, nhưng hiện nay tại nơi đây đang xây dựng phát triển dự án cảng nước sâu. Như vậy thực tế đã nảy sinh mâu thuẫn giữa 2 ngành trong khai thác tiềm năng ở khu vực này.

Bốn là: Mối quan hệ giữa ngành du lịch và công nghiệp trong khai thác tài nguyên khoáng sản, vật liệu xây dựng. Việc khai thác đá tại các khu vực núi Ngũ Hành Sơn, ở các khu vực núi Karst, khai thác san hô làm vôi, xi măng, đá vàng đang ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường du lịch. Đành rằng việc phát triển du lịch không đồng nghĩa với việc nghiêm cấm khai thác tài nguyên phục vụ phát triển công nghiệp, tuy nhiên vấn đề là ở chỗ cần có sự thống nhất trong việc lựa chọn vị trí và phương thức khai thác sao cho có hiệu quả nhất về kinh tế và có lợi nhất trong việc bảo vệ cảnh quan môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững của các ngành kinh tế- xã hội. Trong thời gian qua và cho đến nay đây vẫn là vấn đề còn bỏ ngõ chưa có lời giải đáp.

Nhằm là: Mối quan hệ giữa ngành du lịch và ngành thủy lợi, thủy sản thể hiện trong việc khai thác các hồ chứa nước lớn, các đầm phá ven biển. Với ưu thế về mặt thoáng lớn, có sự điều hoà tiêu khí hậu và cảnh quan đẹp nên hiện nay hệ thống các hồ chứa (tự nhiên hoặc nhân tạo) và đầm phá đang là đối tượng nghiên cứu khai thác phục vụ các hoạt động du lịch như nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí hoặc thể thao v.v... ở vùng du lịch Bắc Trung bộ các điểm điển hình có khả năng khai thác mục đích du lịch là hồ Phú An, hồ Thanh Bàn, đầm Cầu Hai, phá Tam Giang v.v... Một số nơi đã có quy hoạch du lịch. Tuy nhiên do chưa có sự thống nhất trong khai thác nên nhiều điểm khi đưa vào khai thác du lịch đã bị những tác động không có lợi từ các hoạt động thủy lợi, nuôi trồng thủy sản nên đã bị ảnh hưởng về mặt kinh tế.

Những vấn đề nảy sinh trong quá trình khai thác tiềm năng kinh tế du lịch giữa du lịch và một số ngành kinh tế và văn hoá cũng như giữa các ngành là tất yếu vì thường trong quy hoạch phát triển ngành trong phạm vi lãnh thổ tỉnh, khu vực hoặc vùng, lợi ích của ngành sẽ được đặt lên trên, mặc dù trong một số trường hợp các dự án chưa được nghiên cứu một cách toàn diện với sự tham gia của các ngành có liên quan. Vấn đề này sẽ chỉ được giải quyết khi có được một quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội trên quan điểm khai thác tối ưu tiềm năng tài nguyên, đảm bảo sự phát triển bền vững gắn với cảnh quan môi trường và bảo vệ những di sản thiên nhiên, lịch sử văn hoá vô giá của vùng.

Những vấn đề đặt ra:

Một là, cần có sự phối hợp tuyên truyền và nhận thức đúng của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, các ngành, cộng đồng dân cư cũng như các doanh nghiệp về vị trí và tầm quan trọng của ngành du lịch ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế-xã hội của vùng từ đó tạo công ăn việc

làm ổn định, tăng thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm tiền đề và điều kiện cần thiết cho sự phát triển của du lịch. Các địa phương cần tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các bộ, tổng cục du lịch, các ngành trung ương cả cơ chế chính sách, nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng. Để hỗ trợ đắc lực cho các hoạt động trong chương trình hành động quốc gia về du lịch; tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong hỗ trợ về kỹ thuật, xây dựng các dự án quy mô nhỏ phát triển du lịch bền vững cho vùng.

Hai là, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh khai thác tiềm năng du lịch, cộng đồng dân cư địa phương là những chủ thể đóng góp cho sự nghiệp phát triển du lịch; Nhà nước cần xây dựng ban hành các chuẩn mực về cơ chế pháp lý, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng để các tỉnh Duyên hải miền Trung phát huy hiệu quả các hoạt động dịch vụ du lịch.

Ba là, hoạch định các cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển du lịch có khả năng khai thác đem lại hiệu quả cao cho ngành du lịch của từng địa phương; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính; tạo các điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư ở các thành phần kinh tế để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển du lịch cần phải được quán triệt đến các cấp, các ngành, các địa phương.

Bốn là, cần quan tâm việc xã hội hóa trong quá trình khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, nhất là đối với điều kiện cụ thể của các tỉnh Duyên hải miền Trung. Tích cực huy động các nguồn lực cho phát triển du lịch, trong đó có sự tham gia tích cực của cộng đồng dân cư địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài miền Trung, các doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức quốc tế tạo thành hệ thống các mối quan hệ đây là vấn đề đặt ra rất quan trọng để thúc đẩy du lịch phát triển.

Năm là, nâng cao vai trò của chính quyền địa phương, nhất là cấp xã, thôn, bản trong việc giải phóng mặt bằng, theo dõi, giám sát, phối hợp tháo gỡ những vướng mắc cho các dự án đầu tư phát triển du lịch và khuyến khích cộng đồng dân cư ở địa phương tham gia lãnh mạnh hóa các hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở địa phương mình.

Sáu là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước về hoạt động du lịch của địa phương, do vậy cần phải được đổi mới các hoạt động du lịch phù hợp với luật du lịch trong việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở địa phương, với kinh tế thị trường có nhiều thành phần kinh tế tham gia; trong đó cần tạo mọi thuận lợi cho thành phần kinh tế tư nhân, có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động đúng định hướng.

2.2.4. Triển vọng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Trong những năm tới, du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung sẽ tiếp tục tăng trưởng theo đà tăng trưởng du lịch chung của cả nước. Song, do có được một quần thể các di sản văn hóa, di sản thiên nhiên của thế giới như: Động Phong Nha, Cố đô Huế, phố cổ Hội An, tháp Mỹ Sơn và cả di sản phi vật thể Nhã Nhạc Cung Đình Huế, những bãi biển, những vịnh thuộc loại đẹp nhất thế giới vẫn còn mang dáng vẻ hoang sơ, chưa bị tác động lớn của quá trình đô thị hóa, du lịch Duyên hải miền Trung sẽ có nhiều thuận lợi trong phát triển, hứa hẹn sẽ là một thời kỳ hưng thịnh cho kinh tế du lịch của khu vực. Có thể thấy được triển vọng phát triển của kinh tế du lịch Duyên hải miền Trung qua khả năng và kế hoạch phát triển ngành của các địa phương được triển khai thời gian tới như sau:

Thứ nhất, đối với tỉnh Khánh Hòa.

Là địa phương có những thế mạnh để phát triển ngành du lịch như có nhiều bãi biển và phong cảnh đẹp, lại gần với những trung tâm du lịch lớn

của đất nước như: Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Lâm Đồng. Tỉnh Khánh Hòa đang có nhiều dự án phát triển du lịch như đầu tư xây dựng mới tuyến đường vào khu du lịch Dốc Lếch, đường lên khu du lịch Hòn Bà, đường Nguyễn Tất Thành, tuyến du lịch Nha Trang đi Cam Ranh, đường Khánh Lê đi Lâm Đồng... Xây dựng mới và mở rộng nhiều khu du lịch và khách sạn, nâng cấp sân bay Cam Ranh thành sân bay quốc tế, đầu tư xây dựng cảng du lịch Nha Trang để thu hút khách quốc tế đến Khánh Hòa bằng đường không và đường biển. Tỉnh còn khuyến khích các dự án đầu tư vào các khu vực trọng điểm về phát triển du lịch như: Khu nghỉ dưỡng Phú Quý, khu du lịch sinh thái Hòn Bà; khu du lịch tổng hợp, nghỉ dưỡng chữa bệnh Yang Bay (Khánh Vĩnh) các khu nghỉ mát Vân Phong, Bãi Dài (Cam Ranh)... Để làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch của mình, tỉnh đang hình thành mới các tour du lịch hấp dẫn, nâng cao chất lượng các tour du lịch truyền thống trên cơ sở xây dựng các sản phẩm du lịch biển - đảo, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống, khu chợ ẩm thực cao cấp mang đặc trưng riêng của Nha Trang, Khánh Hòa... Trong những năm qua có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh du lịch rất lớn, năm 2005 doanh thu du lịch của tỉnh mới chỉ đạt gần 644 tỷ đồng, có 902 nghìn lượt khách lưu trú (trong đó có 249 nghìn lượt khách quốc tế), và theo báo cáo của Sở Thương mại - Du lịch tỉnh năm 2006, đạt doanh thu về du lịch khoảng 740 tỷ đồng và đón được 990 nghìn lượt khách lưu trú. Và dự kiến đến năm 2010 tỉnh Khánh Hòa sẽ thu hút được 1,5 triệu lượt khách du lịch, trong đó có khoảng 600 nghìn khách quốc tế.

Thứ hai, đối với tỉnh Quảng Nam.

Là địa phương có hai di sản văn hóa thế giới là phố cổ Hội An và tháp cổ Mỹ Sơn, tỉnh còn sở hữu 128 nghìn ha rừng nguyên sinh, 125km bờ biển với nhiều bãi biển đẹp và hơn 6.000 ha mặt nước hồ, đầm... Để khai thác những tiềm năng này, tỉnh đang huy động các nguồn vốn đầu tư

cho các dự án trọng điểm du lịch như: Cầu Cửa Đại và đường Thanh Niên ven biển, khu du lịch Mỹ Sơn - Thạch Bàn, công viên du lịch văn hóa thị xã Hội An, kết cấu hạ tầng tuyến Tam Thanh - Tam Tiến - Tam Hải số dự án cho du lịch đã lên tới 176 dự án trong nước với số vốn đầu tư đăng ký 4.000 tỷ và 21 dự án nước ngoài với số vốn đầu tư đăng ký lên đến 1,6 tỷ USD. Trong đó có 91 dự án đã hoàn thành và đang hoạt động có hiệu quả, 11 dự án đang triển khai xây dựng, 58 dự án đã lựa chọn được địa điểm đang xúc tiến các thủ tục đất đai và xây dựng. Tỉnh đang thực hiện kế hoạch xây dựng Hội An thành khu công viên văn hóa đa chức năng và xây dựng Hội An trở thành đô thị du lịch sinh thái loại II vào năm 2020, nhằm phát triển lợi thế du lịch tỉnh và giới thiệu những nét đặc trưng văn hóa truyền thống của địa phương trên cơ sở tham qua các di tích, công trình kiến trúc, nghiên cứu khảo cổ, tham dự các lễ hội, các buổi ca nhạc dân tộc, mua sắm hàng thủ công mỹ nghệ, may mặc, tham quan làng nghề, du lịch Hội nghị, du lịch biển...

Đặc biệt Quảng Nam có quần đảo Cù Lao Chàm với đặc điểm khí hậu nhiệt đới, có ưu thế về thiên nhiên, cảnh quan trên đảo, dưới nước cách đất liền không xa. Cù Lao Chàm còn là khu bảo tồn thiên nhiên có sức hấp dẫn du khách, phát triển du lịch đảo Cù Lao Chàm sẽ hình thành một sản phẩm du lịch độc đáo và cao cấp, một “*Hawaii thu nhỏ*” của Việt Nam, góp phần tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách.

Khai thác thế mạnh du lịch văn hóa, tham quan di tích, du lịch chuyên khảo nghiên cứu văn hóa Chăm Pa trên cơ sở phát triển tuyến du lịch đến Trà Kiệu, thủy điện Duy Sơn 2, suối nước nóng Tây Viên, thánh địa Mỹ Sơn... Đẩy mạnh phát triển khu kinh tế mở Chu Lai, hình thành khu du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển, vui chơi giải trí cuối tuần... ở các bãi biển đẹp của các xã Tam Thanh, Tam Tiến, Tam Hải. Hình thành và đưa vào khai thác tuyến du lịch Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang và Hiệp

Đức theo đường Hồ Chí Minh để tham quan di tích lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, thăm làng đồng bào các dân tộc thiểu số. Tỉnh Quảng Nam còn chú trọng khai thác các lễ hội truyền thống, tiếp tục trùng tu bảo tồn và phát triển làm cho du khách hiểu hơn được con người và văn hóa địa phương như: Lễ hội tết Nguyên tiêu, lễ hội Cầu Bông, lễ hội rước cô Chơ Đuọc, lễ hội bà Thu Bồn, lễ hội dân gian Chăm, lễ vía Lục Tánh Vương Gia hay các lễ hội nghề gốm Thanh Hà, mộc Kim Bồng, may Hội An, yến Cù Lao Chàm.

Trong tương lai, các tuyến du lịch và những lễ hội mang đậm nét bản sắc dân tộc truyền thống này sẽ làm cho lượng du khách đến với Quảng Nam ngày một đông. Dự kiến đến 2010 Quảng Nam sẽ thu hút được 1,2 đến 1,4 triệu khách lưu trú, trong đó có 900.000 khách quốc tế.

Thứ ba, Thành phố Đà Nẵng.

Đà Nẵng là thành phố trẻ nơi có nhiều điều kiện và tiềm năng phát triển du lịch, lợi thế là một thành phố biển có phong cảnh “*son thủy hữu tình*” do vừa có sông, có núi lại vừa có biển; là thành phố có kết cấu hạ tầng thuộc loại tốt nhất ở miền Trung là điểm cuối của hành lang Đông Tây (mà điểm đầu là cảng nước sâu Mawlamyine), có đường bay thẳng đến các quốc gia và vùng lãnh thổ khác như Singapore, Đài Loan, Hồng Kông (hiện có hơn 80% du khách nước ngoài đến Đà Nẵng bằng con đường hàng không), trong vài năm tới khi sân bay quốc tế Đà Nẵng được nâng cấp sẽ mở tiếp các đường bay đến Nhật Bản, Trung Quốc, Úc và nhất là Băng Cốc (Thái Lan), Xiêm Riệp (Campuchia), Luông Parabang (Lào) sẽ tạo thêm một “con đường di sản Đông Nam Á”, chẳng những làm cho du lịch nơi đây sôi động hơn, mà còn biến Đà Nẵng từng bước trở thành “nhà phân phối khách du lịch cho cả vùng... Đà Nẵng có cảng biển lớn nhất Duyên hải miền Trung, có thể tiếp đón mọi con tàu chở khách du lịch nước ngoài đến thăm viếng. Trong vài

năm gần đây, số tàu du lịch 5 sao của các nước trên thế giới đến Đà Nẵng ngày một tăng, đến Đà Nẵng họ có thể được tận hưởng cảm giác mới lạ khi chiêm ngưỡng một “quần thể” các di sản thế giới độc đáo mang đậm nét nhân văn của người Việt, khi mà từ đây có thể đến mỗi di sản thế giới trong vùng chỉ mất 2-3 tiếng đồng hồ bằng ô tô.

Đà Nẵng có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch Hội nghị, hội thảo (MICF) trong nước và quốc tế. Do có lợi thế về vị trí địa lý, có nhiều quan cảnh thiên nhiên quyến rũ lòng người, có kết cấu hạ tầng khá hiện đại, có nhiều điểm tham quan du lịch hấp dẫn lôi cuốn du khách và có tình hình trật tự an ninh tốt... Chính vì vậy mà mỗi năm Đà Nẵng đã được hàng trăm các cơ quan, đơn vị và nhiều tổ chức quốc tế chọn làm nơi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập quán chuyên môn, thi đấu giao hữu các môn thể thao. Mấy năm gần đây bên cạnh việc chỉnh trang đô thị, Đà Nẵng còn tập trung xây dựng mới một số tuyến đường để phát triển du lịch dọc ven biển như Liên Chiểu - Thuận Phước, Sơn Trà - Điện Ngọc, cầu Thuận Phước... để tạo điểm nhấn cho phát triển du lịch. Ngoài ra do có nhiều chính sách ưu đãi dành cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nên vài năm gần đây hàng loạt các dự án đầu tư cho du lịch đã và đang được xây dựng tập trung ở 6 cụm du lịch bán đảo Sơn Trà, cụm Non Nước - Bắc Mỹ An, cụm Hải Vân - Xuân Thiều - Đa Phước, cụm trung tâm thành phố và dọc Sông Hàn, khu du lịch Đông Nghê - Phước Sơn, khu du lịch Bà Nà- Suối Mơ. Đà Nẵng cũng là nơi khách du lịch theo loại hình Caravan đánh giá cao khi ghé thăm, với những kinh nghiệm đã thu được qua việc tổ chức loại hình này, các Công ty lữ hành như: Vitour Đà Nẵng, Danatour, Tân Hồng và một số Công ty khác sẽ làm cho thị trường du lịch Caravan Đà Nẵng trong thời gian tới có nhiều bất ngờ và sôi động khi bên cạnh những xe mang biển số của Thái Lan, Lào lại xuất hiện cả những chiếc xe mang biển số của Malaysia, Singapore và Mianma...

Với những tiềm năng to lớn về du lịch của mình, nếu ngành du lịch của thành phố biết khai thác tốt các tiềm năng đó thì số du khách đến với Đà Nẵng năm 2006, 2007 có thể đạt trên 1 triệu và doanh thu có thể lên đến 600 tỷ đồng.

Thứ tư, đối với tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Bên cạnh việc tiếp tục nâng cấp các sản phẩm du lịch hiện có như tour du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch biển, du lịch nhà vườn... tỉnh Thừa Thiên - Huế đang nghiên cứu phát triển thêm một số loại hình du lịch mà địa phương có thể mạnh chưa được khai thác như du lịch sinh thái, du lịch đồng quê... trong đó hết sức chú trọng khai thác mảng văn hóa ẩm thực, nghiên cứu lựa chọn các loại hình nghệ thuật truyền thống của Huế và mở rộng dự án “nhà nghỉ trong dân” để thu hút mạnh các du khách thập phương, nhất là du khách nước ngoài.

Khôi phục một số lễ hội dân gian và tôn giáo đặc sắc đưa vào phục vụ du lịch, như lễ hội từ làng Sen đến Dương Nỗ, lễ hội cầu ngư, lễ hội Lăng Cô - huyền thoại biển, Festival nghệ truyền thống... chuẩn bị tốt việc tổ chức lễ hội Festival các năm tiếp theo để đưa Huế trở thành “thành phố Festival” của Việt Nam.

Hình thành một số tuyến đường du lịch Phong Điền (du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng và thăm làng nghề) tuyến du lịch sinh thái Bạch Mã - Bắc Hải Vân, tuyến du lịch Nam Đông (du lịch sinh thái, du lịch nhà vườn) tuyến du lịch lịch sử 9 hầm, A Lưới (tuyến du lịch thăm đường Hồ Chí Minh và văn hóa các dân tộc miền núi)... Rõ ràng với Duyên hải miền Trung thành phố Huế cũng như Quảng Nam nơi có 2 di tích lịch sử thế giới và nhiều thắng cảnh đẹp mơ mộng nên Huế là trung điểm du lịch nằm trên “con đường di sản thế giới”, nằm gần cuối xa lộ Đông Tây, là nơi có nhiều phong cảnh đẹp và nhiều di tích lịch sử văn hóa

nổi tiếng thế giới. Vì thế, đây cũng là địa điểm có nhiều tiềm năng trong việc phát triển các loại hình du lịch Hội nghị, hội thảo quốc tế (MICF) cũng như thu hút loại hình du lịch Caravan, nhất là khi cây cầu hữu nghị 2 bắt qua sông Mêkông được hoàn thành, nối liên giao thông giữa vùng Đông Bắc Thái Lan với Lào và Việt Nam.

Nếu làm tốt việc khai thác các tiềm năng du lịch của địa phương và tổ chức hiệu quả các hoạt động xúc tiến du lịch. Năm 2007 ngành du lịch Thừa Thiên - Huế có thể thu hút được gần 1,4 triệu lượt khách (trong đó có khoảng gần nửa triệu khách quốc tế), nâng tổng doanh thu lên gần 800 tỷ đồng.

Thứ năm, tỉnh Quảng Bình.

Hiện tại tỉnh đã đầu tư xây dựng 4 khu du lịch trọng điểm của tỉnh là:

- Khu du lịch Bắc Quảng Bình.
- Khu du lịch trung tâm thành phố Đồng Hới và vùng phụ cận.
- Khu du lịch phía Nam tỉnh.
- Khu di sản thiên nhiên thế giới vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Để khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch của mình, từ đây đến 2010 địa phương đã tập trung phát triển các loại hình và sản phẩm du lịch có tính bền vững cao, thân thiện với môi trường, đó là:

+Du lịch sinh thái và du lịch thám hiểm. Khu du lịch Phong Nha, Kẻ Bàng là nơi hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi cho việc phát triển loại hình du lịch này.

+Du lịch biển: Có thể phát triển ở nhiều nơi như Vũng Chùa - Đảo Yến, Đồng Hới, Đá Nhảy, Quảng Ninh.

+Du lịch văn hóa lịch sử. Tổ chức các tour tham quan các điểm di tích lịch sử trên đường Hồ Chí Minh, du lịch về thăm các bản dân tộc ít

người như tộc người Rục, Arem... Tổ chức các lễ hội như lễ hội đua thuyền trên sông Nhật Lệ, lễ hội rằm tháng 3 ở Minh Hóa, lễ hội đập trống của dân tộc A Coong ở Bố Trạch.

+Du lịch nghỉ dưỡng trên cơ sở quy hoạch và đầu tư phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng mà tỉnh có tiềm năng như suối nước Bang, hồ Rào Đá, biển Hải Ninh, Quảng Ninh sẽ là một địa chỉ hấp dẫn thu hút được nhiều khách thập phương trong và ngoài nước.

Với sự quan tâm đầu tư đúng hướng, tỉnh Quảng Bình phấn đấu đến năm 2010 sẽ thu hút được 1,5 triệu lượt khách (trong đó có khoảng 30 nghìn lượt khách quốc tế). Doanh thu du lịch sẽ đạt khoảng 400 tỷ đồng.

Theo ông Mike Moore, cựu tổng giám đốc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thì Việt Nam là một trong những quốc gia có tiềm năng phát triển du lịch lớn nhất mà ông từng biết, tiềm năng này lại càng lớn hơn khi Việt Nam tham gia vào WTO, du khách trên thế giới ngày càng biết nhiều đến đất nước Việt Nam xinh đẹp hội tụ được nhiều điểm hấp dẫn du khách, vì Việt Nam là một đất nước thân thiện và thanh bình, vì Việt Nam là một ngôi sao đang lên trong phát triển kinh tế... Đó cũng là lý do tại sao nhiều tập đoàn khách sạn nổi tiếng thế giới như: Accor, Stawood, Hyatol, Mariot... không muốn bỏ lỡ cơ hội đã và đang tiến hành đàm phán ký kết hợp đồng xây dựng các khách sạn 5 sao nhằm đưa những du khách sang trọng đến khám phá một miền đất mang tên “Việt Nam - The Hidden charm” khi đó chắc chắn với nhiều lợi thế về các công trình kiến trúc cổ kính, phong cảnh núi non hấp dẫn hùng vĩ, nhiều bãi biển đẹp và hoang sơ, nhiều điểm du lịch mới lạ... các tỉnh Duyên hải miền Trung sẽ là một địa chỉ quan trọng hấp dẫn không thể thiếu đối với du khách khi đến Việt Nam.

Với những điều kiện hiện có, khả năng khai thác của từng địa phương, những dự định của các kế hoạch sẽ được triển khai thực hiện, nhất là sự nhìn

nhận của du khách về một vùng đất với đầy ắp những điều cần khám phá, cần tìm hiểu, hy vọng rằng thời gian tới, kinh tế du lịch Duyên hải miền Trung sẽ có những bước phát triển mới cả về lượng và chất.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ KHAİ THÁC TIỀM NĂNG KINH TẾ DU LỊCH Ở CÁC TỈNH DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

3.1. Quan điểm và phương hướng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

3.1.1. Quan điểm:

Tạo bước phát triển mạnh mẽ và bền vững để du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của nền kinh tế, Việt Nam trở thành quốc gia phát triển về du lịch trong khu vực, có cơ sở vật chất kỹ thuật tương xứng, với các sản phẩm du lịch độc đáo, mang bản sắc văn hóa Việt Nam, đưa Việt Nam thành một điểm đến hấp dẫn của du lịch thế giới là mục tiêu mà ngành du lịch Việt Nam phải đạt được trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được Đảng, Nhà nước ta khẳng định và rất quan tâm chỉ đạo thực hiện.

Trên cơ sở quan điểm, định hướng phát triển do Đảng và Nhà nước vạch ra cho ngành du lịch, để khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế du lịch ở khu vực Duyên hải miền Trung, các địa phương trong khu vực cần thống nhất quan điểm sau:

Cần nhận thức đúng về tiềm năng kinh tế du lịch của khu vực và khả năng khai thác nó một cách phù hợp với điều kiện phát triển của khu vực nói riêng, cả nước nói chung trong từng mốc không gian và thời gian nhất định. Cần nắm vững được những lợi thế so sánh trong quá trình phát triển để có hướng tổ chức cạnh tranh phù hợp, các địa phương ở Duyên hải

miền Trung mới có thể xây dựng cho riêng mình một kế hoạch khai thác tiềm năng kinh tế du lịch hiệu quả.

-Kinh doanh du lịch cần phải gắn liền với việc xây dựng và phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, xây dựng mối đoàn kết cộng đồng, đề cùng nhau gìn giữ, bảo tồn, tôn vinh những giá trị truyền thống tốt đẹp của các văn hóa, tinh thần dân tộc, của các kết cấu xã hội, cộng đồng quý giá được bảo lưu và gìn giữ hàng ngàn năm con người xứ Việt.

-Kinh doanh trên lĩnh vực du lịch là hướng tới việc tìm kiếm, phát hiện những sản phẩm mới để phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu, thị hiếu luôn biến đổi của du khách nhưng phải gắn liền với chiến lược phát triển chung của đất nước và nhất là phải chú ý góp phần nâng cao trình độ nhận thức, trình độ dân trí cho người dân. Mới - hiện đại nhưng không phá vỡ truyền thống thâm mỹ, thuần phong mỹ tục; mới - hiện đại nhưng không phô trương, lai căng, chấp vá, du nhập có chọn lọc các giá trị văn hóa từ bên ngoài.

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, sự phát triển của nó có liên quan đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, an ninh chính trị của quốc gia, do đó, trong quá trình xây dựng các kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh phải luôn chú trọng đến các vấn đề đó.

-Để kinh tế du lịch phát triển bền vững, trong quá trình khai thác cần chú ý đến mối quan hệ có tính hệ thống giữa chính thể kinh tế du lịch trong kết cấu của kinh tế - xã hội. Tuy kinh doanh là mục tiêu chính của ngành, nhưng trong điều kiện đặc thù của tình hình xã hội, kinh tế, lịch sử của Duyên hải miền Trung, khai thác tiềm năng kinh tế du lịch phải tập trung chú ý đến các vấn đề xã hội, như truyền thống - lịch sử cách mạng, tiến bộ và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện các chính sách xã hội...

3.1.2. Phương hướng:

Thứ nhất, về mục tiêu:

Mục tiêu chung: Trên cơ sở tiềm năng và lợi thế du lịch biển, du lịch văn hóa- lịch sử, tài nguyên thiên nhiên, việc phát triển du lịch ở Duyên hải miền Trung phải gắn với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đưa du lịch trở thành một trong ngành kinh tế quan trọng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của từng địa phương, thực hiện chủ trương xóa đói, giảm nghèo, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội. Phân đấu từ năm 2010 trở đi, du lịch giữ vai trò là một trong những ngành kinh tế chủ lực của các tỉnh miền Trung –Tây Nguyên và là động lực đẩy mạnh phát triển du lịch của cả nước.

Mục tiêu cụ thể: Căn cứ vào kế hoạch, chiến lược phát triển ngành du lịch do các địa phương xây dựng, và thực trạng khai thác tiềm năng kinh tế du lịch thời gian qua, xét trên triển vọng và xu thế phát triển, để thực hiện thành công mục tiêu chung của ngành du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung đến năm 2010 cùng với khu vực miền Trung –Tây Nguyên cần đón khoảng 2,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế và khoảng 10 triệu lượt khách du lịch nội địa, thu nhập từ hoạt động du lịch tăng 6,2 lần so với năm 2000, mức tăng thu nhập từ hoạt động du lịch đạt bình quân thời kỳ 2006-2010 đạt từ 20-22% năm. Việc làm tạo ra từ hoạt động du lịch tăng từ 5-6 lần so với năm 2000.

Thứ hai, phương hướng phát triển.

Dựa vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các tỉnh Duyên hải miền Trung tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh của các di sản văn hóa, nhất là các di sản đã được thế giới xếp hạng trên địa bàn, di tích lịch sử, cách mạng, các giá trị thiên nhiên của núi và biển để phát triển du lịch. Đầu tư xây dựng các khu du lịch biển, khu vui chơi giải trí, thể thao biển đạt trình độ quốc tế.

Đồng thời chú trọng phát triển du lịch theo tuyến hành lang Đông Tây. Trung tâm du lịch là tỉnh Thừa Thiên - Huế, Thành phố Đà Nẵng, Đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn, Nha Trang. Cụ thể như sau:

-Tuyến du lịch ven biển từ Quảng Bình đến Khánh Hòa tập trung vào việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch và thế mạnh du lịch của các đô thị du lịch Huế, Hội An, Nha Trang gắn với việc khai thác sản phẩm du lịch về văn hóa, lịch sử, cách mạng, sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao biển, các di sản đã được xếp hạng di sản thế giới. Hình thành và phát triển các khu du lịch có khả năng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch có thu nhập cao: Khu du lịch Cảnh Dương -Hải Vân- Non Nước (Thừa Thiên-Huế - Đà Nẵng), khu du lịch vịnh Nha Trang (Khánh Hòa), khu du lịch Phong Nha -Kẻ Bàng (Quảng Bình), khu du lịch Hội An gắn với khu di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam).

-Xây dựng, khai thác tiềm năng kinh tế các tuyến du lịch dựa vào việc khai thác giá trị du lịch của các di tích lịch sử - văn hóa, di tích chiến tranh và các di sản văn hóa thế giới đã được công nhận như: di tích chiến tranh (địa đạo Vĩnh Mốc), khu giới tuyến quân sự (cầu Hiền Lương), vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng, Cố đô Huế, Đô thị cổ Hội An, khu di tích Mỹ Sơn... tạo nên tính hấp dẫn, độc đáo riêng của khu vực để đẩy mạnh phát triển du lịch.

-Khai thác tiềm năng du lịch của đường mòn Hồ Chí Minh để phát triển du lịch. Khai thác các khu, các điểm du lịch sinh thái, văn hóa bằng các phương tiện giao thông đường bộ trên các tuyến quốc lộ qua các cửa khẩu quốc tế Lao Bảo (Quảng Trị), Chalo (Quảng Bình).

-Nghiên cứu, xây dựng các tuyến du lịch bằng đường biển đến các tỉnh miền Trung và từ miền Trung đi các nước trong khối ASEAN; cải tạo

nâng cấp các cảng biển lớn trong khu vực để có khả năng tiếp nhận các tàu du lịch biển quốc tế có trọng tải lớn, trang bị tiện nghi hiện đại.

Chú ý tập trung xây dựng nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng cho ngành du lịch; cải tạo nhà ga, phương tiện vận chuyển đường sắt để nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ du khách đi bằng phương tiện tàu hỏa, cải tạo nâng cấp sân bay, nâng cao chất lượng dịch vụ hàng không, khai thác các tuyến bay quốc tế đến miền Trung và ngược lại. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật ở các cửa khẩu quốc tế (Chalo, Lao Bảo) để tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch theo tuyến hành lang Đông Tây. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch cần thực hiện theo phương châm xã hội hóa đầu tư du lịch, đa dạng hóa các loại hình có cơ sở lưu trú. Bên cạnh việc xây dựng khách sạn hiện đại phục vụ cho khách có thu nhập cao cần phát triển loại hình cơ sở lưu trú tại hộ gia đình, tạo thêm việc làm và thu nhập cho dân cư địa phương, tạo điều kiện cho du khách đặc biệt là khách du lịch quốc tế có điều kiện tìm hiểu khám phá bản sắc văn hóa của từng địa phương trong vùng. Quy hoạch, phát triển các khách sạn nghỉ dưỡng, các khu vui chơi giải trí đa dạng có quy mô lớn tại các khu du lịch biển và các đô thị du lịch.

Việc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch của địa phương phải gắn với quy hoạch phát triển du lịch của từng địa bàn, của toàn khu vực, gắn với việc bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái gắn với quy hoạch sử dụng đất.

3.2. Những giải pháp để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

3.2.1. Xây dựng chiến lược khai thác bền vững tiềm năng kinh tế du lịch vùng Duyên hải miền Trung trong thời kỳ mới.

Thứ nhất: Tiến hành rà soát lại quy hoạch phát triển du lịch hiện nay ở các tỉnh Duyên hải miền Trung, trên cơ sở phân tích hạn chế, yếu kém cũng như những thành tựu đạt được để bổ sung, sửa đổi chiến lược phù hợp, như rà soát lại quy hoạch tổng thể, quy hoạch có tính định hướng, quy hoạch chi tiết từ đó có biện pháp bổ sung, sửa đổi xây dựng quy hoạch mới phù hợp với đặc điểm điều kiện thực tế, trên cơ sở đó làm căn cứ xây dựng quy hoạch phát triển khai thác tiềm năng kinh tế du lịch cho từng địa phương, từng vùng và từng lĩnh vực. Đối với tỉnh Quảng Bình cần bổ sung quy hoạch chiến lược khai thác tiềm năng du lịch đa dạng ở Phong Nha-Kẻ Bàng, suối nước nóng Bang; ở Quảng Trị có chiến lược phát triển, tôn tạo gìn giữ các di tích lịch sử ở thành cổ Quảng Trị, Địa Đạo Vĩnh Linh, đường 9 Nam Lào và khu nghĩa trang Trường Sơn.

Thứ hai, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch

Nội dung chiến lược đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung cần được đổi mới thông qua các mặt sau đây:

-Chiến lược phát triển du lịch mang tên người hậu vệ, tức là vùng du lịch mà du khách đến tham quan ổn định.

-Chiến lược phát triển du lịch mang tên người tìm kiếm, tức là nghiên cứu sự quan tâm của du khách về những sản phẩm du lịch mà du khách ưa thích.

-Chiến lược phát triển du lịch mang tên người phản ứng, tức là phải mạnh dạn xây dựng những loại hình du lịch để tìm hiểu sự phản ứng của du khách từ đó phát triển từ thấp đến cao.

-Chiến lược khai thác và mở rộng có hiệu quả những thị trường du lịch quốc tế trọng điểm gắn với thị trường du lịch nội địa, đặc biệt là của miền Trung.

-Chiến lược giữ gìn, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội.

-Thực hiện chiến lược khôi phục làng nghề truyền thống và các điểm làng nghề du lịch.

Thực hiện được các chiến lược trên nhằm đạt được mục tiêu làm cho du khách không đơn điệu, nhàm chán và kéo dài thời gian lưu trú cho du khách.

Thứ ba, chiến lược tuyên truyền.

Vấn đề chủ yếu nhất trong chiến lược này đòi hỏi các tỉnh phải đẩy mạnh tuyên truyền cho du khách dưới nhiều hình thức. Cụ thể một số vấn đề chính sau:

-Tập trung nghiên cứu tâm lý, thị hiếu của du khách (cả ở trong nước và quốc tế), bởi vì du khách ở mỗi nước đều có những sở thích khác nhau, do đó phải có môi trường hấp dẫn và những sản phẩm độc đáo mới lạ để thu hút du khách. Kinh nghiệm cho thấy nếu nắm vững được tâm lý, thị hiếu, thời gian lưu trú của du khách, việc hình thành các chiến lược hấp dẫn, thu hút du khách sẽ được thuận lợi và dễ thành công.

+Đối với du khách trong nước, thứ nhất, thông qua hệ thống giáo dục, các trường dạy nghề để giới thiệu đặc điểm, điều kiện và tầm quan trọng về du lịch; Thứ hai, phải tổ chức thuận lợi an toàn về phương tiện đi

lại cho du khách nhất là những ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật; Thứ ba: cần thông qua hệ thống chính quyền các cấp để tuyên truyền du lịch.

+Đối với du khách nước ngoài thực hiện chiến lược tuyên truyền để nâng cao hình ảnh của các tỉnh Duyên hải miền Trung cũng như giới thiệu các sản phẩm độc đáo của vùng, thông qua mạng trực tuyến, trên các trang Web của Tổng cục Du lịch Việt Nam.

-Nội dung chiến lược tuyên truyền du lịch đối với du khách nước ngoài cần chú ý các mặt sau:

+Tạo mọi thuận lợi tối đa cho du khách đến tham quan.

+Số lượng sản phẩm và khả năng đa dạng hóa phong phú sản phẩm phục vụ du khách.

+Giá dịch vụ vừa phải, thỏa đáng.

+Thông tin có liên quan đến các địa điểm, các vị trí mà du khách cần tham quan.

+Thái độ phục vụ của những hướng dẫn viên du lịch cũng như các cơ sở mà du khách đến tham quan.

+Xây dựng mạng thông tin quốc tế để đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin của du khách.

+Xây dựng thư viện lưu trữ thông tin xúc tiến du lịch và thành lập các phòng thông tin du lịch tại các sân bay quốc tế, các trung tâm dịch vụ.

+Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền, quảng bá rộng rãi về du lịch.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế chính sách trong lĩnh vực du lịch. Đổi mới cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển khai thác tiềm năng kinh tế du lịch là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển du lịch, đòi hỏi các

địa phương cần đặc biệt quan tâm. Nội dung đổi mới cơ chế chính sách cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

-Đổi mới chính sách huy động và sử dụng vốn thông qua đầu tư của ngân sách để nâng cao đầu tư khai thác tiềm năng đẩy mạnh phát triển du lịch.

-Thực hiện chính sách thuế đối với ngành du lịch theo phương pháp áp dụng thuế suất ở mức vừa phải để tạo điều kiện cho ngành du lịch giảm các khoản chi phí cần thiết.

-Thực hiện chính sách giải tỏa, đền bù, phát triển xây dựng các khu du lịch, nhà hàng theo đúng áp giá đền bù quy định của Nhà nước, khắc phục tình trạng áp giá đền bù quá thấp, không hợp lý.

-Thực hiện chính sách khuyến mãi thông qua nhiều hình thức như giảm giá khách sạn, phương tiện giao thông và giá mua hàng lưu niệm.

-Đẩy mạnh sự phối hợp liên ngành để giải quyết đồng bộ các chính sách tạo thuận lợi cho du khách trong các lĩnh vực: visa, phí và lệ phí, thủ tục cho phương tiện vận chuyển khách vào địa bàn và đi lại qua các cửa khẩu.

3.2.2. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Kinh tế Duyên hải miền Trung có khả năng tích lũy thấp, nhưng đổi lại là vùng có lợi thế và tiềm năng phát triển du lịch, nơi đây tập trung nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, nhiều di tích văn hóa lịch sử thế giới so với hai đầu đất nước, nhưng thiếu vốn để đầu tư khai thác tiềm năng phát triển du lịch, vì vậy việc thu hút vốn và sử dụng vốn có hiệu quả vào việc phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là vấn đề được đặt ra rất bức xúc để đầu tư cho du lịch vùng này cất cánh.

Theo tính toán dự báo, tốc độ tăng trưởng trung bình GDP du lịch của vùng thời kỳ 2006-2010 là 19,5%, thời kỳ 2010-2020 là 9,1%. Để đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng trên đòi hỏi tốc độ tăng đầu tư trung bình thời kỳ 2005-2010 là 18,4% và thời kỳ 2010 - 2020 là 10,9%.

Để giải quyết nhu cầu vốn, đảm bảo sự phát triển của ngành du lịch cần phải:

-Huy động vốn từ nguồn tích lũy trong vùng: với tỷ lệ 25% GDP du lịch. Với tỷ lệ này, khả năng đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư cần thiết là khoảng 59,8%. Làm được việc này sẽ mở ra khả năng cho phép ngành du lịch chủ động phối hợp cùng với các ngành chức năng xây dựng các kế hoạch phát triển cụ thể trên cơ sở quy hoạch đã phê duyệt.

-Vay ngân hàng: Với tỷ lệ lãi suất ưu đãi nhằm khuyến khích các doanh nghiệp du lịch sử dụng nguồn vốn này vào việc đầu tư tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng. Bên cạnh đó, cần cải tiến các thủ tục cho vay đảm bảo rút ngắn thời gian xây dựng, sửa chữa nâng cấp các hạng mục công trình, ở đây cần xem xét phương án thành lập ngân hàng cổ phần Đầu tư phát triển du lịch Việt Nam với các chi nhánh ở trung tâm du lịch của vùng và các tiểu vùng nhằm thu hút vốn nhàn rỗi trong dân qua hệ thống ngân hàng.

-Nguồn vốn ODA: Các nhà tài trợ chủ chốt để đảm bảo cung cấp nguồn vốn này là Nhật Bản, Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Pháp, Úc, Anh, Liên minh châu Âu (EU) và một số tổ chức quốc tế như UNDP, UNICEP... Dự kiến số vốn từ nguồn này để đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng du lịch, tôn tạo và bảo vệ tài nguyên du lịch... có thể chiếm khoảng 25% số còn thiếu sau khi đã có được số vốn tích lũy ban đầu từ GDP trong ngành du lịch vùng.

-Thu hút vốn đầu tư trong nước, trong các thành phần kinh tế thông qua việc tăng cường liên doanh trong nước trên cơ sở luật đầu tư trong nước để xây dựng khách sạn, nhà hàng, mua sắm các phương tiện vận chuyển... thông qua các dự án đầu tư, phải thực sự coi việc thu hút vốn đầu tư trong nước là một hướng ưu tiên. Việc ưu tiên vốn đầu tư trong nước trên cơ sở luật đầu tư trong nước còn nhằm mục đích nâng dần tỉ lệ góp vốn phía Việt Nam bằng nhiều hình thức như khuyến khích các cơ sở Việt Nam liên kết với nhau, được vay vốn ngân hàng trong nước và nước ngoài dễ dàng v.v...

-Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) hoặc liên doanh với nước ngoài. Cần hướng đầu tư nước ngoài và các dự án lớn như xây dựng khách sạn cao cấp quy mô lớn ở các trung tâm du lịch, phát triển các khu du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, các cơ sở vui chơi giải trí hiện đại v.v... Dự kiến số vốn từ nguồn này có thể đạt tới 25% số vốn còn thiếu.

-Tạo nguồn vốn: Đây là giải pháp có ý nghĩa trong điều kiện các tỉnh Duyên hải miền Trung còn nhiều khó khăn về từ các nguồn vốn cơ bản. Giải pháp này có sự xem xét thực hiện một số chính sách cơ chế như:

+Cổ phần hoá một số khách sạn, các cơ sở dịch vụ của Nhà nước làm ăn kém hiệu quả.

+Dùng quỹ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức cho thuê đất trả tiền trước, đổi lấy cơ sở hạ tầng có giới hạn thời gian...

-Vốn ngân sách nhà nước: Tập trung dành vốn ngân sách Nhà nước dành cho đầu tư phát triển du lịch vào các công tác cơ bản sau:

+Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, các di tích cách mạng đã được xếp hạng. Trước mắt cần tập trung ưu tiên đầu tư đối với các di tích đặc biệt quan trọng có ý nghĩa quốc gia và quốc tế, các làng nghề, phố nghề truyền thống đặc trưng ở vùng Duyên hải miền Trung.

+Phát triển công tác tuyên truyền, quảng cáo, xúc tiến phát triển khai thác tiềm năng kinh tế du lịch.

+Thực hiện quy hoạch chi tiết các khu du lịch lớn có ý nghĩa quốc gia và quốc tế làm cơ sở thu hút vốn đầu tư.

+Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nội bộ tại các khu du lịch lớn có ý nghĩa quốc gia và quốc tế.

-Thu hút vốn đầu tư của các nước tư bản phát triển có công nghệ cao, có kinh nghiệm và trình độ quản lý tiên tiến để chúng ta học tập, nâng cao cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng lao động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch đạt hiệu quả cao, trên cơ sở sử dụng vốn đúng mục đích và tiết kiệm.

-Thông qua quảng bá, xúc tiến tranh thủ vốn và công nghệ ở các công ty xuyên quốc gia để tiếp cận công nghệ hiện đại, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng đáp ứng cho việc đầu tư và khai thác tiềm năng du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung nhằm nâng cao trình độ tổ chức, quản lý và tiếp cận thích nghi với thị trường thế giới.

-Thu hút và sử dụng vốn của các tổ chức kinh tế khu vực để khai thác lợi thế về vốn, thị trường và sự phân công hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, trên cơ sở đó xác định việc đầu tư các dự án về cơ sở vật chất kỹ thuật đạt hiệu quả cao.

-Thu hút vốn, công nghệ và sử dụng vốn công nghệ đầu tư cho việc phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật ở các nước có quan hệ truyền thống và những nước có lợi thế từng ngành, từng lĩnh vực, từng loại kết cấu hạ tầng phù hợp với yêu cầu phát triển du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung.

-Thu hút vốn đầu tư để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để khai thác tiềm năng du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung phải nhằm nâng cao

năng lực hoạt động du lịch, tạo nhiều việc làm cho người lao động, hạn chế việc chuyển giao công nghệ cũ, lạc hậu phải đảm bảo tự chủ về kinh tế, giữ vững an ninh quốc phòng, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tiềm năng hiện có, bảo vệ tài nguyên môi trường.

3.2.3. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch.

Trên cơ sở tiềm lực và hiện trạng về cơ sở vật chất kỹ thuật của mình, các địa phương ở Duyên hải miền Trung cần đầu tư tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, nâng cấp các điểm du lịch, các danh lam thắng cảnh... Điều này có ý nghĩa quan trọng quyết định đến việc thu hút du khách. Các địa phương phải có giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật kết cấu hạ tầng du lịch một cách cụ thể có trọng tâm, trọng điểm thiết thực không dàn trải. Vốn đầu tư cần tập trung cho các khu du lịch thiên nhiên, khu di tích lịch sử, khu danh lam thắng cảnh, khu du lịch có tính tổng hợp và khu du lịch có tính chuyên đề nhằm tạo điều kiện thu hút khách trên cơ sở huy động các nguồn đầu tư. Theo số liệu báo cáo của Sở Thương mại du lịch trong khu vực đến đầu năm 2006 có khoảng 36% kết cấu hạ tầng ở các tỉnh Duyên hải miền Trung đang bị xuống cấp nghiêm trọng. Ngoài việc xây dựng phát triển các khu du lịch, các tỉnh cần phải đầu tư kinh phí đúng mức để phát triển hệ thống: Điện, đường, cầu, nước sạch, môi trường, thông tin liên lạc, môi sinh theo nguyên tắc ưu tiên những công trình phục vụ trực tiếp cho du lịch nhằm thực hiện mục tiêu “*Lợi nhanh trước, lợi chậm sau, lợi lớn trước, lợi nhỏ sau*” trong phát triển du lịch, vì đây là những vấn đề gắn chặt với sự phát triển du lịch.

Thứ nhất, nâng cấp một số tuyến đường xương cá nối giữa khu vực miền Trung lên Tây Nguyên tạo điều kiện cho việc phát triển các tuyến du lịch như: Quốc lộ 24 đi Quảng Ngãi lên Kon Tum, Quốc lộ 25 từ Khánh Hòa lên Gia Lai... và đặc biệt nâng cấp mở rộng các tuyến theo hành lang

Đông Tây như Quốc lộ 9 (Đông Hà – Lao Bảo) nối với cửa khẩu quốc tế Lao Bảo và tuyến đường 8 (cửa khẩu quốc tế Cầu Treo). Đảm bảo giao thông thuận tiện nối các tỉnh Duyên hải miền Trung đi Tây Nguyên với tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) với các nước Lào, Campuchia và Đông Bắc Thái Lan. Tập trung xây dựng hoàn thành trước năm 2007 tuyến đường cao tốc Đà Nẵng- Chu Lai –Dung Quốc, Đà Nẵng- Huế- Quảng Trị (trong đường cao tốc Bắc Nam) nối các khu du lịch của khu vực nhằm tạo điều kiện để Huế -Đà Nẵng - Quảng Nam trở thành địa bàn động lực cho phát triển du lịch khu vực các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Thứ hai, đường không, sân bay: mở các tuyến bay quốc tế thẳng đến miền Trung cho các sân bay Đà Nẵng, Cam Ranh (Khánh Hòa), Liên Khương (Lâm Đồng), Phú Bài (Huế)... cải tạo nâng cấp các cơ sở vật chất kỹ thuật cho các sân bay để mở tuyến bay trực tiếp đến Hà Nội – Đà Lạt, Đà Nẵng. Cải tạo nâng cấp, mở rộng sân bay Đà Nẵng trở thành cửa ngõ cho du khách đến với khu vực các tỉnh Duyên hải miền Trung, nâng cấp sân bay Cam Ranh trở thành sân bay quốc tế, tăng cường đầu tư các trang thiết bị tại một số sân bay như Cam Ranh (Khánh Hoà), Phú Bài (Huế), Phù Cát (Bình Định)... tạo điều kiện thuận lợi đón và đưa du khách tại sân bay.

Thứ ba, đường sắt: đầu tư nâng cấp, cải tạo các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, chất lượng dịch vụ để tăng lượng khách du lịch bằng tàu lửa, tạo điều kiện để khách du lịch đi lại dễ dàng, tiện nghi nhằm phát triển dạng du lịch bằng tàu lửa. Đặc biệt là khách du lịch nghỉ cuối tuần từ trung tâm đô thị lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đến các tỉnh Duyên hải miền Trung , bổ sung thêm một số tàu chuyên du lịch chất lượng cao bằng đường sắt và đường biển, đặc biệt là tăng điểm đỗ các ga tại một số địa phương đang có xu hướng phát triển mạnh du lịch như Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định.

Thứ tư, đường biển, cảng du lịch: đẩy mạnh hơn nữa cách tiếp cận khu, điểm du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung bằng các phương tiện vận tải thủy. Trước mắt cần nâng cấp, cải tạo một số cảng hàng hóa phục vụ cho tàu du lịch như cảng Chân Mây, cảng Thuận An (Huế), Tiên Sa (Đà Nẵng), Dốc Lết (Nha Trang), Quy Nhơn (Bình Định)... Sớm hình thành các tuyến tàu du lịch đến Huế, Hội An, Quảng Bình lồng ghép với chương trình “con đường di sản văn hóa thế giới”, “Con đường xanh Tây Nguyên”.

3.2.4. Khai thác tiềm năng kinh tế du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, văn minh du lịch và bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc.

Trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, các di sản văn hóa không phải tài nguyên duy nhất, nhưng nếu thiếu nó thì du lịch sẽ không còn tính hấp dẫn.

Nhận diện bản chất của du lịch trong bối cảnh hiện nay, chúng ta càng thấy rằng sự gắn kết giữa kinh tế và văn hóa không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn chỉ ra tính thực tiễn của văn hóa trong quá trình phát triển kinh tế du lịch. Các chuyên gia du lịch nước ngoài từng tổng kết rằng: có 20% số khách du lịch đến châu Âu vì sự hiểu biết về văn hóa, 60% số du khách quan tâm việc tìm kiếm khám phá sự kiện, hiện tượng văn hóa trong chuyến tham quan. Ở Việt Nam có 70% số du khách cho rằng họ đến Việt Nam vì sự hấp dẫn của văn hóa Việt Nam, muốn tìm hiểu văn hóa Việt Nam, đặc biệt là văn hóa truyền thống của các dân tộc. Như vậy, dù muốn hay không thì mọi hoạt động du lịch đều phải gắn kết với văn hóa. Sẽ không có một sự chi tiêu trong hoạt động du lịch nào lại không gắn liền với các giá trị văn hóa. Tuy nhiên, việc lạm dụng quy luật này cũng là vấn đề cần khắc phục và lên án khi một số người, một số công ty chỉ biết tìm

kiếm lợi nhuận trên di sản văn hóa dẫn đến một kiểu “tăng trưởng không gốc rễ” mà Liên hiệp quốc đã từng cảnh báo năm 1996.

Một nhà nghiên cứu nước ngoài đã từng cảnh báo: Du lịch sưởi ấm nhà bạn nhưng nó cũng có thể đốt cháy nhà bạn. Đây chính là bài học kinh nghiệm trong khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong thời gian qua các tỉnh Duyên hải miền Trung đã đạt được nhiều thành tựu trong khai thác tiềm năng kinh tế du lịch như đã trình bày ở chương 2, nhưng cũng đã để lại nhiều hiệu ứng tiêu cực từ du lịch. Du lịch đã tạo nên những điểm nóng về sinh hoạt, tạo nên sự cung cầu lớn hơn bình thường cho nên tình trạng ô nhiễm môi trường diễn ra thường xuyên. Ngoài ra cũng đã xuất hiện nhiều lo ngại về môi trường văn hóa, xã hội như: tệ mại dâm, ma túy tăng theo tỷ lệ thuận với phát triển du lịch, các lễ hội ngày càng bị biến dạng theo yêu cầu phục vụ du khách. Chính vì vậy, cần phối hợp với các sở ban ngành để làm tốt một số nội dung sau đây:

Thứ nhất, để tạo nên tính ổn định và bền vững cao, các địa phương cần đưa vấn đề văn hóa du lịch vào chương trình phát triển của địa phương. Mặc dù rất coi trọng lợi nhuận từ kinh tế du lịch, tuy nhiên chính quyền địa phương cần có những cam kết nhất định đối với các doanh nghiệp khai thác du lịch về việc bảo vệ môi trường, rác thải công nghiệp hóa, tránh tình trạng ô nhiễm đang ngày càng gia tăng tác động xấu đến hoạt động kinh tế du lịch nói riêng và môi trường xã hội nói chung. Ngoài cam kết này, chính quyền địa phương cần triển khai các hoạt động ngăn chặn các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

Thứ hai, khi đã xem du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn thì phải có chiến lược đầu tư thích hợp, vì đầu tư kết cấu hạ tầng là điều kiện để thúc đẩy đầu tư phát triển du lịch ở các doanh nghiệp, mở thêm các tuyến du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch với tư cách là điểm đến an toàn và hấp

dẫn nhưng giàu bản sắc. Ngoài ra, cần ưu tiên kêu gọi các dự án đầu tư phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí kết hợp với việc khai thác các giá trị văn hóa nhân văn để kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Như vậy, vấn đề đầu tư cho phát triển du lịch phải được triển khai một cách có hệ thống, tránh tình trạng người khai thác, người dọn dẹp trong khi lợi nhuận không vào ngân sách nhà nước mà lại chảy vào túi của cá nhân. Một khi tình trạng này vẫn còn xảy ra thì mọi công sức quảng bá du lịch sẽ không tác dụng.

Thứ ba, khai thác giá trị văn hóa với tư cách là tài sản văn hóa nhằm phát huy vai trò nền tảng và động lực văn hóa.

Thực tế cho thấy, các di sản văn hóa là sản phẩm cốt lõi trong khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, do vậy cần phải nhận thức đầy đủ giá trị văn hóa không chỉ những giới lãnh đạo, những người trực tiếp làm việc trong lĩnh vực văn hóa mà cả người dân. Sở dĩ Hội An phát triển du lịch có hiệu quả là bởi cộng đồng, giới lãnh đạo ở đây đã rất ý thức về giá trị của di sản. Tuy nhiên, không nên nhìn hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch chỉ thuần túy ở di sản của quá khứ mà phải tạo ra di sản. Khi rút ra bài học kinh nghiệm trong 5 năm qua, Đại hội X đã khẳng định *“Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa”* và đề ra mục tiêu là cần phải kết hợp hài hòa việc bảo vệ, phát huy các di sản văn hóa với các hoạt động phát triển kinh tế du lịch. Làm được điều này cũng có nghĩa là chúng ta đã *“nâng cao tính văn hóa trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân”*.

Việc khai thác tốt các giá trị di sản có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế hơn là hình thức bảo vệ bản sắc văn hóa. Có thể nói rằng chính bản sắc văn hóa của từng địa phương, vùng, miền đã tạo nên sức hút

du lịch và ngược lại kinh tế du lịch đã đánh thức bản sắc văn hóa. Mối quan hệ biện chứng này khẳng định tính gắn kết giữa bản sắc văn hóa với khai thác tiềm năng để phát triển du lịch.

Thứ tư, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch. Để phát triển kinh tế du lịch thì việc tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa đa dạng có ý nghĩa quan trọng bởi lẽ sự chi tiêu cho văn hóa du lịch không chỉ thuần túy là nghỉ dưỡng mà còn mua sắm, thưởng thức và khai thác các loại nghệ thuật dân gian, hiện đại. Thực tế cho thấy khách du lịch đến các tỉnh Duyên hải miền Trung không chỉ tiêu nhiều cho việc mua sắm các sản phẩm văn hóa. Nguyên nhân sâu xa không phải là du khách không có tiền mà sản phẩm văn hóa ở đây còn đơn điệu và quá ít ỏi. Các sản phẩm văn hóa, đặc biệt là các sản phẩm mỹ nghệ còn thiếu tính thẩm mỹ, các biểu tượng văn hóa của từng địa phương chưa được xây dựng và khai thác hết tính thẩm mỹ trong các sản phẩm văn hóa.

Trong khi đó các tỉnh Duyên hải miền Trung là nơi có khá nhiều làng nghề truyền thống, có thể được đánh thức và phát triển nếu như biết cách khai thác sở thích mua sắm của khách du lịch. Làng đá Non Nước ở Đà Nẵng có thể cho ra đời những sản phẩm văn hóa độc đáo. Nghề đèn lồng Hội An cũng phát triển do biết nắm bắt được nhu cầu của khách du lịch. Tuy nhiên, để bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng miền được lưu giữ thì phải nhanh chóng đưa biểu tượng văn hóa của từng địa phương vào các sản phẩm văn hóa.

3.2.5. Tăng cường quảng bá và tổ chức xúc tiến du lịch, để đưa hình ảnh văn hóa, con người Duyên hải miền Trung nói riêng, Việt Nam nói chung đến khắp bạn bè trên thế giới.

Quảng bá và tổ chức xúc tiến du lịch là việc làm cấp thiết và thường xuyên trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch. Thông qua

quảng bá, xúc tiến sẽ tác động mạnh đến khuynh hướng, thị hiếu, thói quen tiêu dùng các sản phẩm du lịch và do đó gây ảnh hưởng lên những lĩnh vực khác của quá trình phát triển du lịch. Đặc biệt là du lịch quốc tế, việc quảng bá, xúc tiến sẽ góp phần quan trọng làm tăng tổng số khách du lịch quốc tế, tăng dự án đầu tư khai thác tiềm năng kinh tế du lịch đến các vùng của đất nước. Còn đối với khách du lịch nội địa, việc tuyên truyền, quảng bá chỉ làm tăng thêm việc tiêu tiền của cư dân ở các vùng du lịch mà không gây biến động lớn lượng khách du lịch ở các vùng.

Ý thức rõ vai trò và tầm quan trọng của việc quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch, trong những năm qua các tỉnh Duyên hải miền Trung đã làm tốt công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa... ở các tỉnh Duyên hải miền Trung ngày càng thu hút nhiều khách du lịch trên thế giới đến tham quan, tìm kiếm cơ hội đầu tư khai thác tiềm năng du lịch. Song nhìn thẳng vấn đề thì du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung vẫn đang ở chặng đầu của sự phát triển, với kết quả đạt được còn rất nhỏ bé và khiêm tốn, một mặt, cơ sở vật chất còn nhiều yếu kém, mặt khác, công tác quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch còn nhiều hạn chế, thiếu những người có khả năng tổ chức quảng bá, xúc tiến du lịch, tuy rằng các tỉnh Duyên hải miền Trung tiềm năng kinh tế du lịch rất đa dạng và phong phú, nhiều di tích văn hóa, lịch sử, thắng cảnh đẹp được thế giới thừa nhận nhưng số du khách biết đến chưa nhiều và không cụ thể, do đó:

Thứ nhất, phải nghiên cứu về đặc điểm, nhu cầu của khách du lịch để đưa ra một chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch thích hợp.

Việc nghiên cứu đặc điểm của du khách cần dựa trên các tiêu chí như nhân chủng học, đặc điểm về kinh tế, xã hội, đặc điểm về tâm lý... để có hình thức quảng bá và tổ chức xúc tiến khai thác tiềm năng du lịch có hiệu quả. Ngoài việc nghiên cứu đặc điểm của du khách còn phải nghiên

cứu hành vi mua sản phẩm, tới phương thức mua sản phẩm (tại đại lý, qua mạng Internet, đăng ký trực tiếp) cho đến tiêu dùng (thời gian, số lượng thành viên trong đoàn, phương tiện giao thông, khách sạn) và tới lúc kết thúc chương trình du lịch (mức độ thỏa mãn hay phàn nàn, quảng cáo truyền miệng). Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng đối với thị trường du lịch quốc tế, nghiên cứu những nội dung này nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc lựa chọn chiến lược Marketing và các chính sách Marketing. Mặt khác, việc tìm hiểu sâu hơn nhu cầu và nguyện vọng của khách theo các tiêu chí như giao tiếp xã hội, tìm hiểu văn hóa, nghỉ ngơi, mức độ sang trọng... cho phép các cơ quan du lịch điều chỉnh các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch của mình phù hợp hơn với từng đối tượng du khách.

Thứ hai, chương trình quảng bá, tổ chức xúc tiến phải phù hợp và dựa trên động cơ đi du lịch của du khách. Động cơ đi du lịch là toàn bộ những tác động tâm sinh lý nội tại của khách du lịch tới sự lựa chọn của họ. Động cơ du lịch được hình thành bởi sự tác động của những nhân tố vĩ mô tới nhu cầu du lịch, động cơ du lịch bao gồm:

+Động cơ liên quan đến công việc, chủ yếu là du lịch công vụ.

+Động cơ tâm sinh lý, chủ yếu là nghỉ ngơi, thư giãn, tham gia các hoạt động ngoài trời, du lịch biển, chơi golf, leo núi...

+Động cơ văn hóa giáo dục, chủ yếu tham dự các lễ hội, tham quan làng nghề, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh...

+Động cơ giao lưu xã hội, chủ yếu đi chơi với bạn bè, về thăm quê hương...

+Động cơ giải trí tiêu khiển, chủ yếu tham dự các cuộc thể thao lớn, mua sắm, tham quan.

+Động cơ tôn giáo, hành hương trong các mùa lễ hội, tôn giáo.

+Động cơ hiếu kỳ, du lịch cảm giác mạnh hoặc thỏa mãn trí tò mò của du khách.

Vấn đề quan trọng là những nhà du lịch phải nắm vững các động cơ du lịch của khách để làm căn cứ cho việc xây dựng các chương trình quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch, nhất là các tỉnh Duyên hải miền Trung nhận thức đúng động cơ du lịch để có nội dung và hình thức quảng bá, xúc tiến phù hợp để khai thác có hiệu quả tiềm năng kinh tế du lịch.

Thứ ba, đẩy mạnh việc áp dụng kỹ thuật truyền thông vào chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch.

Những phương tiện thông tin liên lạc hiện đại, đặc biệt là Internet đã đem lại một diện mạo hoàn toàn mới cho ngành du lịch, truyền hình cáp, vệ tinh... đã thật sự đem lại cả một thế giới giải trí và thông tin cho du khách thập phương. Với những phương tiện kỹ thuật mới hiện nay đã làm thay đổi phương thức tìm kiếm thông tin của khách du lịch, vì vậy các nhà cung cấp du lịch buộc phải điều chỉnh chiến lược tiếp cận với khách hàng, công tác xúc tiến du lịch cần phải đi kèm với việc chuẩn hóa một số bộ phận dịch vụ du lịch như mua vé máy bay, đặt phòng khách sạn, thuê ô tô, hoặc là thực hiện du lịch trọn gói... tất cả những vấn đề đó đòi hỏi phải có sự chuẩn bị và tư vấn công phu. Ngày nay, khi Internet trở nên phổ biến và được sử dụng rộng rãi thì có thể coi đây sẽ là một bước cách mạng trong việc tổ chức các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch. Internet hiện nay được coi là một xa lộ thông tin đối với khách du lịch, vì vậy muốn khai thác tốt tiềm năng du lịch phải lựa chọn phương tiện kỹ thuật thích hợp và có những nội dung chương trình phù hợp cho mọi lứa tuổi của du khách.

Thứ tư, chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch phải được dựa trên việc nghiên cứu kỹ thị trường du lịch.

Nghiên cứu thị trường là một quá trình tổ chức thông tin bao gồm thu thập, xử lý, phân tích và tổng hợp thông tin nhằm hỗ trợ và hoàn thiện việc ra quyết định.

Một trong những đặc điểm quan trọng là các doanh nghiệp lữ hành nói riêng và các doanh nghiệp du lịch nói chung là khả năng tiếp xúc trực tiếp với khách du lịch trong một thời gian dài. Đây thực sự là một lợi thế để các doanh nghiệp du lịch có thể tìm hiểu các thông tin về khách hàng của mình với một chi phí thấp nhất nhưng lại giúp ích thiết thực cho việc đưa ra các nội dung quan trọng trong chiến lược xây dựng chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch với từng địa phương Duyên hải miền Trung. Những nguồn thông tin có được sẽ được sử dụng cho nghiên cứu các nội dung bao gồm:

- Nghiên cứu thị trường và dự báo
- Nghiên cứu khách hàng
- Nghiên cứu về sản phẩm du lịch
- Nghiên cứu về các hoạt động khuyến khích trưng quảng bá, tổ chức xúc tiến du lịch.
- Đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Mỗi nội dung nghiên cứu tương ứng với một mục đích sử dụng. Nghiên cứu về thị trường của các tỉnh Duyên hải miền Trung nhằm mục đích cho việc xây dựng kế hoạch Marketing để dự báo chính xác về số lượng du khách, thị phần, chương trình du lịch cho từng khu vực thị trường, từng địa phương và liên thông thị trường. Nghiên cứu khách hàng về những đặc điểm kinh tế - xã hội, thái độ, mong muốn và nhu cầu của họ sẽ làm cơ sở cho các nội dung của chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch.

Để thực hiện được các nội dung của chương trình quảng bá du lịch này, các doanh nghiệp du lịch cần sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

-Nghiên cứu thường xuyên: được thực hiện liên tục tại chỗ thông qua hệ thống ghi chép thông tin của doanh nghiệp cũng như các số liệu của các tổ chức thống kê hoặc cơ quan du lịch quốc gia.

-Nghiên cứu điển hình: nhằm phân tích một trường hợp đặc biệt nào đó mà các kỳ nghiên cứu đã kết thúc, như đánh giá ảnh hưởng của một chương trình du lịch đi bộ sau 12 tháng triển khai.

-Nghiên cứu định tính đóng vai trò hết sức quan trọng khi nó cho phép các doanh nghiệp du lịch tìm hiểu được thái độ, tâm tư suy nghĩ cùng những mong muốn và cảm nhận của khách du lịch thông qua những phiếu điều tra, câu hỏi phỏng vấn. Các nghiên cứu định tính ngày càng được sử dụng rộng rãi hơn trong việc xây dựng chương trình quảng bá du lịch.

-Nghiên cứu tổng thể: đây là dạng nghiên cứu điều tra thường xuyên do các tổ chức chuyên nghiên cứu thực hiện để nắm bắt và thỏa mãn các nhu cầu của khách du lịch, vì vậy các tỉnh Duyên hải miền Trung phải nhận thức, hiểu sâu vấn đề này để khuyến khích trưng quảng bá và tổ chức xúc tiến du lịch.

Thứ năm, tạo ra những sản phẩm độc đáo, đa dạng để hấp dẫn lôi cuốn sự chú ý của khách du lịch trong chương trình quảng bá. Kinh nghiệm ở một số nước sử dụng rất nhiều hình thức phục vụ du khách với các sản phẩm độc đáo nên đã thu hút số lượng du khách quốc tế ngày một đông phần lớn là do công tác quảng bá, xúc tiến. Vì vậy các tỉnh Duyên hải miền Trung phải nghiên cứu thị hiếu của từng loại khách du lịch để có nhiều sản phẩm độc đáo nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách cả về vật chất, tinh thần và tâm lý, với mục tiêu thu hút nhiều du khách đến Duyên

hải miền Trung, cho nên phải gây ấn tượng tốt cho khách ngay từ khâu quảng bá, đến những bước chân đầu tiên và làm cho khách hài lòng đến điểm cuối cùng.

Quảng bá xúc tiến thông qua các chương trình theo các chủ đề như: “*Năm du lịch phong cảnh*”, “*Năm du lịch văn vật lịch sử*”, “*Năm du lịch phong tục tập quán các dân tộc*”, “*Năm du lịch nghỉ mát*”, các tỉnh cần dựa vào lợi thế tiềm năng của mình như làng nghề để tạo ra các sản phẩm độc đáo mang đậm nét văn hóa dân tộc, như đồ sừng Xuân Mỹ, dệt thêu Minh An, đắp vẽ tư linh của Kim Bồng, lồng đèn ở Hội An; khai thác sản phẩm ở các di sản văn hóa, các trại mỹ nghệ bằng đá, đồ chạm bằng gỗ, các sản phẩm mang hình thái văn hóa vật thể để gắn kết với các sản phẩm mang hình thái văn hóa phi vật thể sẽ tạo nên phần “*hồn của di sản*” thu hút và hấp dẫn du khách hơn. Bằng nhiều hình thức quảng bá, tổ chức xúc tiến các tỉnh Duyên hải miền Trung tiếp tục duy trì lễ hội định kỳ, đồng thời nghiên cứu tổ chức các lễ hội mới với các chủ đề như: Biết ơn cha mẹ (14/7 âm lịch), biết ơn thầy cô (20/11), lễ hội các làng nghề truyền thống, lễ hội quốc tế, tổ chức các phiên chợ rằm, chợ tết, chợ mồng 5, phát hành tờ rơi, panô. Khôi phục lễ hội truyền thống cần gắn với sự tiếp nối của các lễ hội mới như: gắn lễ hội đón giao thừa với lễ hội mừng Đảng đón Xuân; lễ hội trung thu với tết độc lập (2/9); lễ hội Phật đản với các ngày kỷ niệm 30/4, 1/5, 19/5. Phát huy mạnh mẽ về du lịch biển, các tỉnh Duyên hải miền Trung cần lập phương án tổ chức mùa du lịch biển hằng năm.

3.2.6. Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ du khách.

Duyên hải miền Trung có lực lượng lao động dồi dào, mức chi phí nhân công rẻ hơn so với miền Bắc và miền Nam. Hơn nữa, bản tính cần cù, chịu thương, chịu khó, hiếu học, mến khách, thân thiện, giàu bản sắc

văn hóa của người Duyên hải miền Trung đã trở thành nhân tố có tác động tích cực đến sự phát triển nguồn nguyên liệu phục vụ trong ngành du lịch tại khu vực này. Tuy nhiên so với du lịch hai đầu đất nước, nguồn nhân lực phục vụ cho việc khai thác tiềm năng để phát triển du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung thì số lượng còn ít, chất lượng chưa cao, kể cả một số địa phương cán bộ quản lý trong ngành du lịch chuyên môn, nghiệp vụ còn nhiều hạn chế. Vì vậy các địa phương Duyên hải miền Trung cần phải coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo để không ngừng nâng cao nguồn nhân lực đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công tác khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của vùng dưới các hình thức sau:

Thứ nhất, các trường đại học trong khu vực cần nghiên cứu để sớm bổ sung một số ngành nghề đào tạo mới phù hợp với nhu cầu du lịch cho các tỉnh trên địa bàn, như hướng dẫn viên du lịch, Marketing du lịch, quản trị khách sạn, nhà hàng... các trường Đại học ngoại ngữ cần mở thêm những khoa mới như tiếng Nhật, tiếng Đức ... Các trường, trung tâm đào tạo bậc trung học và nghề hiện có tiếp tục mở rộng quy mô, hoàn chỉnh chương trình đào tạo theo hướng tăng kỹ năng thực hành cho người học. Mặt khác, cần đa dạng hóa các hình thức đào tạo để đáp ứng được nhu cầu cho các tỉnh Duyên hải miền Trung. Chương trình chung của các khóa học cần tăng thực hành, thực tập tại các khách sạn nhằm nâng cao việc tự bồi dưỡng, tự đào tạo; các trường nghiệp vụ du lịch trung học cần xây dựng chương trình đào tạo liên thông giữa các bậc từ thấp đến cao.

Thứ hai, các trường đại học, cao đẳng có khoa (bộ môn) đào tạo về chuyên môn du lịch như: Đại học kinh tế Huế, Đại học khoa học Huế, Đại học kinh tế Đà Nẵng, Đại học Duy Tân, trường Cao đẳng Thương mại... cần triển khai một số vấn đề sau:

-Tiếp tục mở rộng quy mô, hoàn chỉnh chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo hướng nâng cao kỹ năng thực hành cho người học. Trong chương trình đào tạo tất cả các nghề du lịch, ngoài kỹ năng chuyên ngành, tin học và ngoại ngữ, cần chú ý đào tạo những kỹ năng cơ bản như: xử lý tình huống; tổ chức công việc; kỹ năng bán hàng; kỹ năng giao tiếp...

-Cải tiến chương trình bồi dưỡng, đào tạo ngành quản trị kinh doanh du lịch theo hướng: tăng thêm tỷ lệ số học phần các môn chuyên ngành, có một tỷ lệ nhất định các môn chuyên sâu được lựa chọn theo nhu cầu do các địa phương gửi người tới đào tạo, bổ sung nội dung đào tạo về kỹ năng thực hành. Kết cấu chương trình bồi dưỡng đào tạo về quản trị khách sạn theo mô hình của các nước phát triển, các nước có ngành du lịch phát triển mạnh như Singapore họ có các phần như: lý thuyết các môn liên quan tới quản trị khách sạn, các công cụ quản trị khách sạn, đạo đức và thái độ nghề nghiệp, kỹ năng và kỹ thuật nghề khách sạn. Với chương trình đào tạo như vậy, người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc ở cấp trung gian của khách sạn và cấp cao của khách sạn quy mô nhỏ và vừa.

-Cần phát triển nhiều loại chương trình đào tạo để tạo cơ hội cho nhân viên du lịch, khách sạn được học và cấp bằng phù hợp với điều kiện làm việc của họ. Các chương trình đào tạo cần được thông tin tới các địa phương, các đối tượng bằng nhiều cách thức để địa phương và người học có thể lựa chọn các chương trình cho phù hợp.

Thứ ba, cần đa dạng các phương thức đào tạo: chính quy, tại chức dài hạn, ngắn hạn, đào tạo từ xa, đào tạo tại chỗ, đào tạo qua mạng. Nghiên cứu xây dựng giáo trình điện tử trong đào tạo du lịch, trước mắt ở bậc dạy nghề. Để nâng cao chất lượng bồi dưỡng đào tạo ở các trường cần tăng cường công tác đào tạo giáo viên, giảng viên và đào tạo viên đảm bảo

đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn hóa về chất lượng, đáp ứng nhu cầu vừa tăng quy mô vừa nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch bằng nhiều hình thức cả trong và ngoài nước, thu hút giảng viên từ các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp bao gồm công chức, viên chức, các nhà quản lý, các nhà khoa học có trình độ, các doanh nhân, nghệ nhân... Hằng năm, các trường trung học và dạy nghề du lịch cần bố trí cho giáo viên đến thực tập tại các doanh nghiệp du lịch-khách sạn để cập nhật kiến thức, kỹ năng và hiểu rõ hơn nhu cầu đào tạo của từng doanh nghiệp, từng địa phương, hoặc làm việc luân phiên tại các cơ sở thực hành của các trường. Các trường du lịch cần phối hợp với các trường đào tạo quản lý khách sạn của các nước để tổ chức các khóa bồi dưỡng, đào tạo giám đốc khách sạn, các chức danh quản lý du lịch. Mặt khác, các doanh nghiệp, địa phương cũng cần gửi cán bộ quản lý đào tạo ở nước ngoài hoặc thuê chuyên gia nước ngoài đang làm công tác tại các khách sạn cao cấp kiêm công tác bồi dưỡng, đào tạo tại chỗ nhằm giúp cán bộ quản lý sớm tiếp cận với công nghệ quản lý tiên tiến về du lịch – khách sạn, biết cách khai thác tiềm năng kinh tế du lịch đạt hiệu quả cao.

Thứ tư, khuyến khích, thúc đẩy việc sử dụng internet để từng bước thiết lập hệ thống thông tin qua mạng giữa các đầu mối đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch. Nghiên cứu đề án thành lập trung tâm thông tin về thị trường lao động du lịch và cơ sở bồi dưỡng nhân lực du lịch phục vụ công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng nhân lực du lịch, gắn kết người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo và người muốn gia nhập thị trường lao động du lịch với nhau chặt chẽ hơn. Tăng cường quan hệ nhà nước – doanh nghiệp tư nhân trong phát triển nguồn nhân lực, các điều kiện vật chất phục vụ giáo dục du lịch và các chương trình đào tạo. Nâng cấp các chương trình giáo dục du lịch, các kỹ năng và xây dựng chuẩn nghề và thủ tục chứng nhận,

để cuối cùng hướng tới việc công nhận lẫn nhau các kỹ năng và đào tạo trong khu vực ASEAN.

Ngày nay trong công tác quản lý, nhân tố con người được các nhà quản lý đặc biệt coi trọng và luôn đặt ở vị trí trọng tâm hàng đầu trong mọi sự đổi mới. Chính sách về con người là 1 trong 4 chính sách lớn của doanh nghiệp: con người, tài chính, kỹ thuật, công nghệ. Mặc dù có sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, quá trình tự động hoá ngày càng tăng, việc sử dụng máy móc thay thế con người trong công tác quản lý tự động hoá ngày càng lớn, nhưng vai trò của con người trong kinh doanh, trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch không thể coi nhẹ mà ngày càng được đề cao.

Trong kinh doanh du lịch việc nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả lao động lành nghề sẽ tạo cho khách du lịch an tâm tin tưởng, họ được phục vụ chu đáo và hài lòng khi được cung cấp các sản phẩm du lịch. Khi du khách hài lòng với hành trình của mình thì họ sẽ là người quảng bá cho du lịch địa phương một cách hữu hiệu nhất, từ đó tăng lượng khách, tăng doanh thu từ du lịch càng phát triển, đóng góp cho sự nghiệp phát triển chung của đất nước và xã hội.

Thứ năm, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho việc khai thác tiềm năng du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung cần theo các hướng sau:

- Cơ cấu đào tạo phải phù hợp với đặc điểm lao động của du lịch, do đặc thù của lao động trong du lịch có nhiều sự khác biệt với các ngành khác mà các địa phương Duyên hải miền Trung cũng căn cứ vào đặc thù của du lịch địa phương mình cho phù hợp để khai thác lợi thế tiềm năng du lịch, tránh tình trạng “thừa lao động - thiếu việc làm”. Trong việc đào tạo bồi dưỡng các loại cán bộ, công nhân kỹ thuật du lịch các tỉnh, tính kỹ việc kế thừa để khỏi hụt hẫng, nhất là nguồn nhân lực nữ.

- Đối với việc đào tạo cán bộ quản lý du lịch, phải nhận thức đồng bộ là nhấn mạnh vào phương diện lý luận như: tầm quan trọng và đặc điểm của du lịch; ảnh hưởng của du lịch đến kinh tế - xã hội; xu hướng của du lịch; tác động của sự phát triển du lịch đối với các nước đang phát triển; tiếp tục hoàn thiện trình độ ngoại ngữ, lễ tân...

3.2.7. Tăng cường liên kết, hợp tác để khai thác tiềm năng kinh tế du lịch giữa các địa phương trong nước và nước ngoài.

Một trong những điểm yếu trong việc khai thác tiềm năng kinh tế để phát triển du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung là sự liên kết giữa các địa phương còn nhiều hạn chế, với các vùng trong nước và các nước trong khu vực còn rời rạc, còn tình trạng tác chiến độc lập, tự cạnh tranh với nhau dẫn đến thiệt hại cho việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch vốn là thế mạnh của vùng. Nhất là trong qui hoạch phát triển du lịch ở mỗi địa phương làm mỗi mảnh, các chương trình du lịch, xúc tiến, quảng bá mang tính cát cứ, thị trường du lịch không mở rộng, cạnh tranh hạ giá tour du lịch, sản phẩm, phòng ở khách sạn...làm thiệt hại trong kinh doanh.

Ngoài ra sự phối hợp giữa các ngành hữu quan trong quản lý kinh doanh du lịch có địa phương, có lúc chưa chặt chẽ, nhất là giữa kế hoạch đầu tư và sở quản lý chuyên ngành du lịch trong đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép, trong triển khai dự án theo qui định...nên Sở Du lịch không nắm chắc được các doanh nghiệp, hộ kinh doanh du lịch và các quận, huyện trong việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải toả chưa thật tốt nên chậm trễ trong việc triển khai dự án. Do vậy, để việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch đạt hiệu quả cao, tạo ra được sự thống nhất trong kinh doanh, tạo được tiếng nói đồng thuận trong hoạt động du lịch của mình cần phải:

Thứ nhất, cần có sự chỉ đạo vĩ mô từ Tổng cục du lịch, mỗi năm Tổng cục du lịch cần có cuộc họp chung, làm việc cụ thể với các tỉnh

Duyên hải miền Trung để tạo ra sự nhất trí, tháo gỡ những vướng mắc và lắng nghe những đề xuất hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của cả vùng, từ đó Tổng cục có chính sách mang tính đặc thù của các tỉnh Duyên hải miền Trung, coi việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch của các tỉnh Duyên hải miền Trung là một bộ phận không thể tách rời với du lịch cả nước và nối kết, tư vấn các hoạt động du lịch ở nước ngoài. Tạo điều kiện cho du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung hợp tác, liên kết với du lịch cả nước và với du lịch các nước trong vùng cũng như các nước trên thế giới, thông qua hợp tác, xúc tiến, quảng bá để học hỏi, hỗ trợ, rút kinh nghiệm, giúp đỡ nhau để cùng nhau phát triển đồng bộ.

Thứ hai, tăng cường sự phối hợp giữa các địa phương, các ngành trong khu vực và từng tỉnh trong công tác quy hoạch khai thác tiềm năng, xây dựng chương trình hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch cần có sự tham khảo ý kiến, có sự phản biện các nhà khoa học, các nhà hoạch định, qui hoạch và các địa phương để tạo ra sự phối hợp ăn ý trong kinh doanh, tránh tình trạng mỗi địa phương làm mỗi kiểu, các sản phẩm du lịch khi đưa ra thị trường cần có sự liên kết chặt chẽ như thị trường, giá cả, cung cầu, tránh tình trạng tranh giành khách và chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, sự thiệt hại trong cạnh tranh du lịch sẽ dẫn đến ảnh hưởng không tốt cho các ngành liên quan như thương mại, dịch vụ, ngân sách của địa phương.

Thứ ba, cần tăng cường việc giao ban với các doanh nghiệp lữ hành, các chủ khách sạn, các cơ sở du lịch giữa các địa phương trong vùng theo định kỳ, qua đó sẽ thống nhất và hiểu nhau việc kinh doanh khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, tạo điều kiện hợp tác, đồng thời qua các cuộc giao ban để cùng nhau xử lý, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong hoạt động, quản lý việc khai thác tiềm năng du lịch của vùng, qua đó có đề xuất, kiến nghị thống nhất với Tổng cục, Nhà nước sớm có kế hoạch, có

chiến lược kịp thời cho vùng, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh ổn định đúng hướng, phối hợp giữa các địa phương giải quyết dứt điểm tình trạng bán hàng rong, cạnh tranh khách ở các điểm tham quan, sân bay, bến xe, khu du lịch. Các tỉnh hợp tác thống nhất kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh, khai thác tiềm năng du lịch trái phép; phối hợp giải quyết đúng luật, kịp thời các việc khiếu nại, tố cáo các tổ chức, cá nhân, du khách trong hoạt động du lịch của vùng.

3.2.8. Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung.

Đối với việc quản lý nhà nước toàn ngành đã tập trung sức, trí tuệ, nghiên cứu, đề xuất ban hành các chính sách phát triển, từng bước hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành du lịch. Củng cố và từng bước sắp xếp hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương đủ mạnh để lãnh đạo, điều hành và thu hút các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư khai thác tiềm năng để phát triển du lịch.

Tuy vậy, việc tổ chức thực hiện quản lý khai thác, sử dụng tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung trong thời gian qua vẫn còn nhiều bất cập như việc quy hoạch phát triển, khai thác tiềm năng giữa các tỉnh chưa ổn định, còn chậm và thiếu tính khả thi, liên kết chưa cao, ở một số địa phương chưa xác định rõ các điểm bán hàng, các bãi đậu xe, các điểm bán vé dẫn tới tình trạng lộn xộn, cảnh quan thiên nhiên, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tuy có tiến bộ nhưng chưa thật tốt.

Để khắc phục có hiệu quả những yếu kém về quản lý nhà nước trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao vai trò quản lý nhà nước ở các tỉnh Duyên hải miền Trung có hiệu quả, đúng định hướng cho phát triển du lịch bền vững cần phải:

Một là, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch nhằm định hướng cho hoạt động du lịch trên từng địa bàn và toàn khu vực.

Phải thông báo công khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh, những tuyến đường, điểm, sản phẩm du lịch cần khuyến khích để các thành phần kinh tế lựa chọn hướng đầu tư khai thác tiềm năng kinh tế du lịch. Tránh tình trạng quy hoạch “treo” và quan niệm cho rằng quy hoạch là tài liệu bảo mật, người dân không được biết, làm như vậy sẽ hạn chế tính dân chủ trong xây dựng và thực hiện quy hoạch.

Phải tăng cường quản lý nhà nước về kiểm tra, giám sát toàn bộ công tác quy hoạch có biện pháp xử lý nghiêm những hiện tượng làm sai quy hoạch. Tăng cường đôn đốc các ngành, các quận, huyện, thị xã xây dựng chương trình kế hoạch phát triển, nhất là các địa phương có tiềm năng lớn về phát triển du lịch như Quảng Bình, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hoà.

Hai là, xây dựng, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản lý các hoạt động khai thác tiềm năng du lịch.

Với các tỉnh Duyên hải miền Trung việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý khai thác tiềm năng du lịch cần phải: Điều chỉnh quy hoạch phát triển du lịch của địa phương cho phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995-2010 và Quyết định 194/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giải pháp phát triển du lịch khu vực miền Trung – Tây Nguyên, trên cơ sở đó ban hành các quy định về quản lý chặt chẽ đầu tư và xúc tiến quảng bá du lịch theo quy hoạch, xây dựng đi đôi với hoàn thiện quy chế quản lý tài nguyên môi trường du lịch, nâng cao nhận thức xã hội để phục vụ phát triển. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy định về hoạt động du lịch kinh doanh có điều kiện như nhà hàng, khách sạn, karaoke, massage. Điều chỉnh những quy

định không còn phù hợp, bổ sung thêm yêu cầu quản lý nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi để thực hiện. Bên cạnh đó, cần có quy chế xử phạt nặng những trường hợp gây ô nhiễm môi trường và vi phạm trật tự an toàn xã hội. Ban hành kịp thời các văn bản chế tài về khai thác, sử dụng tiềm năng du lịch; tu bổ, tôn tạo các giá trị văn hoá, vật thể và phi vật thể. Hoàn chỉnh một số quy chế về quản lý khai thác có hiệu quả các khu di tích.

Ba là, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính và tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch.

Thủ tục hành chính đơn giản, gọn nhẹ giúp các nhà đầu tư và doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, giảm bớt thời gian chờ đợi, đây là môi trường thuận lợi để hấp dẫn các doanh nhân và du khách. Nội dung cải cách hành chính trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung cần hướng vào:

- Tháo gỡ những thủ tục phiền hà với du khách, tạo ra sự thông thoáng để mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế trong hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch.

- Công khai các thủ tục cần thiết có tính bắt buộc trong quá trình đi du lịch của du khách. Kiên quyết xoá bỏ tình trạng quá nhiều quy định gây phiền hà cản trở trong quá trình đi du lịch của khách, đặc biệt là cải thiện các thủ tục như cấp visa ở sân bay tạo điều kiện cho du khách xuất nhập cảnh thuận lợi.

- Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách phù hợp cho việc huy động các nguồn lực để phát triển du lịch, khuyến khích các công ty du lịch trong và ngoài nước đặt chi nhánh và phòng đại diện ở địa phương. Tổ chức các cuộc giao ban lý hành, khách sạn theo định kỳ để nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp đồng thời giải quyết kịp thời các vướng mắc và kiến nghị của doanh nghiệp.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động khai thác tiềm năng du lịch nhằm thiết lập kỷ cương và bảo vệ lợi ích của nhà nước và của công dân.

Nội dung của thanh tra, kiểm tra trong việc quản lý hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch các tỉnh Duyên hải miền Trung cần hướng vào:

- Thực hiện các quy định của nhà nước về hoạt động khai thác tiềm năng kinh tế du lịch như chế độ báo cáo thống kê, chấp hành thực hiện các chính sách về tài chính, về bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội, cảnh quan môi trường...

- Phối hợp với các ban, ngành chức năng định kỳ kiểm tra, thanh tra các hoạt động dịch vụ du lịch như hoạt động lưu trú vận chuyển khách lữ hành, massage, nhà hàng ăn uống, quán karaoke, phòng cháy chữa cháy, kiểm tra việc niêm yết giá bán hàng. Tăng cường và có hình thức giám sát quản lý hiệu quả người nước ngoài đi du lịch riêng lẻ “Tây ba lô”...

- Kiểm tra giám sát việc thực hiện quy định, kế hoạch phát triển du lịch và việc đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích.

Năm là, đổi mới hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch và đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ quản lý, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý du lịch.

- Trước hết phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của Sở Du lịch trong việc tham mưu cho UBND tỉnh quản lý nhà nước về khai thác tiềm năng kinh tế du lịch, đồng thời phân định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp hiệu quả quản lý nhà nước về và hoạt động khai thác kinh doanh du lịch trên địa bàn, giữa Sở du lịch và các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan.

- Ở những tỉnh du lịch và thương mại cùng chung một sở cần nghiên cứu tách thành 2 sở riêng để có điều kiện đi sâu vào quản lý chuyên môn. Thành lập phòng chức năng quản lý du lịch ở một số quận, huyện, thị xã có tiềm năng về du lịch. Đối với huyện, thị không thành lập phòng có thể thành lập ban quản lý du lịch hoặc trung tâm quản lý du lịch để gắn việc quản lý khai thác, tái đầu tư và phát triển.

- Xây dựng cơ chế phân cấp hoạt động du lịch giữa các phòng chức năng quản lý khai thác du lịch, các ban quản lý tại các huyện, thị xã và Sở du lịch. Nghiên cứu thành lập hội du lịch, hiệp hội khách sạn nhằm liên kết hoạt động du lịch, tránh cạnh tranh không lành mạnh ảnh hưởng tới uy tín, hiệu quả kinh doanh du lịch của địa phương. Tổ chức các mô hình hoạt động kinh doanh lãnh đạo dựa vào cộng đồng, đặc biệt là các địa phương nơi có nhiều tour du lịch sinh thái, tham quan làng nghề truyền thống, tìm hiểu văn hoá dân tộc.

KẾT LUẬN

Trên cơ sở các luận cứ khoa học, những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta và thực tiễn vận động; qua khảo sát, tìm hiểu tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung; đề tài khoa học này còn được nối tiếp mở rộng và luận giải sâu sắc thêm của hai đề tài khoa học đã được nhóm tác giả ở trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng nghiên cứu về miền Trung - Tây Nguyên đó là: đề tài *“Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch miền Trung tại Bắc Trung bộ bằng tour du lịch “con đường di sản văn hóa thế giới”*” năm 2003 và đề tài: *“Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch Tây Nguyên bằng tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên”*” năm 2004.

Đề tài khoa học *“Khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung”* được tập thể tác giả tập trung nghiên cứu, phân tích đánh giá thực trạng việc khai thác tiềm năng kinh tế du lịch ở các tỉnh Duyên hải miền Trung một cách nghiêm túc, từ đó rút ra những nguyên nhân của kết quả và hạn chế, trên cơ sở đó đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ có tính khả thi. Chúng tôi cho rằng sản phẩm của đề tài khoa học này còn là tài liệu có giá trị tham khảo quan trọng cho các địa phương trong việc hoạch định đưa ra những chủ trương, chính sách trong hoạt động và phát triển du lịch; nhất là đối với các tỉnh Duyên hải miền Trung trong việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế du lịch, vì:

Dải đất Duyên hải miền Trung từ Quảng Bình đến Khánh Hòa là nơi tập trung nhiều tiềm năng du lịch của cả nước, nơi đây có nhiều di sản văn hóa, di tích lịch sử thế giới đã được UNESCO công nhận là một lợi thế lớn tạo cơ hội cho phát triển du lịch so với các vùng của hai đầu đất nước. Phát triển kinh tế du lịch với các tỉnh Duyên hải miền Trung là ngành kinh tế

tuy còn non trẻ, song đây cũng là ngành có nhiều triển vọng sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế-xã hội của vùng và cả nước phát triển; trong những năm gần đây kinh tế du lịch Duyên hải miền Trung có bước tiến đáng kể; nhưng hiện trạng vùng này được xếp hạng vào loại phát triển chậm nhất về nhiều mặt so với các vùng trong cả nước; là vùng còn nhiều địa phương nghèo, đời sống của đại bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao; mật bằng dân trí còn thấp, nhất là các huyện miền núi của vùng nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số cư trú, nơi đây tiềm năng du lịch còn là một kho của cải quý giá chưa được khai thác nhiều để phát triển kinh tế xã hội. Để cùng du lịch phát triển cần phải: *thứ nhất*, xây dựng và phát triển các chuỗi đô thị dọc bờ biển; *thứ hai*, xây dựng các khu, các cụm và các điểm công nghiệp để tạo cơ sở và hỗ trợ cho nông nghiệp phát triển vững chắc. Bên cạnh đó cần có sự hỗ trợ vĩ mô nhà nước đầu tư khai thác có hiệu quả các cảng biển nước sâu của vùng; phải khẳng định rằng các tỉnh Duyên hải miền Trung rất khó khăn cho việc phát triển kinh tế, du lịch là do thiên nhiên khắc nghiệt, nhưng bù lại thiên nhiên cũng ban tặng cho vùng này tình nào cũng có nhiều cảnh đẹp nổi tiếng về biển, về làng quê, về rừng núi, cả về văn hóa và di tích lịch sử.

Vì vậy, việc mở rộng các hoạt động khai thác tiềm năng du lịch biển, đảo; du lịch đô thị, làng quê, du lịch thắng cảnh, thác nước, núi rừng trùng điệp; du lịch văn hóa vật thể phi vật thể; du lịch di tích lịch sử... đây là những tiềm năng khai thác có hiệu quả sẽ là lợi thế so sánh của vùng Duyên hải miền Trung, nhất định sẽ khơi dậy và phát huy tốt, tạo ra bước đột phá cho kinh tế toàn vùng tăng tốc, trong đó kinh tế du lịch sẽ là tác nhân quan trọng thúc đẩy vùng Duyên hải miền Trung này chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa để khai thác hết thế mạnh của từng vùng, cùng cả nước sớm thực hiện tốt mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch tại Bắc Trung bộ bằng Tour du lịch “con đường di sản văn hóa thế giới” đề tài của Tổng cục Du lịch thực hiện, do TS Hồ Công Dũng làm chủ nhiệm năm 2003.

2. Cơ sở khoa học và giải pháp khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch Tây Nguyên bằng tuyến du lịch “Con đường xanh Tây Nguyên” đề tài của Tổng cục du lịch thực hiện do TS. Trương Sĩ Quý làm chủ nhiệm năm 2004.

3. Báo cáo Tổng hợp quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng du lịch Bắc Trung bộ đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của Tổng cục du lịch.

4. Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động du lịch 2001-2005 của Sở Thương mại – Du lịch tỉnh Khánh Hòa.

5. Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động du lịch 2001-2005 của Sở Thương mại du lịch tỉnh Quảng Nam

6. Báo cáo tổng kết công tác du lịch năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm 2006 của thị xã Hội An.

7. Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động du lịch 2001-2005 của Sở Thương mại – Du lịch Quảng Bình.

8. Quy hoạch phát triển du lịch năm 2000-2010 của tỉnh Quảng Bình.

9. Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động du lịch của Sở du lịch tỉnh Thừa Thiên-Huế.

10. Báo cáo tổng kết hoạt động Du lịch năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ năm 2006 của Sở du lịch thành phố Đà Nẵng.

11. Hướng dẫn du lịch Đà Nẵng năm 2006.
12. Đề án điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Quảng Trị đến năm 2010 có tính đến 2020.
13. Báo cáo tổng kết công tác du lịch năm 2005 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động du lịch năm 2006 của Sở Thương mại du lịch tỉnh Quảng Ngãi.
14. Báo cáo tổng kết công tác du lịch năm 2005 và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động du lịch năm 2006 của Sở du lịch tỉnh Bình Định.
15. Sở du lịch Đà Nẵng, *hướng dẫn du lịch Đà Nẵng*, Đà Nẵng 2003.
16. TS Nguyễn Trọng Đặng, TS Nguyễn Thị Doãn Liệu, TS Trần Thị Hùng và ThS Vũ Đức Mạnh. Quản trị kinh doanh khách sạn – du lịch, trường Đại học Thương mại, Hà Nội năm 2003.
17. Nguyễn Hoàng Thụy “Phát triển nguồn nhân lực trong điều kiện mới” tạp chí phát triển kinh tế số 11 năm 2002.
18. Trần Văn Tùng, phát triển nguồn nhân lực kinh nghiệm thế giới và thực tiễn nước ta.
19. TS. Trần Thị Mai, Nghiên cứu thực trạng và giải pháp phát triển nguồn nhân lực trực tiếp kinh doanh du lịch tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên, đề tài cấp bộ năm 2004.